

VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

Cuốn sách biết ñi
Tr. 40

Mất và Đi
trong âm nhạc
Tr. 10

Phật Hương Tích Tr. 28



zenart.com.vn

Tôn
tạo
tượng
Phật
là
một
pháp
môn
tu



Kính
miền
Vịa
Bồ
tát
Quán
Thế
Âm
(19/9 ÂL)



Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÂN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Ngô Văn Thông, DD: 0906 934 252

Quảng cáo
Pháp Tuệ, DD: 0913 8100 82

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
toasoanvhp@gmail.com

Tên tài khoản:

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
Số tài khoản: 1487000000B
Ngân hàng VP Bank, Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Vận hội mới - thách thức mới (Nguyễn Cảnh)	4
Giá trị nhân văn trong hoành phi câu đối (Tôn Thất Thọ)	8
Mất và Đi trong âm nhạc (Lê Hải Đăng)	10
Người Trung Quốc và người Mỹ hiểu văn hóa như thế nào? (Brent Crane, Cao Huy Quỳnh Hoa dịch)	13
Bào mòn tập khí bất thiện (Kim Ngân)	16
Nhất Tâm (Nguyễn Thế Đăng)	20
Nghĩa kinh úa lẹ (Nhụy Nguyễn)	24
Phật Hương Tích (Đỗ Hồng Ngọc)	28
Biết buông bỏ ký ức (Nguyễn Hữu Đức)	31
Chuyện Bà Di (Nguyễn Hữu Thông)	34
Cái, con, chiếc (Hồ Anh Thái)	37
Chuyện khen chê (Hoàng Tá Thích)	38
Cuốn sách biết đi (Võ Thị Thu Hà)	40
Đốt lò hương ấy (Thái Kim Lan)	43
Con chó Bin của tôi (Bùi Trường Trí)	44
Căn nguyên hạnh phúc (Hồ Tịnh Thủy)	46
Thổn thức mùa đông (Thanh Ngân)	48
Tha thứ và chấp nhận (Lê Hứa Huyền Trân)	50
Thơ (Trường Khánh, Lý Thị Minh Châu, Phan Thành Minh, Hữu Du, Trần Ngọc Mỹ, Nguyễn Dũng)	52
Nước mắt chảy xuôi (Nguyễn Trọng Hoạt)	54
Những bài học thuộc lòng của một thời tiểu học (Nguyễn Phúc Vĩnh Ba)	56
Hỏi đáp (Bàng Ấn)	59

Bìa 1: Âm nhạc và màu sắc. Nguồn: munciesymphony.org

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Tháng Mười Một đã đến. Trong những ngày qua, tòa soạn Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo có phần tất bật rộn ràng với việc thực hiện bộ lịch năm Bính Thân 2016 để làm một món quà đơn sơ tình nghĩa như mọi năm để gửi đến các điểm phát hành, quý độc giả dài hạn, quý vị cộng tác viên thường xuyên, cùng các ân nhân và thân hữu, để thể hiện lòng biết ơn về sự ủng hộ của quý vị mà tạp chí đã nhận được. Chủ đề lịch năm nay là "Lời Phật dạy và hoa"; chọn lọc từ các trang Sương mai của tạp chí (xin xem giới thiệu trong phần quảng cáo ở bìa 3 của số báo này). Nhân dịp này, chúng tôi mong mỗi chư tôn đức, quý tự viện, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp Phật giáo... có nhu cầu in lịch tặng Phật tử, đối tác, khách hàng... vui lòng liên hệ với tòa soạn, cho biết các chi tiết liên quan đến đơn vị mình, để chúng tôi có thể in vào lịch, thay thế các phần in về VHFG.


Mới đây, chúng tôi có được một niềm vui không nhỏ. Trong buổi họp thường kỳ giữa tháng Mười, Thượng tọa Phó Tổng biên tập Thích Minh Hiền từ chùa Hương có vào dự; Thượng tọa đã nêu lên một số nhận xét và đề nghị rất chính xác. Nhân đó, Thượng tọa cũng đã giải quyết một số khó khăn về tài chánh trong dịp Tết Bính Thân sắp đến.

Hiện nay, trong lúc chuẩn bị cho việc thực hiện số báo Xuân Bính Thân 2016, chúng tôi cũng mong quý vị cộng tác viên đóng góp thêm bài vở để số báo Xuân được phong phú. Thời gian cụ thể về việc tiếp nhận bài viết cho số báo Xuân sẽ được thông báo trên thư tòa soạn số báo phát hành ngày 15-11-2015.

Kính chúc quý vị luôn được thân tâm an lạc trong niềm tin Tam bảo.

Văn Hóa Phật Giáo





Ta tuyên bố một cách dứt khoát rằng,
này Ananda, thân làm thiện, miệng nói
thiện, ý nghĩ thiện là điều nên làm.

Kinh Tăng Chi Bộ,
Chương II, Hai pháp



Vận hội mới Thách thức mới

NGUYỄN CÂN

Vận hội mới

Sự kiện Việt Nam vừa hoàn tất đàm phán *Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương* (TPP - Trans-Pacific Strategic Economic Partnership Agreement) cũng có nghĩa là Việt Nam đang bước vào một cuộc chơi lớn. Là một hiệp định bao hàm toàn bộ các điều khoản liên quan đến thương mại làm nền tảng cho hội nhập khu vực, người ta tin tưởng khối TPP sẽ mở ra một thị trường vô cùng hứa hẹn gồm Australia, Brunei, Canada, Chile, Nhật Bản, Malaysia, New Zealand, Peru, Singapore, Mexico, Hoa Kỳ và Việt Nam. Có người cho rằng Việt Nam là nước sẽ hưởng lợi nhiều nhất do là nước kém phát triển nhất trong khu vực rộng lớn của các quốc gia ven bờ Thái Bình Dương, vốn được coi là một trong những trung tâm kinh tế của thế kỷ thứ XXI. Theo hiệp định này, nhiều hàng rào thuế quan sẽ bị

hạ xuống thậm chí bằng không, cũng như nhiều quy chuẩn chung sẽ được thiết lập. Điều này ảnh hưởng đến đời sống kinh tế của các quốc gia thành viên.

Theo ước tính, sản lượng xuất khẩu của Việt Nam sẽ có cơ hội gia tăng đáng kể đối với các ngành dệt may, giày dép, nông nghiệp, và đặc biệt là thủy sản. Nhưng không có phần thưởng nào mà không có cái giá của nó. Nhiều người băn khoăn, rằng vẫn biết mọi hợp tác đều đem đến cơ hội và cơ hội nào cũng có khả năng trở thành cơ hội tốt, nhưng vấn đề là chúng ta có nắm được cơ hội hay không, đó mới là điều quan trọng. Ví dụ như khi Việt Nam gia nhập *Tổ chức Thương mại Thế giới* (WTO), chúng ta đã không nắm được hết mọi cơ hội, chỉ bởi một lý do đơn giản là nền kinh tế của chúng ta không chuẩn bị kịp vào thời điểm ấy. Có nhà bình luận cho rằng vào lúc bấy giờ Việt Nam chỉ coi

việc gia nhập WTO như là một dịp để khuấy động nền kinh tế, trong khi đáng lẽ phải chuẩn bị từ trước khi đàm phán để chi phối cuộc thương thuyết theo chiều hướng có lợi về mặt chiến lược cho từng lãnh vực công - nông nghiệp và dịch vụ trong nước.

Tương tự, với việc tham gia hiệp định TPP lần này, chúng ta cũng cần phải hiểu rằng các đối tác đều có thể là đối tác tích cực; nhưng cùng lúc, họ cũng là những đối thủ cạnh tranh. Vì thế, để thực sự có lợi trong việc gia nhập TPP, Việt Nam phải định hướng lại cấu trúc kinh tế, tăng hàm lượng của Việt Nam trong sản phẩm; chứ nếu không, hàm lượng của Việt Nam vẫn nằm trong chuỗi giá trị thấp thì chúng ta cũng chẳng thu lợi được gì. Nhiều chuyên gia thống nhất ý kiến rằng cái được lớn nhất khi Việt Nam vào TPP chính là sức ép, là thách thức. Bởi khi đã vào TPP thì buộc mình phải tự thay đổi, nếu không sẽ phải trả giá. Thay đổi cả ở phía doanh nghiệp lẫn phía cơ quan quản lý. Nếu chúng ta chỉ tiếp tục xuất khẩu lao động thiếu chuyên môn, vẫn bán nguyên liệu thô, hay chỉ biết làm gia công, trong khi chúng ta lại mua thêm nhiều sản phẩm có giá trị gia tăng cao, thì như thế rõ ràng chúng ta sẽ có thêm nhiều mối lo. Đó là chưa kể lao động của chúng ta sẽ ngày càng đắt theo với việc gia tăng mức sống; một ngày kia lương bổng sẽ không còn cạnh tranh. Ngay cả trong lãnh vực hải sản, chúng ta cũng không phải là nước duy nhất trong khu vực có sản xuất hải sản. Mặt khác, chúng ta đang rất cần ổn định đời sống nông thôn trên toàn lãnh thổ. Mà muốn vậy, chúng ta cần đi xa hơn vấn đề thu nhập của nông dân vốn đã quá thấp để đi tới việc cấu trúc lại đời sống nông thôn. TPP là hiệp định thương mại, chúng ta phải có khả năng xuất khẩu thì mới có cơ hội. TPP lại có quy định rất chặt chẽ về xuất xứ hàng hóa nên cơ hội cho Việt Nam có khi là không nhiều. Trong khi Việt Nam không có sản phẩm phụ trợ, cơ bản là nhập khẩu từ Trung Quốc.

Một chuyên gia về quản trị và thương mại, đã từng là cố vấn thương mại cho Chính Phủ Pháp là Giáo sư Phan Văn Trường, nhận định: *"... TPP hay WTO đều là các cơ hội để mở mắt, để hiểu rằng cuối cùng chúng ta cũng chỉ trông cậy được vào chính chúng ta chứ không ai khác"*. Ông kêu gọi, *"Tôi muốn đốc thúc tất cả cộng đồng chúng ta theo chiều hướng đó. Chúng ta không có lựa chọn nào khác"*.

Thách thức từ đâu? Từ thể chế?

Tại rất nhiều cuộc hội thảo trong và ngoài Đảng, người ta vẫn thường nghe cụm từ "thay đổi cơ chế" hay "đổi mới thể chế". Có thể hiểu thể chế như là toàn thể các quy định do Nhà nước xác lập trong hệ thống văn bản pháp luật của Nhà nước, được Nhà nước sử dụng để điều chỉnh và tạo ra các hành vi cùng những mối quan hệ giữa Nhà nước với công dân và các tổ chức,

nhằm thiết lập trật tự kỷ cương xã hội. Thể chế Nhà nước là toàn bộ các văn kiện pháp luật tạo thành khuôn khổ pháp luật để bộ máy nhà nước thực hiện chức năng quản lý. Nhưng như nhận xét của nhiều học giả và luật gia, hệ thống luật pháp của chúng ta rất rườm rà, có rất nhiều văn bản dưới luật không thể hiện đúng tinh thần của luật và của hiến pháp. Theo số liệu của Bộ Tư pháp, trong 10 tháng đầu năm 2014 đã có 9.017 văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu vi phạm các điều về tính hợp hiến, hợp pháp, vi phạm thẩm quyền ban hành, nội dung văn bản... chiếm tỷ lệ 22% tổng số những văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành. Để loại bỏ được các văn bản pháp luật có tuổi thọ thấp như vậy, điều quan trọng nhất là phải thay đổi thể chế xây dựng luật pháp. Tính khách quan trong xây dựng pháp luật chỉ có thể thực hiện được bằng việc tạo điều kiện thực sự để mọi người dân tham gia vào quá trình xây dựng pháp luật trên cơ sở minh bạch thông tin và gắn với trách nhiệm giải trình của các cán bộ quản lý. Điều đó cũng sẽ làm hạn chế tình trạng những nhiễu, thanh tra kiểm tra suốt ngày làm khổ doanh nghiệp, khiến xói mòn lòng tin của nhân dân vào ý nghĩa của kiểm tra. Cũng đã đến lúc các cơ quan công quyền cần phải thay đổi thái độ đối với doanh nghiệp và toàn dân, ứng xử trên tinh thần bình đẳng chứ không thể giữ thái độ trịch thượng như trước.

Mới đây, trong *Diễn đàn Kinh tế mùa Thu 2015* tổ chức tại Thanh Hóa, nguyên Bộ trưởng Thương mại, ông Trương Đình Tuyển, nêu ý kiến, *"Nhà nước phải thay đổi chức năng, từ nhà nước chỉ huy, sở hữu sang nhà nước kiến tạo phát triển để phục vụ người dân và doanh nghiệp. Nếu chúng ta không làm được điều này, thì đất nước sẽ còn tụt hậu xa hơn"*. Dẫn ý kiến trên của ông Trương Đình Tuyển, *Thời báo Kinh tế Sài Gòn* cho rằng, *"... Người ta đều thống nhất một điểm chung: Nhà nước phình to, ôm đồm, trùng lặp, thiếu giải trình... đang trở thành lực cản cho thị trường phát triển"*. Cũng tại diễn đàn này, Viện trưởng Viện Kinh tế Việt Nam Trần Đình Thiên cho rằng: *"Sự trói buộc đối với đất nước giờ nằm ở thượng tầng kiến trúc"*. Một khía cạnh quan trọng của vấn đề được ông phân tích: Ngân sách đang phải gánh cho hoạt động của Chính phủ và cả hệ thống chính trị, tức tương đương 2-3 nhà nước. Trong khi đó, quản trị nhà nước lại dựa trên nguyên tắc tập thể, dẫn đến tình trạng không ai chịu trách nhiệm. Viện trưởng Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương Nguyễn Đình Cung chỉ vào một hình, trong đó, một người ẻ cò, còng lưng vác bao tải nặng, cắm mặt dò dẫm bước đi trên một cây gỗ trông như cái cầu khỉ, ông Cung ví von đó là tình trạng của doanh nghiệp tư nhân. Bao tải nặng là chi phí, cầu khỉ là nền tảng thể chế. Ông nói: *"Tình thế của doanh nghiệp là vậy. Họ phải cúi đầu dò dẫm để cố không rơi xuống sông, nên họ không thể vươn xa... Vấn đề hiện nay nằm ở Nhà nước"*. Ông Cung nhận xét:

“Công cụ quản lý, tư duy quản lý không đổi, là đứng bê trên, là kiểm soát thị trường, doanh nghiệp. Nhà nước đặt ra bao nhiêu rào cản để quản. Họ nghiệm quản”. Đại biểu Quốc hội Trần Du Lịch nhận định: “Nếu cải cách thể chế chỉ toàn kinh tế thể này, bộ máy và con người không cải cách, thì sửa 100 cái luật cũng không cải cách được gì”. Một chuyên gia kinh tế, ông Võ Đại Lược, đồng ý rằng có những chuyện kinh tế không thể giải quyết được bằng các biện pháp kinh tế; đặc biệt là khu vực doanh nghiệp nhà nước không sao cải cách được khi vẫn còn xác định kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Ông nói, “Nếu tư duy cũ thì không thể vẽ ra mô hình mới... Nếu chúng ta không nghĩ như thế giới thì chúng ta không tiến cùng được. Tụt hậu về tư duy là tụt hậu quan trọng nhất”.

Quả đúng như nhận định của Tiến sĩ Trần Đình Thiên rằng sự trói buộc của đất nước hiện nằm ở thượng tầng kiến trúc, nghĩa là phải cải cách thể chế. Ngay từ *Diễn đàn Kinh tế mùa Xuân 2014*, các chuyên gia đã nhận định điểm nghẽn cải cách thể chế nằm ở chính vai trò, chức năng của Nhà nước đã không còn phù hợp với kinh tế thị trường; và họ mong muốn phải có những chốt chặn để khóa vòi ngân sách lại. Phải bắt buộc những “chủ thể” quan trọng của thể chế này phải đối mặt với sự khan hiếm nguồn vốn đầu tư và phải lựa chọn bỏ vốn vào những nơi có hiệu quả hơn. Trong đó, Chính phủ, tổ chức cá nhân sẽ phải chịu trách nhiệm về hiệu quả của đồng vốn đầu tư. Chúng ta hiểu, nếu không thay đổi thể chế thì sẽ có nhiều chuyện tréo ngoe như rút ngân sách hàng nghìn tỷ làm tượng đài trong khi thiếu cầu treo, trường học, bệnh viện (!).

Trước đó, *Chương trình Đánh giá Chỉ số Quản trị Đất đai của Việt Nam* do Ngân hàng Thế giới phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường triển khai năm 2013 đã chỉ ra rằng Việt Nam thuộc nhóm nước dẫn đầu thế giới về xây dựng pháp luật nhưng lại thuộc nhóm nước yếu kém nhất thế giới về thực thi pháp luật. Những bất cập và thiếu sót trong ban hành và thực thi chính sách, pháp luật từng nhiều lần trở thành những câu chuyện “dở khóc dở cười” trên truyền thông. Những cụm từ kiểu “làm chính sách trong phòng máy lạnh”, hay “chính sách trên trời, cuộc đời dưới đất”, không chỉ làm thiệt hại công sức, thời gian, tiền bạc của cả bộ máy vận hành chính sách và pháp luật, mà còn ảnh hưởng đến uy tín của nhiều cơ quan lập pháp, hành pháp; và hơn nữa, còn làm méo mó kỷ cương xã hội.

Với việc tham gia TPP thì đây chính là thời điểm cho cải cách triệt để mà trọng tâm là nâng cao chất lượng của nền kinh tế Việt Nam; đổi mới vai trò, chức năng của Nhà nước theo hướng kinh tế thị trường đầy đủ, hiện đại, và hội nhập. Không còn là khẩu hiệu nữa mà chúng ta phải bắt tay vào hành động. Ví dụ như phải bỏ ngay những khâu kiểm tra chuyên ngành hiện đang là “ác mộng” của hầu hết doanh nghiệp khi làm thủ tục hải quan để thông quan hàng hóa bởi các quy

định chồng chéo, bất hợp lý và việc tổ chức thực hiện máy móc. Trong hội thảo “Đơn giản hóa thủ tục kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu” mới được tổ chức ở TP.HCM, ông Phạm Thanh Bình, chuyên gia Dự án Quản trị Nhà nước nhằm Tăng trưởng Toàn diện của Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID GIG), cho biết, từ đầu năm 2015 đến nay, doanh nghiệp xuất khẩu phải kiểm dịch thực vật với hàng xuất dù phía nước ngoài không yêu cầu. Khổ nỗi, phí lại được tính theo lô kiểm dịch chứ không phải toàn bộ lô hàng nên những lô hàng lớn có tới vài chục lô kiểm dịch, tiền phí lên đến vài chục triệu đồng. Trong khi theo ông Nguyễn Đình Cung, thời gian xuất nhập khẩu hàng hóa, tức chỉ số thông quan qua biên giới, chỉ cần giảm được một ngày là nền kinh tế đã tiết kiệm được 1 tỉ đô-la Mỹ/năm.

Vẫn là bài toán con người

Như vậy, xem ra bài toán con người vẫn còn cấp thiết vì chính con người mới viết ra luật, xây dựng thể chế và thi hành chúng.

Nhu cầu có tính cách mệnh lệnh của việc gia nhập TPP là đổi mới và nâng cao năng lực của bộ máy nhà nước; hay nói cụ thể hơn, chính là thay đổi thái độ và động lực làm việc, thực thi công vụ của công chức. Mục đích tối hậu của chúng ta là biến TPP thành cơ hội cho toàn dân, cho toàn thể các lãnh vực của nền kinh tế. Vậy thì doanh nghiệp nhà nước như một lực lượng chủ đạo đã chuẩn bị thực sự cho TPP chưa? Túc đã có chiến lược chưa? Có lộ trình chưa? Có ngân sách chưa? Có đào tạo nhân sự chưa? Còn các doanh nghiệp tư nhân thì sao?

Nền kinh tế Việt Nam hiện có khá nhiều doanh nghiệp phải cấu trúc lại, ví dụ như ngành tài chính, ngân hàng. Chúng ta cần học hỏi doanh nghiệp nước ngoài từ cách quản lý của họ, cách tổ chức nhân sự, và học cả văn hóa sáng tạo của họ. Chúng ta không bán doanh nghiệp cho nước ngoài, nhưng đối với những doanh nghiệp yếu hoặc nhỏ của chúng ta thì có khi sáp nhập lại là một giải pháp để thay đổi và tồn tại. Nhưng lưu ý tránh rơi vào tay những doanh nghiệp Trung Quốc vừa lạc hậu vừa thiếu đạo đức kinh doanh coi thường người tiêu dùng.

Ngoài ra đây cũng còn là cơ hội cho thế hệ trẻ. Nếu gọi TPP là một thời cơ vàng, thì chúng ta hãy đem những cơ hội đó đến với thế hệ trẻ Việt Nam. Ngày nay, giới trẻ phải loay hoay tìm việc trong một thị trường thiếu đa dạng, giữa một số lãnh vực giới hạn. Hàng trăm nghìn cử nhân thạc sĩ thất nghiệp. Chúng ta đào tạo thiếu kế hoạch, chỉ biết đưa ra những sản phẩm mình có thể sản xuất mà không biết thị trường có cần không. Rất nhiều bạn trẻ ôm mộng xuất ngoại vĩnh viễn để “tị nạn” giáo dục hay tìm việc. TPP phải mở cửa cho Việt Nam đi vào một thế giới đa dạng, lý thú, khi người Việt Nam đủ sức cạnh tranh với thị trường lao động nước ngoài. Thế hệ

trẻ Việt Nam không chỉ là chứng nhân mà còn góp phần thay đổi tương lai chính mình.

Hệ thống tuyển chọn nhân sự tất yếu phải thay đổi, không còn “nhất hậu duệ, nhì tiền tệ, ba trí tuệ” mà những người giỏi sẽ có nhiều cơ hội thực hiện ước mơ của mình. Các trường đại học cũng phải chuyển mình đáp ứng nhu cầu thực sự của nền kinh tế. Hiện nay nhiều trường tư vẫn bị phân biệt đối xử, không thực sự thu hút được sinh viên giỏi. Trong điều kiện các trường đại học, bất kể công tư, được tự chủ về tài chính, sẽ tạo cuộc cạnh tranh sòng phẳng. Những trường thu hút được tài năng từ giảng viên đến sinh viên, sẽ là những trường không chỉ trả một mức lương xứng đáng, mà còn tạo ra được một môi trường làm việc tích cực trong đó giảng viên được tôn trọng, được phát huy năng lực, và những sinh viên ra trường sẽ được nhìn nhận về phẩm chất chuyên môn một cách thích đáng. Một nền giáo dục đại học nhân bản và khai phóng phải được thực hiện vì để đất nước phát triển, con người cần được tự do làm việc và sáng tạo.

Trong một xã hội dân chủ, về nguyên tắc không gian tự do cần tương đối rộng; và ngược lại, những hạn chế quyền tự do phải thu hẹp. Ngay trong những ngày đầu khi nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mới giành được độc lập, ngày 17-10-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: *“Ngày nay, chúng ta đã xây dựng nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Nhưng nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”*. Các quốc gia dù khác nhau về chế độ chính trị đều phải hướng tới mục tiêu bảo vệ các quyền và tự do căn bản và đem lại cuộc sống hạnh phúc cho người dân. Tuyên ngôn Phổ quát về Quyền con người 1948 (*Universal Declaration of Human Rights*), cũng đã nhấn mạnh ngay từ đầu: *“Hành vi xem thường và chà đạp nhân quyền đã dẫn đến những hành động man rợ, xúc phạm đến lương tâm nhân loại. Việc tiến đến một thế giới trong đó tất cả mọi người được hưởng tự do ngôn luận, tự do tín ngưỡng, không còn sợ hãi và nghèo khó, phải được coi là ước vọng cao nhất của con người”*.

Đó phải là nguyên tắc hành động của các cơ quan hành pháp, hành chính và tư pháp. Khi gia nhập TPP, chúng ta không thể hành xử theo như cách mà bấy lâu có một số cơ quan chấp pháp, dựa theo phán xét chủ quan của mình mà áp đặt. Đây là luật chơi chung, không thể không tuân thủ.

Đến đây chúng ta chợt nhớ Mười điều Bi ai của Dân tộc Việt Nam mà cụ Phan Chu Trinh chỉ ra hàng trăm năm trước nay có những điều vẫn cần suy ngẫm:

1. Trong khi người nước ngoài có chí cao, dám chết vì việc nghĩa, vì lợi dân ích nước; thì người nước mình tham sống sợ chết, chịu kiếp sống nhục nhã đọa đày.

2. Trong khi người ta dẫu sang hay hèn, nam hay nữ, ai cũng lo học lấy một nghề; thì người mình chỉ biết ngồi không ăn bám.

3. Trong khi họ có óc phiêu lưu mạo hiểm, dám đi khắp thế giới mở mang trí óc; thì ta suốt đời chỉ loanh quanh xó bếp, hú hí với vợ con.

4. Trong khi họ có tinh thần đùm bọc, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau; thì ta lại chỉ quen thói giành giật, lừa đảo nhau vì chữ lợi.

5. Trong khi họ biết bỏ vốn lớn, giữ vững chữ tín trong kinh doanh làm cho tiền bạc lưu thông, đất nước ngày càng giàu có; thì ta quen thói bất nhân bất tín, cho vay cắt cổ, ăn quyét vỡ nợ, để tiền bạc đất đai trở thành vô dụng.

6. Trong khi họ biết tiết kiệm tang lễ, cư xử hợp nghĩa với người chết; thì ta lo làm ma chay cho lớn, đến nỗi nhiều gia đình bán hết ruộng hết trâu.

7. Trong khi họ ra sức cải tiến phát minh, máy móc ngày càng tinh xảo; thì ta đầu óc thủ cựu, ếch ngồi đáy giếng, không có gan đua chen thực nghiệp.

8. Trong khi họ giỏi tổ chức công việc, sắp xếp giờ nghỉ giờ làm hợp lý, thì ta chỉ biết chơi bời, rượu chè cờ bạc, bỏ bê công việc.

9. Trong khi họ biết gắng gỏi tự lực tự cường, tin ở bản thân; thì ta chỉ mê tín nơi mồ mả, tướng số, việc gì cũng cầu trời khẩn Phật.

10. Trong khi họ làm việc quan cốt ích nước lợi dân, đúng là “đây tớ” của dân, được dân tín nhiệm; thì ta lo xoay xở chức quan để no ấm gia đình, vênh vang hoang phí, vợ vét áp bức dân chúng.

Hãy sống theo những điều cụ Phan dạy hay theo những điều đạo đức tự nhiên, được chia sẻ bởi nhiều truyền thống văn hóa khác nhau.

Nếu so sánh với 10 điều răn của Thượng đế ban cho Moïse (Moses) trên núi Sinai, theo truyền thống Do Thái và Ky-tô giáo, thì chúng ta nhận thấy 4 mệnh lệnh cuối không khác gì với 4 giới đầu tiên của đạo Phật: “Người sẽ không được giết hại; không được ngoại tình; không được trộm cắp; không được làm chứng gian dối”.

Sự tuân thủ những giới cấm này dĩ nhiên rất có lợi ích cho nhân quần, xã hội vì đó là nền tảng của sự an lạc của xã hội con người. Điểm khác biệt là đối với người Phật tử, đó không phải là mệnh lệnh của Thượng đế hay của một quyền lực nào, mà chính là con đường mình tự chọn đưa tới đến giải thoát và hạnh phúc. Theo HT.Thích Thanh Từ, *“Không phải được nhiều của cải, tình yêu... là con người có hạnh phúc. Hạnh phúc là người sống biết tiết chế, biết tôn trọng hạnh phúc của mọi người, biết thành thật thương mến nhau. Một dân tộc văn minh là một dân tộc biết tôn trọng sinh mạng của nhau, tôn trọng những quyền tự do căn bản của con người. Vì thế, năm giới là nền tảng căn bản đem lại hạnh phúc cho con người, xây dựng con người sống đúng ý nghĩa văn minh của nhân loại. Năm giới là cơ bản đạo đức của người Phật tử, khi bắt đầu bước chân trên con đường giác ngộ giải thoát”* (Bước đầu học Phật).

Để hội nhập TPP, hơn lúc nào hết, đất nước Việt Nam rất cần những con người như thế! ■



Giá trị nhân văn trong hoành phi câu đối

Bài & ảnh: TÔN THẮT THỌ

Trong mỗi gia đình người Việt, tại bàn thờ gia tiên hay tại từ đường gia tộc thường có treo các hoành phi và câu đối.

Bàn thờ gia tiên hay từ đường của mỗi người là nơi hội tụ hồn thiêng dòng tộc, gia tộc; nơi con cháu hướng nhìn hàng ngày, cảm nhận được sự ấm áp gần gũi của cha ông đang dõi theo mọi việc làm của con cháu, để ngăn ngừa điều dữ, phù hộ độ trì mọi việc được hanh thông, an thái. Do đó việc treo hoành phi, câu đối không những làm đẹp thêm không gian thờ cúng, mà còn thể hiện gia phong, cốt cách, truyền thống tốt đẹp của dòng họ và gia đình.

Hoành phi thường được treo ngay ngắn nơi chính giữa hoặc những vị trí trang trọng khác hướng ra ngoài, cố định và ít di chuyển, tạo cảm giác bền vững, lâu dài. Có gia đình chỉ treo tại bàn thờ gia tiên một bức hoành phi, nhưng cũng có gia đình treo đến hai ba bức, thường là gia đình khá giả. Những gia đình khó khăn hơn không có hoành phi gỗ sơn son thếp vàng, họ vẫn dùng những tấm cốt, nẹp vào rồi dán những tấm giấy đỏ có viết đại tự lên.

Nội dung của hoành phi và câu đối chính là những giá trị truyền thống về văn hóa và đạo đức. Có thể nói rằng đó là cách cha ông lưu truyền những lời răn dạy và mong muốn, cũng như lịch sử của gia đình, dòng tộc mình mãi mãi trường tồn. Mặc dù thể hiện dưới nhiều hình thức hay bằng các thứ chữ khác nhau, nhưng nội dung của hoành phi và câu đối đều nhằm đến giáo dục con cháu chữ *Hiếu*, giáo dục lòng *Nhân*, quyết chí học hành để rạng danh dòng tộc; đồng thời giáo dục tình cảm, lòng thương yêu đoàn kết trong gia đình, dòng họ làng xã...

Giá trị của hoành phi câu đối còn ở chỗ biểu dương công đức người trước, ca ngợi thành tích và sự thành đạt, từ đó khuyến khích điều thiện. Điều thiện chính là cái gốc tạo nên nhân cách và hướng con người biết sống thương yêu, giúp đỡ nhau từ gia đình cho đến cộng đồng xã hội. Những từ ngữ và câu chữ được sử dụng để làm hoành phi câu đối luôn được lựa chọn kỹ lưỡng để đạt mục đích ít chữ ý nhiều, dễ nhớ, dễ thuộc và luôn nằm trong tâm thức của mỗi thế hệ cháu con, tạo sức mạnh bền bỉ cũng như sợi dây xuyên suốt lưu giữ những giá trị văn hóa lâu bền.

Ngoài ra, hoành phi và câu đối còn xuất hiện ở các đền, chùa, đình miếu, lăng mộ...; ở những nơi này ý nghĩa của hoành phi câu đối mang tầm bao quát hơn, kể tục những giá trị nhân văn từ gia đình, gia tộc, tạo nên một dòng chảy mang hồn dân tộc.

Học giả Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc (1890-1942) trong sách *Câu đối* (sđd, tr.7) đã viết:

"Có được một câu đối hay treo trên tường, khác nào có một ông thầy nghiêm, người bạn tốt ở trước mặt, ý nghĩa nó như biết nói năng, nét bút nó như muốn cử động, lại nhờ thêm được tay thợ khéo khắc, nước sơn tốt màu, thì thật là khiến cho người tặng, lúc đưa cũng phải hài lòng, người nhận lúc treo cũng phải thích chí và sau đó, bao nhiêu người trông, người đọc cũng phải tấm tắc khen như lấy làm ưa chuộng quyến luyến, như lấy làm khoái lạc mê say vậy. Văn chương tuyệt cú đố, bức họa thần bút đố, mỹ thuật đố, kỹ niệm đố, lưu danh thiên cổ cũng đố".

Chúng ta hãy đọc lại một số hoành phi và câu đối mà người xưa để lại:

- Hoành phi: **Đức Lưu Quang** (Đức độ sáng mãi) – **Thiện Tối Lạc** (Làm điều lành là vui nhất) – **Nhân Vi Bảo** – (Nhân là quý) – **Đức Duy Hình** (Đức luôn thơm) – **Trung Hậu Gia Thanh** (Nếp nhà trung hậu) – **Tích Thiện Dư Khương** (Làm điều thiện sẽ được hưởng điều tốt lành) – **Khánh Lưu Miêu Duệ** (Điều tốt lành giữ lại cho đời sau) – **Hải Đức Sơn Công** (Công đức như biển rộng núi cao) – **Mộc Bản Thủy Nguyên** (Cây có gốc nước có nguồn) – **Ảm Hà Tư Nguyên** (Uống nước nhớ nguồn) – **Tổ Cung Tôn Bồi** (Tổ tiên gây dựng con cháu đắp bồi)...

Về câu đối thì thường có những câu như:

Mộc xuất thiên chi do hữu bản

Thủy lưu vạn phái tổ tông nguyên

Cây chung nghìn nhánh sinh từ gốc.

Nước chảy muôn dòng phát tại nguồn.

Dục cầu bảo an vu hậu duệ

Tu bằng cảm cách ư tiên linh

Nhờ tiên tổ anh linh phù hộ

Dù cháu con tiến bộ trưởng thành.

Nhật nguyệt quang chiếu thập phương

Tổ tông lưu thủy vạn thế

Vầng nhật nguyệt mười phương rạng rỡ

Đức tổ tông muôn thuở sáng ngời.

Nghĩa nhân tích tụ thiên niên thịnh

Phúc đức tài bồi vạn đại hanh

Nghĩa nhân tích tụ nghìn năm thịnh

Phúc đức đắp bồi vạn đời tươi.

Bách kể bất như nhân đức thiện

Thiên kim mạc như tử tôn hiền

Trăm kể chẳng bằng nhân đức tốt

Nghìn vàng khó sánh cháu con hiền.



Bút thụ hữu hoa huynh đệ lạc

Thư điển vô thuế tử tôn canh

Bút như cây nở hoa anh em vui thú

Sách như ruộng không thuế con cháu cấy cày...

Có thể nói hoành phi câu đối là biểu tượng văn hóa đặc sắc và truyền thống của dân tộc; nó đã góp phần giáo dục để hình thành nên nhiều thế hệ biết trọng nhân nghĩa, coi thường lợi danh. Dĩ nhiên ngoài những câu chữ mang ý nghĩa và giá trị tích cực, xen lẫn vẫn có những câu nặng tư tưởng "phong kiến", không chú trọng nhân bản. Giáo dục khuyên răn nhưng có tính gò bó, người đọc, người nghe như *bị động*. Những câu chữ đó không khó để nhận ra, và vì thế việc *gạn đục khơi trong* là điều quan trọng để đem lại hiệu quả tốt đẹp về tư tưởng cho mỗi người, mỗi gia đình và dòng họ.

Gần đây, trên báo *Thanh Niên* (ngày 30/9/2015), có bài "*Nghĩ về chữ Lễ*", tác giả là một doanh nhân đã biểu lộ những trăn trở của mình về một số hiện tượng xã hội hiện nay.

Bài viết đã kết luận:

"Hơn nửa thế kỷ, quá đủ để kiểm tra và sàng lọc những tư duy và nhận thức hẹp hòi về văn hóa của tổ tiên. Gạn đục khơi trong là cần thiết và bắt buộc, chứ không thể đánh đồng và phủ nhận quá khứ. Tất cả phải có những chuẩn mực tối thiểu. Bắt đầu từ cách chào, từ trang phục, cách xưng hô và lời ăn tiếng nói; đến những việc lớn hơn. Tất cả nằm trong chữ Lễ. Phải chăng thực trạng giáo dục và đạo đức xã hội hiện nay đang thể hiện đúng tính "nhân - quả"; là cái giá phải trả cho việc coi khinh chữ Lễ; bắt đầu từ những việc rất nhỏ?"

Đúng vậy, đã có một thời *duy ý chí*, chúng ta đã phá bỏ tất cả những gì thuộc về quá khứ, nhất là về mặt văn hóa và tư tưởng; trong khi những điều mới mẻ thay thế chưa được tạo dựng. Thiếu sự kế thừa và phát huy giá trị nhân bản của người xưa, điều đó chẳng khác gì cái cây đã bị đứt rễ, khó lòng sản sinh hoa thơm và trái ngọt... ■

*** Tài liệu tham khảo:**

- *Câu đối*, Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc, Vĩnh Hưng Long thư quán, Hà Nội, 1931.

- *Mẫu câu đối hoành phi thường dùng*, Tân Việt - Thiếu Phong, Nxb VHDT, 1997.

- *3.000 hoành phi câu đối Hán Nôm*, Trần Lê Sáng chủ biên, Nxb VHNT, 2002.

Mất và Đi trong âm nhạc

LÊ HẢI ĐĂNG

Tôi từng có ý tưởng thiết kế sân khấu biểu diễn nghệ thuật âm nhạc không có ánh đèn để cho nghệ sĩ và cả khán thính giả chìm sâu vào trạng thái “nhập định” trong thế giới âm thanh. Ánh sáng chỉ thắp lên và thực sự cần thiết trước khi âm nhạc sinh ra và sau khi mất đi để hoàn thành nốt phần nghi thức còn lại.

Có thể thấy, trong tất cả các loại hình nghệ thuật, âm nhạc là loại hình duy nhất không phụ thuộc vào ánh sáng. Quá trình bị tước đoạt mất cơ hội tồn tại và nổi ám ảnh về sự ra đi liên tục trước từng phút giây đã viết nên ý nghĩa, giá trị phi thực tại của nghệ thuật âm nhạc, từ đó tạo nên khả năng siêu việt, vượt lên những giới hạn về không gian, thời gian. “Mất” và “Đi” trở thành bản chất, ý nghĩa nguyên khởi làm nên thuộc tính ở loại hình nghệ thuật âm nhạc. Âm nhạc sở dĩ được coi là nghệ thuật thời gian là vì tính chất “sinh tử” này. Nói cách khác, âm nhạc là loại hình nghệ thuật không thể sở hữu mà chỉ hiện hữu trong những khoảnh khắc tạo bởi chuỗi âm thanh bị mất đi liên tục. Theo tư duy biện chứng hỗn

nhien, mất và đi là hai thuộc tính của thực thể âm thanh. Mất nhằm chỉ chiều thời gian biến đổi, Đi giúp cho âm thanh có khả năng dịch chuyển không gian. Mất cũng có nghĩa là đi, đi mất, nhưng đi chưa hẳn đã mất, vì có những sự ra đi vẫn có thể quay được trở lại, còn đi trong nghệ thuật âm thanh là đi mất, từ đó làm nên ý nghĩa, giá trị nội tại của nghệ thuật âm nhạc.

Trong nhiều tôn giáo, tín ngưỡng, âm nhạc luôn đóng vai trò công cụ thực hành nghi lễ. Âm nhạc nghi lễ vừa nhằm chuyển tải bức thông điệp của con người gửi tới các vị thần ngự trị ở nhiều “cõi” khác nhau, vừa có khả năng kết nối, cộng thông giữa thế giới hữu hình và vô hình. Xuất phát từ bản chất phi thực tại, âm nhạc được khoác lên vỏ âm thanh tính chất linh thiêng, huyền bí, màu nhiệm. Xét ở góc độ nội dung, bất cứ văn bản nào cũng mang tính chất giả định, có thể bị lừa phỉnh bởi nhận thức. Còn đối với văn bản chuyển tải bằng âm thanh, thông qua biện pháp âm nhạc, nội dung của bức thông điệp tự thân đã làm nên tính chất đa nghĩa, ngoài ý nghĩa sở chỉ có khả năng hướng tới mục đích thiết thực



ra, còn có ý nghĩa biểu cảm, vươn lên thành linh thiêng, siêu thực. Chúng ta có thể bị nội dung văn bản đánh lừa, song lại cảm nhận được tính chân thực thông qua phương thức biểu hiện của âm nhạc. Chúc năng biểu cảm bổ túc, làm rõ nghĩa thêm cho văn bản. Bởi vậy, các loại kinh văn, đa dạng hơn, như biểu, sớ, sắc... với sự hỗ trợ của các thủ pháp xưng, tán, tụng, niệm, chú, bạch, đọc, thán, vịnh... góp phần làm nên ý nghĩa linh thiêng. Từ tín ngưỡng nguyên thủy cho đến tôn giáo hiện đại, từ hoạt động sản xuất cho đến cảnh diễn tổng hợp, trò chơi dân gian... tất cả đều nhờ tới sự tham gia của âm nhạc nhằm khái quát hóa triết lý "mất" và "đi". Tính chất diệu dụng của nghệ thuật âm thanh cho phép loài người liên hệ với thần linh, thế giới vô hình.

Có thể nói, trước khi ngôn ngữ sinh ra và sau khi sinh ra gặp phải trở ngại giao tiếp, âm nhạc đã làm nhiệm vụ "phiên dịch" cho con người kết nối với nhiều thế lực. Hầu hết các nghi lễ cổ từ tín ngưỡng Saman cho đến độc thần giáo đều sử dụng âm nhạc làm phương tiện cộng thông. Như một công cụ hỗ trợ trung gian, âm nhạc có

khả năng chuyển giao bức thông điệp của loài người tới thần linh và đi xuyên qua nhiều nền văn hóa. Bằng giải pháp mất liên tục trong thời gian, âm nhạc đã đi xuyên qua không gian. Và cũng bằng bản chất vô hình, vô sắc, âm nhạc thoát khỏi chướng ngại dựng lên từ bức tường ngăn cách trong không gian, văn hóa. Âm nhạc có lẽ là loại hình nghệ thuật duy nhất không chịu sự ràng buộc bởi không gian, ánh sáng phục sức của thế giới hình sắc. Tất nhiên, chúng ta không thể đẩy âm thanh đến bến bờ vô tận thoát khỏi giới hạn về thuộc tính vật lý. Song, bên cạnh thuộc tính vật lý, âm nhạc sản sinh từ những biến đổi kỳ diệu bên trong tâm lý, từ đó sản sinh ra những giá trị đong đầy ý nghĩa nhân văn, sâu sắc vây quanh thuộc tính loại hình nghệ thuật này. Cũng nhờ thuộc tính vật lý gây ra bởi chấn động âm thanh, âm nhạc có thể tạo nên những rung động thẩm mỹ, tạo điều kiện cho trí tưởng tượng phát huy tác dụng nhằm thực hiện chuyến du hành tới những miền đất xa xôi. Thuở xưa, âm nhạc từng được gắn với cội nguồn thiên giới, trên đỉnh Olympus có vị thần Apollo chuyên quản về nghệ thuật âm nhạc. Dưới hạ giới, biển cũng là "Nhạc viện" của nhiều loài thủy tộc quyền biến vạn hóa, có năng lực sáng tạo âm nhạc. Từ thiên giới xuống hạ giới và lặn sâu xuống cõi A-tì sâu thẳm, âm nhạc có khả năng làm cuộc hành trình xuyên qua ba cõi. Chàng Orpheus năm xưa nhờ tài năng ca hát mà có thể xâm nhập lãnh địa quỷ thần dưới địa ngục để cứu người vợ hiền xinh đẹp bị rắn cắn chết. Những câu chuyện bi ai hỷ nộ liên quan đến phép màu của âm nhạc phủ kín các nền văn hóa. Qua đó thấy rằng, nhờ vào số phận đoan mệnh của mình, âm nhạc có thể thực hiện sứ mệnh cao cả, trở thành "vị sứ giả" có nhiệm kỳ lâu nhất trong lịch sử văn hóa loài người. Trong những chuyến du hành của kinh sư, pháp sư, thầy phù thủy, bà đồng, bà bóng... bên cạnh pháp khí hộ thân, còn có âm nhạc hộ trì, tạo thành trường sinh thái dẫn dắt qua các miền viễn tưởng cách trở. Âm nhạc có thể hóa thân vào vai trò dẫn dắt bằng chiếc trống lệnh trên tay bà bóng hay huy động cả đoàn tùy tùng gồm hai bộ phận Tiền bằng và Hậu bằng hùng hậu trong lễ Vu-lan Thắng hội của người Triều Châu... Các giá đồng của tín ngưỡng Tứ phủ cũng cho thấy sự hậu thuẫn của âm nhạc trong việc sắp xếp, dàn cảnh cho các thánh thực hiện sứ mệnh của mình...

Khi thế giới còn chia cách bởi sự khác biệt, chính âm nhạc đã hàn gắn vết nứt dựng lên trên thành kiến và lòng thù hận. Nhờ bản chất "mất" và "đi", âm nhạc đã ngao du khắp các nền văn hóa, vượt lên trên mặt đất tinh khôi để tới những miền huyền tưởng diệu vợi. Khả năng cộng thông, liên kết mới mẻ đã làm cho âm nhạc trở nên linh thiêng, diệu kỳ, bí hiểm. Không có một loại hình nghệ thuật nào có khả năng thay thế âm nhạc trong vai trò chuyển ngữ, cũng như giao dịch với các vị thần trong cõi vô hình. Âm nhạc có độ phủ sóng rộng rãi, không chỉ trong thế giới loài người mà còn di chuyển sâu vào những vùng tâm tối mà trí thức



chưa chạm đến. Thở ban đầu, tất cả các tộc người trên thế giới đều giao tiếp với thế giới vô hình bằng ngôn ngữ âm nhạc. Âm nhạc không chỉ trở thành ngôn ngữ quốc tế liên thông dưới mặt đất, trần gian, mà còn được dùng làm ngôn ngữ vũ trụ cộng thông giữa các cõi. Con người từ xa xưa đã biết chuyển hóa, “phiên dịch” bức thông điệp của mình qua tiếng đàn, tiếng hát, tiếng nhạc huyền diệu. Các âm thanh từ cơ năng con người hay nhạc cụ phát ra đều có khả năng khuấy động làn sóng tạo âm mẫu nhiệm trong bầu khí quyển. Thần chú vốn cũng là thứ âm thanh biểu cảm đa sắc mang nhiều nội dung khác nhau gắn gũi với nghệ thuật âm nhạc. Thần chú không chỉ dừng lại ở tầng biểu ý, mà còn vươn tới khả năng biểu cảm nhờ hấp thu năng lượng siêu nhiên và chuyển tải ý nghĩa thông qua biện pháp, cách thức trì chú. Đối với những vị cao tăng đắc pháp, tiếng chuông, tiếng chú có thể vang rền ba cõi, khiến cho loài ngạ quỷ dưới cõi A-tì được cảm hóa, giải thoát! Ý nghĩa lễ Vu-lan thắng hội với mục đích cúng dường Tam bảo để cứu độ tai ách cho cha mẹ bảy đời thông qua biện pháp hộ trì của chư Tăng cũng bằng biện pháp âm nhạc. Âm nhạc có khả năng thẩm thấu qua chiều không gian, thời gian đến với những vùng không giới hạn. Âm nhạc là một trong những loại hình nghệ thuật mất đi trong thời gian và vì thế có khả năng đến được chiều không gian khác.

Ngoài sở trường biểu cảm và chuyển tải nội dung đa nghĩa, giá trị trân quý của âm nhạc nằm ở thuộc tính mất đi liên tục. Vì mất đi, nên âm nhạc trở thành thứ “tin nhắn” của nghi lễ gửi tới các vị thần. Thông điệp chỉ có ý nghĩa nguyên khởi, cái “Lý”; còn biện pháp thực hiện, phần “Sự”, dành cho công năng của âm nhạc. Âm nhạc không chỉ xuất hiện trong nghi thức tín ngưỡng, mà còn sản sinh trong bối cảnh xã hội hiện đại với những hoạt động

mang tính chất lễ nghi như kỷ niệm, khai trương, khánh thành... Bên cạnh đó, còn có nhiều nghi thức ăn theo tập quán văn hóa cho thấy sự tham gia của âm nhạc như một lựa chọn mang tính quy phạm hay định hướng.

Trở về thuộc tính nguyên ủy, đặc trưng của bản thể nghệ thuật âm thanh nằm ngay trong hình thức của nó. Chúng ta không thể bỏ qua tính chất mất đi của nghệ thuật âm thanh. Mất khiến cho âm nhạc đi và đó mới chính là điểm đến làm nên giá trị ở loại hình nghệ thuật này. Bởi, có mất, nên mới có thể đi - đi đến chốn ngự trị của thần linh hay miền đất tâm hồn khuất nẻo trong bản thể con người. Trong nhu cầu hồi hướng của mỗi cá nhân, thuộc tính mất - đi đã biến nghệ thuật âm nhạc đi từ đặc trưng thường biến đến bất biến, như một hằng số không đổi trước các loại hình nghệ thuật. Nếu so sánh với loại hình nghệ thuật không gian, ràng buộc bởi hình tướng hoặc tồn tại dưới dạng văn bản như văn học, thơ ca... rõ ràng, âm nhạc nằm trong sở chỉ, mơ hồ về thuộc tính. Âm nhạc không nhắm đến nội dung, ý nghĩa mang tính quy phạm như văn học, cũng không hiển thị cụ thể như hội họa, mà mông lung, đa nghĩa trên đường tuyến vô hình, trừu tượng... Chính vì không hiện hữu một cách cụ thể, nên âm nhạc không chuyển tải nghĩa đen như hình thức văn bản, mà hướng tới nghĩa bóng, đa diện, phức hợp, từ đó khiến cho tác phẩm âm nhạc tồn tại dưới dạng phức thể, khó thể quy kết về một nội dung cụ thể trong trường xúc cảm với biểu trưng đa nghĩa.

Theo thuyết giãn nở vũ trụ, thời gian có một chiều duy nhất thẳng tiến về phía trước. Với tư cách của một loại hình nghệ thuật nương theo chiều biến thiên của thời gian và mất đi liên tục trong không gian, âm nhạc trở thành thực thể đồng nhất với thời gian, tồn tại trong từng khoảnh khắc biến ảo và mất đi liên tục, nhờ thế, âm nhạc đã viết nên ý nghĩa thực tại của mình. ■



Người Trung Quốc và người Mỹ hiểu văn hóa như thế nào?

BRENT CRANE
CAO HUY QUỲNH HOA dịch

Lời người dịch: Bài viết dưới đây không đi sâu vào lãnh vực văn hóa nói chung và văn hóa mỗi nước, Trung Quốc và Mỹ; mà cốt đề cập đến cách hiểu văn hóa thường tình của người Trung Quốc khi bàn về văn hóa Mỹ; và ngược lại, tác giả cho biết cách hiểu của người Mỹ, tự nhận về mình, và về văn hóa và lịch sử Trung Quốc. Cách hiểu này cũng gắn gũi với kinh nghiệm sống của nước ta với hai đại cường, nhất là với nước láng giềng phương Bắc.

Hai đất nước này hình như có nhiều cách nhìn khác nhau khi nói đến văn hóa của họ. Một buổi tối ở Côn Minh (thủ phủ tỉnh Vân Nam, Trung Quốc) tháng Chạp vừa qua (2014), tôi ngồi ăn với một vị giáo sư cũ, một phụ nữ trung niên Trung Quốc (TQ). Bà vừa trở về sau một chuyến đi Washington DC. Và vào một lúc nào đó trong bữa ăn, chúng tôi bắt đầu nói chuyện về sự tương phản giữa nước Mỹ và TQ về một số phương diện: cơ sở hạ tầng, địa lý, thời tiết, thời trang. Khi tôi đưa ra sự khác biệt giữa văn hóa TQ và văn hóa Mỹ, bà đâm ngang: “Văn hóa Mỹ là cái gì?”. Nước Mỹ là quá trẻ để có một nền văn hóa, bà bắt đầu tranh luận. Trong trí bà, văn hóa đích thực là cái gì chỉ có thể tồn tại sau mấy ngàn năm văn minh. Hơn nữa, bà biện luận, văn hóa Mỹ chỉ là thu thập những mảnh rời từ những nền văn hóa khác. Đó không phải là văn hóa đích thực. Đây không phải là lần đầu tiên tôi nghe tiêu chuẩn về một nền văn hóa từ một người bạn TQ. Cách nhìn nhận đó cho thấy người TQ có một quan điểm riêng về văn hóa và cách đó khác quan điểm của Mỹ như thế nào?

Trong khi người Mỹ coi văn hóa là tổng kết những đặc điểm - thức ăn, ngôn ngữ, nhạc, phong tục - như

là nền tảng của một nền văn hóa, thì TQ đặt nhiều chú trọng vào vấn đề thời gian.

TQ, như thường được nghe nói, có một nền văn minh liên tục lâu dài nhất. Tuy điều này có thể đúng - TQ có vẻ liên tục trên phương diện chính trị kể từ thiên niên kỷ đầu công nguyên - nhưng cũng không đúng hẳn. Năm ngàn năm của cư dân trên đất nước mà bây giờ ta gọi là Trung Hoa, ngày nay một lãnh thổ lớn hơn bao giờ hết, là một tập hợp hỗ lớn thay đổi liên tục của các vương quốc và triều đại, với những thành phần dân tộc khác nhau. Và cái gì chúng ta nghĩ là TQ thì thường chỉ giới hạn vào sắc tộc Hán, đông vào khoảng 90% dân số. Những nhóm thiểu số còn lại - Tây Tạng, Yí (Di), Zhuang (Choang), Dai, giữa khoảng vài tá sắc tộc khác - có những hình thái văn hóa riêng, truyền thống và lịch sử riêng. Tuy vậy vẫn có những dạng của đặc tính Trung Hoa được giữ vững qua hàng ngàn năm, và nó là cái gì đó đáng hãnh diện và tôn vinh.

Nhưng ý niệm cho rằng văn hóa TQ là cái gì tiến bộ hơn những văn hóa khác bởi vì đời sống lâu dài của nó, đã trở thành một trong những nền tảng của cái gọi là “Đại Hán”, một sự thiên vị tộc Hán là hơn các tộc khác, và nó đã ảnh hưởng đến các chính sách của TQ.

Trong cả hai lãnh thổ gây tranh luận của Tây Tạng và Tân Cương, người TQ viện dẫn lịch sử và văn hóa để bênh vực cho đòi hỏi của người Hán trong mỗi xứ sở đó. Trong vụ cãi vã đang xảy ra với Nhật Bản, sự kiện người khám phá nguyên thủy của quần đảo đến từ TQ thường được nêu ra để đòi chủ quyền.

Định kiến này phục vụ một mục đích chính trị rõ ràng. Lịch sử TQ đầy rẫy chiến tranh, hỗn loạn và chủ nghĩa bè phái. Ý tưởng rằng mọi người Hán đều cùng chia sẻ một lịch sử chung, nếu không nói là một lịch sử duy nhất, đã là một cách để kết hợp dân chúng dưới một vị hoàng đế hay dưới một lá cờ.

Tuy vậy người Mỹ cũng có định kiến này. Chủ nghĩa coi nước Mỹ là một nước xuất chúng, có giá trị cao hơn bất cứ dân tộc nào, hiện ra rất rõ trên phim ảnh, sách vở, trong nhận thức về lịch sử và dĩ nhiên trong chính sách đối ngoại. Chủ nghĩa xuất chúng về văn hóa của chúng ta đã được nặn ra, giống như phiên bản TQ, bởi sự phát triển như là một nền văn minh đầy quyền lực, và sự tương tác của chúng ta với những nhóm chung quanh chúng ta. Trong cả hai kinh nghiệm, TQ và Mỹ, khi bàn trướng lãnh thổ họ đều đối đầu với sức chống cự mãnh liệt từ những dân tộc bản địa, và trong cả hai kinh nghiệm, dân bản địa đều bị xem là thành phần của một chủng tộc thấp kém hơn. Cả hai, TQ và Mỹ, đã đánh bại những dân tộc này và điều đó xác nhận rằng họ có một nền văn minh cao. Hơn nữa, trong trường hợp TQ, những kẻ xâm lược TQ từ bên ngoài, như Mãn Châu và Mông Cổ, cũng đã tiếp thu văn hóa TQ và trở thành Hán hóa. Điều đó góp phần vào khái niệm cho rằng văn hóa Hán là cao hơn các văn hóa khác một bậc.

Giống như mọi nền văn hóa khác, văn hóa TQ là sâu xa, luôn thay đổi, đa dạng và thật khó mà diễn đạt một cách ngắn gọn và súc tích một cái gì hay biến dạng và mơ hồ như vậy. Tuy nhiên cũng có những nét thường gặp và đã được nhiều người chấp nhận như: Đạo Khổng với khuynh hướng tôn trọng sự ổn định, sự vâng lời và tôn ti trật tự xã hội, đặt tập thể lên trên cá nhân; và đạo Lão, xem thế giới như có liên hệ với nhau và hướng đến một sự cân bằng. TQ rất giàu có về mặt mỹ thuật, nghệ thuật nấu ăn, văn chương và sáng chế, tất cả là sản phẩm của nền tảng xã hội kể trên. Các đặc điểm này tuân tự phát triển hơn năm ngàn năm qua, một thời gian dài đáng kể để thử thách sự sống còn. Không có gì lạ khi người TQ nêu ra và tự hào về nó. Tuy nhiên, TQ không phải là nước duy nhất nghĩ như vậy.

Nếu chúng ta muốn xem người Mỹ tự phân tích văn hóa dân tộc của họ như thế nào, ta có thể thấy những thứ như hệ thống dân chủ Mỹ, tiếng Anh kiểu Mỹ, triết học Mỹ, cũng như những yếu tố của văn hóa phổ thông như nhạc Mỹ, thức ăn, văn chương và phim ảnh. Nhưng chúng ta cũng thấy những thứ như Shakespeare, Hobbs, Plato, dân chủ Hy Lạp và đế quốc La Mã - những yếu tố của những thế giới xưa cũ. Trong khi những thứ này không có thể nói là hoàn toàn Mỹ, theo cách TQ, nhưng chúng cũng được trân trọng trong tâm hồn người Mỹ. Vì các thành phần cổ xưa trong văn hóa Mỹ cũng được chia sẻ bởi các nước Tây phương khác, chúng ta có khuynh hướng đánh giá những sáng tạo chỉ thuần túy Mỹ - nghệ thuật, nhạc, các sáng chế và ý tưởng - mà ít để ý tới những gì để lại của thế giới cũ, ít ra là trên vũ đài tức thời của văn hóa.

Vì vậy chúng ta thấy rằng, mặc dầu qua những thể chế chính trị khác nhau, ở TQ và Mỹ, ý niệm về văn minh và cổ đại cũng đều được gắn liền với quan niệm hiện đại về văn hóa quốc gia.

Nhưng điều này được biểu hiện trong thế giới thực như thế nào? Trong ngôn ngữ TQ có từ *wenhua* (文化) chỉ văn hóa, lại có từ *wenming* (文明) chỉ văn minh, Jeffrey Wasserstrom, một học giả về TQ và giáo sư lịch sử tại Đại học Irvine, California, nói. "Văn minh và văn hóa đi đôi với nhau và nguồn gốc có liên hệ đến những văn bản và những gì đã được truyền lại từ các thế hệ trước. Bạn có thể thấy chúng liên hệ với nhau. Người Mỹ chúng ta cũng vậy. Chúng ta nói một người có văn hóa là một người có những nhận thức về văn minh". Giống như

TQ, nếu nước Mỹ cũng nối kết nguồn gốc văn hóa của họ vào thế giới văn minh cổ đại, thì tại sao các bạn TQ của tôi lại nhanh nhẩu đánh giá văn hóa Mỹ là chưa phát triển và còn quá trẻ? Lý do có thể là vì họ chưa được tiếp xúc nhiều.

"Tôi nghĩ đó có thể là do thiếu hiểu biết bởi vì họ thực sự không biết nước Mỹ là gì", Yan Sun, một giáo sư khoa học chính trị tại Queens College ở New York và là một học giả về quan hệ giữa các dân tộc ở TQ, đã nói. "Họ có thể đọc về điều này trên báo nhưng những phóng viên cũng không biết rõ vấn đề. Loại văn hóa Mỹ được xuất khẩu không phải Broadway mà là NBA!".

Cảm tưởng của người TQ về văn hóa Mỹ thường bị giới hạn theo kiểu một chiều và rất mới. Thử xét một ví dụ vật vãnh: Một vài năm qua ở Côn Minh tôi dạy tiếng Anh cho một lớp cao đẳng như là một giáo viên thay thế. Không có kinh nghiệm giảng dạy,



tôi ứng biến một hoạt động cho sinh viên. Tôi viết hai chữ *China* và *America* trên bảng và mời các sinh viên đi lên và viết một từ Anh mà họ muốn liên kết với mỗi nước. Kết quả thật là hứng thú. Dưới từ *China* có những chữ như “lịch sử lâu đời”, “thức ăn truyền thống”, “Vạn lý trường thành” Dưới từ *America*, một danh sách dài và nhiều sắc thái như “sexy”, “thức ăn nhanh”, “iPhone”, “Disney”, “UN (Liên hợp quốc)”, “khủng hoảng kinh tế”, “homosexual”. Thật rõ ràng rằng phần lớn những thứ mà họ đã gắn liền với đất nước của họ là chuyện quá khứ, trong khi sự gắn liền với nước Mỹ phần lớn là chuyện thời nay. Dĩ nhiên, việc thăm dò ý kiến không chính thức như thế này không thể xem như có thẩm quyền, nhưng tôi cũng có thể mạnh dạn nói rằng, giới trẻ TQ cũng trả lời tương tự như vậy

Việc người ngoại quốc cho nước Mỹ là mới cũng không có gì lạ. Nước Mỹ được xây dựng trên những ý niệm mới lạ và có một sự khởi đầu rất tươi trẻ. Ý niệm bắt đầu từ một trang giấy trắng đã ăn sâu vào linh hồn quốc gia. Thật vậy, nó đã trở thành danh tiếng của nước Mỹ trên toàn cầu. Thomas Paine, một nhà cách mạng Mỹ, đã nói: “*Chúng ta có quyền làm lại thế giới của chúng ta*”. Thay vì tôn trọng thời xưa, người Mỹ nhìn nó với vẻ nghi ngờ. “Quá khứ chết rồi, và không thể sống lại”, Herman Melville, tiểu thuyết gia thế kỷ XIX đã viết. Tại TQ, ngoại trừ những năm điên rồ Mao-ít và Cách mạng văn hóa, những ý niệm như thế không những chỉ bị xem là bất thường mà còn bị xem là dị giáo. “Hãy nghiên cứu quá khứ nếu anh muốn tiên đoán tương lai”, Khổng Tử viết. Chỉ trong thế kỷ vừa qua, một giai đoạn ngắn ngủi so với văn minh lâu dài của TQ, điều đó mới bắt đầu thay đổi.

Hai xã hội, Mỹ và TQ, khác xa đáng kể nhất là trong chủ nghĩa đa văn hóa. Xã hội Mỹ, trong phần lớn của sự hiện hữu của nó, là một thực thể đa dạng về mặt dân tộc. “Anh không thể nhỏ một giọt máu Mỹ mà không nhỏ máu của cả toàn thế giới”, Melville viết. Nếu TQ được biết trên hầu khắp thế giới như là nền văn minh liên tục cổ nhất thì nước Mỹ thường được xem như một nỗi hổ lớn. Người Mỹ hãnh diện về sự đa dạng dân tộc của xứ sở họ như người TQ tự hào về lịch sử lâu đời của họ. Tuy nhiên xã hội đa dạng dân tộc của Mỹ, và nền văn hóa nảy sinh ra từ sự đa dạng đó, là lý do vì sao các bạn TQ của tôi lại xem văn hóa Mỹ là không chính đáng? Cái mà tôi xem là hội nhập văn hóa, các bạn tôi lại xem là đánh cắp văn hóa. Cái mà tôi xem là tích hợp văn hóa, thì họ xem là loại trừ văn hóa. Làm sao để hòa giải những quan điểm đối nghịch như thế này?

Cuối cùng có thể nói khác biệt là do ngữ pháp. Tại Mỹ, từ “văn hóa” khi được nói trong chuyện trò được quy về những phương diện của văn hóa phổ thông: phim ảnh, nhạc, thức ăn; những loại văn hóa hữu hình và thường xảy ra trong quá khứ gần đây hay trong hiện tại. Ở TQ, từ “văn hóa” lại thường thường nói về những

gì của thời quá khứ xa xưa. “[TQ là xứ sở của văn hóa cổ xưa] đã trở thành một cách nói thông thường khi nói về TQ. Điều này trở thành một trong những đặc điểm mà các thể hệ cầm quyền TQ thường vinh danh”, Wasserstrom nói.

Kể từ khi nắm quyền, Chủ tịch Tập Cận Bình đã thắt chặt quyền kiểm soát Đảng trên lãnh vực văn hóa. Ông đã bành trướng công nghiệp phim ảnh TQ và gia tăng quảng bá văn hóa TQ ra bên ngoài. Năm 2010, nói chuyện về nghệ thuật và văn học, ông Tập nhấn mạnh hai lãnh vực văn hóa này cần phải “kiên trì trong định hướng căn bản về phục vụ nhân dân và chủ nghĩa xã hội”. Xuyên qua hai lãnh vực này là chiến dịch nâng cao *Giấc mơ Trung Hoa*. Chiến dịch này tuyên truyền khắp toàn quốc, gồm những áp-phích công cộng, kêu gọi kỳ vọng vào tương lai, đi đôi cùng với những ám chỉ lãng mạn vào quá khứ. Kỹ thuật thiết kế ngành thêu truyền thống và những mô-típ hội họa cổ xưa được sử dụng hòa hợp trong những khẩu hiệu như, “*Tinh lương thiện và thật thà được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác*”; “*kinh điển Khổng Tử sống mãi*” và “*Mùa xuân luôn luôn ngự trị trên đất mẹ của chúng ta*”. Khác với những áp-phích tuyên truyền của một thời bằng các hình ảnh xã hội chủ nghĩa, những áp-phích về *Giấc mơ Trung Hoa* gợi lên những hình ảnh của quá khứ xa xưa. Khi làm vậy, Đảng đã sử dụng tài liệu, mà nhà văn của báo *New York Times* Ian Johnson nêu ra, “ngày trước thường bị Đảng chế giễu là lạc hậu, là thuộc vào thời trước cộng sản; còn bây giờ, những truyền thống thẩm mỹ đó là bức tường thành được dùng để hợp pháp hóa Đảng như là người bảo vệ và sáng tạo ra những hy vọng và khát khao của xứ sở”. Trong bầu không khí đó, văn hóa đã, theo cách thức nào đó, trở thành một chủ đề mang nặng tính cách chính trị.

Mặc dầu những khác biệt rõ ràng, xã hội Mỹ và xã hội TQ chia sẻ nhiều đặc điểm. Cả hai đều có xứ sở rộng lớn. Cả hai đều tự hào kiêu hãnh, yêu nước, và không quan tâm nhiều đến thế giới bên ngoài. Phải thừa nhận rằng, không một nền văn hóa của đất nước nào có thể được tổng kết trong hai ngàn chữ và bao gồm hàng vạn ý kiến từ gần hai tỷ người của hai đất nước. Nhưng ta có thể nói một cách quả quyết rằng cả hai đất nước đều có nền văn hóa riêng của họ. Tuy nhiên hai dân tộc này đã nhìn văn hóa dưới nhiều góc cạnh khác nhau. ■

Chú thích:

1. Broadway đại diện cho kịch trường sân khấu Mỹ và NBA là National Basketball Association - Hội bóng rổ quốc gia (*Chú thích của người dịch*).

Nguyên tác: “*How Chinese and Americans Understand Culture*”, Brent Crane.

Nguồn: Tạp chí *The Diplomat (Nhà ngoại giao)* ngày 5 - 3 - 2015.

Brent Crane là nhà báo độc lập có thời gian thường trú tại Bắc Kinh.



Bào mòn tập khí bất thiện

KIM NGÂN

Kinh Pháp Cú dùng hai bài kệ để lưu nhắc mọi người về hai loại năng lượng thiện và ác do con người tích tập gọi là tập khí, trở lại tác động và chi phối mạnh mẽ đến cuộc sống của con người, quyết định hạnh phúc hay khổ đau của người ấy:

*Chớ chê khinh điều ác,
Cho rằng “chưa đến mình”,
Như nước nhỏ từng giọt,
Rồi bình cũng đầy tràn.
Người ngu chứa đầy ác,
Do chất chứa dần dần.
Chớ chê khinh điều thiện,
Cho rằng “chưa đến mình”,
Như nước nhỏ từng giọt,
Rồi bình cũng đầy tràn.
Người trí chứa đầy thiện,
Do chất chứa dần dần.¹*

Bạn thường giận dữ một người nào đó và tìm thấy thích thú trong cảm giác hờn giận của mình; việc đó thành ra một thói quen, một món ăn tinh thần trong đời sống hàng ngày đến độ hôm nào không tìm ra lý do để hờn giận thì hầu như bạn ăn ngủ không ngon. Bạn đang tích tập cho mình một tính nết không hay, chiêu chuộng một cảm xúc sai lầm, dung dưỡng một lễ thói bất thiện, lâu ngày trở thành một bản năng, một loại năng lượng

tâm lý có sức tác động và chi phối mạnh mẽ đến đời sống của bạn, khiến cho bạn trở nên bị trói buộc bởi cảm giác hờn giận của mình, không còn làm chủ được bản thân, trở thành nô lệ cảm xúc, một kẻ tâm bệnh. Đạo Phật gọi đấy là sức mạnh “tai họa” của nữ nhân², khiến cho vị ấy ngay trong hiện tại ăn ngủ không ngon, sắc diện khó nhìn, hao tổn tài sản, thương tổn danh dự, bị bạn bè xa lánh, rơi vào sập bẫy của địch thủ³; nếu được vận dụng lâu ngày thì thành ra nghiệp lực bất thiện hay tập khí phẫn nộ, tiếp tục ảnh hưởng và quyết định vận mệnh phiền muộn của người ấy ở các đời sau: “*Này Mallikà, có hạng nữ nhân phẫn nộ nhiều, não hại nhiều, tuy bị nói ít, liền nổi nóng, nổi giận, nổi sân, sùng sộ, gây hấn, biểu lộ phẫn nộ, sân hận, bất mãn. Người ấy, sau khi từ bỏ đời này, trở lui lại trạng thái này, tại đấy, tại đấy, tái sanh hạ liệt, dung sắc xấu, sắc đẹp xấu, hình dáng hạ liệt*”.⁴

Theo quan niệm của đạo Phật thì tập khí là một loại năng lượng tiềm tàng trong mỗi chúng sanh, do duyên này hay duyên khác mà hình thành, được tích tập lâu ngày, trở thành nguồn lực ảnh hưởng và chi phối tiến trình hiện hữu của chúng sanh. Nó được xem là năng lực vô hình, có sức tác động và chi phối hầu như toàn bộ đời sống của con người, khiến con người đôi khi không làm chủ được chính mình, không hiểu được tại sao mình lại có những suy nghĩ, lời nói hoặc hành động như thế!

Trong đời sống hàng ngày, con người ít có đủ chánh niệm và tỉnh giác để nhận biết rõ ràng về chính mình, về

những suy nghĩ, lời nói và hành động của mình, cứ sống theo thói quen, với cuộc sống đã được mặc định, với các sinh hoạt và hành vi đã thành lệ thói, diễn tiến đều đặn, ít quan tâm ngắm xem vì sao mình nghĩ như thế, nói như thế hay làm như thế. Ngày này qua ngày khác, cuộc sống cứ trôi qua với các sinh hoạt và hành động lặp đi lặp lại một cách tự nhiên đến độ gần như máy móc. Con người không cố suy nghĩ nhưng các ý tưởng thì cứ nhảy múa không dứt, không định phát ngôn nhưng lời lẽ cứ chực tuôn trào, không chú tâm hành động nhưng tay chân thì không đứng yên. Có năng lực nào ở bên ngoài hay đằng sau thôi thúc các hành vi gần như tự động ấy của con người? Trong quan điểm của mình, đạo Phật không thừa nhận có một năng lực nào ở bên ngoài có khả năng chi phối cuộc sống của con người, buộc con người phải hành động thế này hay thế khác, ngoài các hành vi (nghề nghiệp) mà con người đã thực hiện và tích tập lâu ngày trở thành thói quen, thành ra tập quán, tiếp tục trở lại chi phối cuộc sống của người ấy gọi là nghiệp lực. Chính tập quán ấy là năng lực tác động và thúc đẩy các hành vi biểu hiện gần như máy móc của con người, chính tập quán ấy chi phối phần lớn đời sống của người ấy, tức năng lực hoạt động mang tính thói quen do người ấy tích tập lâu ngày. Đạo Phật gọi năng lực ấy là tập khí hay nghiệp lực, tức một loại năng lượng tâm thức do cá nhân tích tập lâu đời trở lại chi phối và dẫn dắt cuộc sống hiện tại của người ấy.

Trong cách nhìn của đạo Phật thì tập khí được tích tập và hình thành do nhiều nhân duyên và điều kiện khác nhau, cơ bản có hai đặc tính là thiện và bất thiện. Đó chính là các loại tâm sở thiện hoặc bất thiện có mặt trong mỗi cá nhân, do con người tích tập; khi gặp điều kiện hoặc môi trường thuận hợp thì chúng dậy khởi, tác động và chi phối mạnh mẽ đến đời sống của người ấy. Ví dụ, tham-sân-si là các tâm sở bất thiện; người mà tích tập nhiều tham-sân-si thì chính tập khí tham-sân-si trở thành năng lượng ảnh hưởng và tác động tiêu cực lên cuộc sống của người ấy, khiến người ấy thiên về lối sống u uất, mê lầm, xấu ác. Trái lại, vô tham-vô sân-vô si là các tâm sở thiện; người mà nuôi dưỡng nhiều tâm sở vô tham-vô sân-vô si thì theo đó cuộc sống sẽ trở nên thanh thản, chân chánh, hiền thiện. Đức Phật thấy rõ các loại tập khí ảnh hưởng đến đời sống hiện tại của chúng sanh⁵, phân chia chúng sanh thành nhiều căn tánh khác nhau:

"Này các Tỳ-kheo, với Phật nhân, Ta nhìn quanh thế giới. Ta thấy có hạng chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nhiều nhiễm bụi đời; có hạng lợi căn, độn căn; có hạng thiện tánh, ác tánh; có hạng dễ dạy, khó dạy; và một số ít thấy sự nguy hiểm phải tái sanh thế giới khác và sự nguy hiểm làm những hành động lỗi lầm".⁶

Bậc Giác ngộ nói đến bốn hạng người đi kèm với bốn ảnh dụ⁷ để minh họa về sự khác nhau giữa loài người trong khuynh hướng hành động và cảm thức về hành động của mình, cơ bản do sự khác nhau về nghiệp lực hay tập khí:

1. Hạng người bị tập khí tham-sân-si chi phối, rơi vào làm ác với tâm lý khổ ưu, sau khi thân hoại mạng chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ địa ngục: *"Ở đây, này các Tỳ-kheo, có người với khổ, với ưu, sát sanh, và do duyên sát sanh, cảm thọ khổ ưu... lấy của không cho... tà hạnh trong các dục... nói lời vọng ngữ... nói lời hai lưỡi... nói lời ác ngữ... nói lời phù phiếm... có tâm tham ái... có tâm sân... có tà kiến, và do duyên tà kiến cảm thọ khổ ưu. Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Tỳ-kheo, ví như trái bí đắng có tẩm thuốc độc. Rồi một người đến muốn sống, muốn không chết, ưa lạc, hiểm ghét khổ, và có người nói với người ấy như sau: 'Này bạn, trái bí đắng này có tẩm thuốc độc, nếu bạn muốn, hãy ăn. Trong khi ăn, bạn không được thích thú về sắc, về hương, về vị. Sau khi ăn, bạn có thể đi đến chết hay đau khổ gần như chết'. Người ấy có thể ăn, không có suy nghĩ, không có từ bỏ. Trong khi ăn, người ấy không được thích thú về sắc, về hương, về vị. Sau khi ăn, người ấy bị chết, hay bị đau khổ gần như chết. Này các Tỳ-kheo, Ta nói pháp hành này giống như ví dụ ấy, tức là pháp hành hiện tại khổ và tương lai quả báo cũng khổ".*

2. Hạng người bị tập khí tham-sân-si chi phối, rơi vào làm ác với tâm lý hân hoan thích thú, sau khi thân hoại mạng chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ địa ngục: *"Ở đây, này các Tỳ-kheo, có người với lạc, với hỷ, sát sanh và do duyên sát sanh, cảm thọ lạc và hỷ... với lạc, với hỷ, có tà kiến, và do duyên có tà kiến, cảm thọ lạc và hỷ. Vị này sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ địa ngục. Này các Tỳ-kheo, ví như một bình đồng đựng nước uống, có sắc, có hương, có vị, và nước uống ấy có tẩm thuốc độc. Rồi một người đến, muốn sống, muốn không chết, muốn ưa lạc, hiểm ghét khổ. Và có người nói với người ấy như sau: 'Này bạn, bình đồng đựng nước uống này, có sắc, có hương, có vị, và nước uống ấy có tẩm thuốc độc. Nếu bạn muốn, hãy uống. Trong khi uống, bạn sẽ được thích thú về sắc, về hương, về vị. Sau khi uống, bạn có thể đi đến chết hay đau khổ gần như chết'. Người kia có thể uống, không suy nghĩ, không từ bỏ. Trong khi uống, người ấy được thích thú về sắc, về hương, về vị. Sau khi uống, người ấy có thể đi đến chết hay đau khổ gần như chết. Này các Tỳ-kheo, Ta nói pháp hành này giống như ví dụ ấy, tức là pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo khổ".*

3. Hạng người ít bị tập khí tham-sân-si chi phối, làm thiện với tâm lý khổ ưu, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này: *"Ở đây, này các Tỳ-kheo, có người với khổ với ưu, từ bỏ sát sanh, và do duyên từ bỏ sát sanh cảm thọ khổ ưu... với khổ, với ưu, từ bỏ tà kiến, và do duyên từ bỏ tà kiến, cảm thọ khổ ưu. Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Này các Tỳ-kheo, ví như nước đá quý được trộn nhiều loại thuốc. Rồi có người đi đến, bị bệnh hoạn dẫn, và có người nói với người đó như sau: 'Này bạn, nước đá quý này được trộn với nhiều loại thuốc. Nếu bạn muốn, hãy uống. Trong khi uống, bạn không được thích thú*

về sắc, về hương, về vị. Nhưng sau khi uống, bạn sẽ được an lạc. Người ấy có thể uống, sau khi suy nghĩ, không có từ bỏ. Trong khi uống, người ấy không được thích thú về sắc, về hương, về vị. Nhưng sau khi uống, người ấy được an lạc. Đây các Ty-kheo, Ta nói pháp hành này giống như ví dụ ấy, tức là pháp hành hiện tại khổ, tương lai quả báo lạc’.

4. Hạng người ít bị tập khí tham-sân-si chi phối, làm thiện với tâm lý hân hoan thích thú, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này: *“Ở đây, này các Ty-kheo, có người với lạc, với hỷ, từ bỏ sát sanh và do duyên từ bỏ sát sanh, cầm thọ lạc và hỷ... với lạc, với hỷ, có chánh kiến và do duyên chánh kiến, cầm thọ lạc và hỷ. Vì ấy, sau khi thân hoại mạng chung, sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Đây các Ty-kheo, ví như lạc, mật, thực tỳ và đường trộn lẫn với nhau. Rồi có người đi đến bị bệnh kiệt lý. Và có người nói với người ấy như sau: ‘Này bạn, đây là lạc, mật, thực tỳ và đường trộn lẫn với nhau. Nếu bạn muốn, hãy uống. Trong khi uống, bạn sẽ được thích thú về sắc, về hương, về vị. Sau khi uống, bạn sẽ được an lạc. Người kia có thể uống, sau khi suy nghĩ, không có từ bỏ. Trong khi uống, người kia được thích thú về sắc, về hương, về vị. Sau khi uống, người kia được an lạc. Đây các Ty-kheo, Ta nói pháp hành này giống như ví dụ ấy, tức là pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo cũng lạc’.*

Nhìn chung, tập khí hay nghiệp lực là một loại năng lực vô hình do con người tích tập, có công năng chi phối cuộc sống hiện tại của con người, khiến con người có khuynh hướng thiên về cái ác hay cái thiện một cách khá tự nhiên với những cảm thức khác nhau. Có người làm ác với tâm lý khổ ưu khó chịu, nhưng có người làm ác với tâm lý hân hoan thích thú. Có người làm thiện với tâm khổ ưu khó chịu, nhưng người khác thì làm thiện với tâm hoan hỷ thích thú. Điều đáng lưu ý trong bốn hạng người này là hai hạng người đầu bị tập khí tham-sân-si chi phối, rơi vào làm ác mà không hề có suy nghĩ, không lo âu xấu hổ, không thấy được sự nguy hại của lối sống làm ác. Đây chính là nguyên nhân khiến cho tập khí tham-sân-si tiếp tục được tích tập và tăng trưởng, tức sự mê mờ, vô tri của con người trong lối sống làm ác. Trái lại, hai hạng người sau ít bị tập khí tham-sân-si chi phối, sống làm thiện một cách có suy tư chọn lựa, thấy rõ sự nguy hại của lối sống làm ác và lợi ích của lối sống làm thiện. Với hai hạng người này, được chờ đợi là tập khí tham-sân-si ngày càng được bào mòn và tiêu trừ do lối sống bỏ ác làm thiện một cách có suy tư chín chắn và có hiểu biết sáng suốt.

Có thể nói rằng, trừ các bậc giác ngộ luôn luôn sống với tâm tinh giác, không còn tạo nghiệp, không ai biết được mình đã tích tập bao nhiêu tập khí thiện hoặc bất thiện cũng như tác động của các tập khí ấy trong đời sống hàng ngày. Chính vì thế mà để ngăn ngừa tập khí bất thiện và phát huy tập khí hiền thiện, đạo Phật khuyên nhắc mọi người phải biết tu tập chuyển hóa bản thân, tức phải quyết tâm từ bỏ các điều ác, nỗ lực làm các

việc lành; phải thường xuyên phòng hộ căn môn, nghĩa là phải chú tâm theo dõi tâm thức của mình diễn biến thế nào khi các căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) tiếp xúc với các trần cảnh (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) để kịp thời ngăn chặn tập khí bất thiện, khiến cho chúng không có cơ hội phát sinh và tăng trưởng. Nói cách khác, con người cần phải biết nuôi dưỡng Chánh kiến (*Sammā-ditthi*), nghĩa là phải tập nhận diện và phân biệt rõ về thiện ác và gốc rễ của thiện ác⁸ để hướng dẫn đời sống của mình theo chánh đạo (Bát Thánh đạo), khiến cho tập khí tham-sân-si chưa sinh thì không sinh khởi, đã sinh thì được tiêu trừ; tập khí vô tham-vô sân-vô si chưa sinh thì được sinh khởi, đã sinh thì được tăng trưởng. Đây chính là các biện pháp trực tiếp giúp cho con người ngăn chặn và bào mòn tập khí bất thiện, đồng thời tích tập và phát huy tập khí hiền thiện.

Về phương pháp tu tập chuyển hóa bản thân, tức quyết tâm từ bỏ các điều ác, nỗ lực làm các việc lành, khiến cho tập khí bất thiện tham-sân-si được chặn đứng và tập khí hiền thiện vô tham-vô sân-vô si được phát triển, Đức Phật gợi cho chúng ta cách phản tỉnh và tịnh hóa các hành vi (nghiệp) thuộc thân, khẩu, ý, khiến cho mọi suy nghĩ, lời nói và việc làm của chúng ta không rơi vào mê lầm, sai trái, xấu ác, đưa đến khổ đau; trái lại, khiến cho chúng đạt đến sáng suốt, chân chánh, hiền thiện, đưa đến an lạc, như ngày nào Ngài đã chỉ dạy cho con trai của mình:

“Này Rahula, khi con muốn làm một thân nghiệp, một khẩu nghiệp, hay một ý nghiệp gì, hãy phản tỉnh thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp ấy như sau: ‘Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp này của ta có thể đưa đến tự hại, có thể đưa đến hại người, có thể đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ. Này Rahula, nếu trong khi phản tỉnh, con biết: ‘Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp này ta muốn làm. Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp này của ta có thể đưa đến tự hại, có thể đưa đến hại người, có thể đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ. Một thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp như vậy, này Rahula, con nhất định chớ có làm. Này Rahula, nếu sau khi phản tỉnh, con biết: ‘Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp này ta muốn làm. Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp này của ta không có thể đưa đến tự hại, không có thể đưa đến hại người, không có thể đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp này là là thiện, đưa đến an lạc, đem đến quả báo an lạc’. Một thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp như vậy, này Rahula, con nên làm.

Này Rahula, khi con đang làm một thân nghiệp, khẩu nghiệp hay ý nghiệp gì, con cần phải phản tỉnh thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp ấy như sau: ‘Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp này ta đang làm. Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp này của ta đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp, khẩu

nghiệp, ý nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ. Nay Rahula, nếu trong khi phân tỉnh, con biết: 'Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp này ta đang làm. Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp này của ta đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ. Nay Rahula, con hãy từ bỏ một thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp như vậy. Nhưng nếu, nay Rahula, trong khi phân tỉnh, con biết như sau: 'Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp này ta đang làm. Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp này của ta không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp này là thiện, đưa đến an lạc, đem đến quả báo an lạc'. Một thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp như vậy, nay Rahula, con cần phải tiếp tục làm.

Sau khi con làm xong một thân nghiệp, khẩu nghiệp hay ý nghiệp, nay Rahula, con cần phải phân tỉnh thân nghiệp ấy như sau: 'Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp này ta đã làm. Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp này của ta đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ. Nếu trong khi phân tỉnh, nay Rahula, con biết như sau: 'Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp này ta đã làm. Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp này đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ. Một thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp như vậy, nay Rahula, con cần phải thưa lên, cần phải tỏ lộ, cần phải trình bày trước các vị Đạo sư, hay trước các vị đồng Phạm hạnh có trí. Sau khi đã thưa lên, tỏ lộ, trình bày, cần phải phòng hộ trong tương lai. Nhưng nếu trong khi phân tỉnh, nay Rahula, con biết như sau: 'Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp này ta đã làm. Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp này không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp này thiện, đưa đến an lạc, đem đến quả báo an lạc'. Do vậy, nay Rahula, con phải an trú trong niềm hoan hỷ tự mình tiếp tục tu học ngày đêm trong các thiện pháp".⁹

Một phương pháp khác có khả năng trực tiếp ngăn chặn và bào mòn tập khí bất thiện tham-sân-si, đó là thực hành việc phòng hộ các căn môn, tức khi mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân cảm xúc, ý nhận thức các pháp, con người cần chú tâm xem xét tập khí tham-sân-si có dấy khởi và lôi kéo tâm tư rơi vào đam mê thích thú (*abhijjhā*) hay giận dữ bực phiền (*domanassa*) hay không để kịp thời nhiếp hộ các căn, không để cho tập khí tham-sân-si có cơ hội dấy khởi và chi phối đời sống của mình. Theo lời Phật thì nhờ thường xuyên thực hành pháp môn phòng hộ các căn mà tập khí tham-sân-si, các bất thiện pháp, các kiết sử dần dần được bào mòn và thành ra suy yếu đến độ chúng không còn sức mạnh để chi phối đời sống của con người!¹⁰

"Ở đây, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo khi mắt thấy sắc, không thiên chấp các sắc khả ái, không ghét bỏ các sắc không khả ái... khi tai nghe tiếng... khi mũi ngửi hương... khi lưỡi nếm vị... khi ý biết pháp, không thiên chấp các pháp khả ái, không ghét bỏ các pháp không khả ái, sống với thân niệm an trú, với tâm vô lượng. Vị ấy như thật rõ biết tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Chính ở đây, các ác bất thiện pháp ấy khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn.

Này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo sở hành như vậy, sở trú như vậy, đôi lúc và đôi khi niệm bị thất thoát, khởi lên các ác bất thiện pháp, các ức niệm, ước vọng liên hệ đến kiết sử. Chậm chạp, này các Tỳ-kheo, là niệm được khởi lên. Mau lẹ, vị ấy từ bỏ trạng thái ấy, gột sạch, chấm dứt, không cho hiện hữu. Ví như, này các Tỳ-kheo, một người làm rơi hai hay ba giọt nước trên một nồi sắt được hơ nóng cả ngày. Chậm chạp, này các Tỳ-kheo, là sự rơi xuống của các giọt nước. Mau chóng, chúng đi đến đoạn diệt, hoại diệt"¹¹

Rõ ràng, thói quen không tốt hay tập khí bất thiện là một loại năng lực vô hình khó nhiếp phục; không ai biết chắc mình bào mòn được bao nhiêu tập khí bất thiện mỗi ngày nhờ vào công phu tu tập. Tuy nhiên, nhờ kiên trì thực hành lời Phật dạy, quyết tâm bỏ ác làm lành, nỗ lực thu nhiếp các căn hay chuyển hóa bản thân theo Bát Thánh đạo, tập khí tham-sân-si (*lobha-dosa-moha*), các lậu hoặc (*āsava*) hay các kiết sử (*samyojana*), những hạt nhân gây nên phiền não khổ đau cho con người, dần dần được bào mòn và đi đến tiêu trừ; giống như người thợ nề miệt mài lao động lâu ngày, trông thấy dấu vân tay của mình in trên cán búa thì biết rằng cán búa đã được bào mòn do sự miệt mài cần mẫn của mình:

"Ví như, này các Tỳ-kheo, một người thợ nề hay đệ tử người thợ nề, khi nhìn vào cán búa, thấy dấu các ngón tay và dấu ngón tay cái. Người ấy không có thể biết được như sau: 'Hôm nay từng ấy cán búa của ta bị hao mòn, hôm qua từng ấy, các ngày khác từng ấy'. Nhưng người ấy biết được cán búa bị hao mòn trên sự hao mòn của cán búa. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo chú tâm trong sự tu tập không có biết như sau: 'Hôm nay từng ấy lậu hoặc của ta được đoạn tận, hôm qua từng ấy, các ngày khác từng ấy'. Nhưng vị ấy biết được các lậu hoặc được đoạn tận trên sự đoạn tận các lậu hoặc"¹² ■

Chú thích:

1. *Pháp Cú*, kệ số 121-122.
2. Kinh Súc mạnh, *Tăng Chi Bộ*.
3. Kinh Sân hận, *Tăng Chi Bộ*.
4. Kinh Mallikā, *Tăng Chi Bộ*.
5. Tiểu kinh Pháp hành, Kinh Tiểu nghiệp phân biệt, *Trung Bộ*.
6. Kinh Thánh cầu, *Trung Bộ*.
7. Đại kinh Pháp hành, *Trung Bộ*.
8. Kinh Chánh tri kiến, *Trung Bộ*.
9. Kinh Giáo giới La-hầu-la ở rừng Am-bà-la, *Trung Bộ*.
10. Kinh Căn tu tập, *Trung Bộ*.
11. Kinh Khổ pháp, *Tương Ưng Bộ*.
12. Kinh Sự tu tập, *Tăng Chi Bộ*.



NGUYỄN THẾ ĐĂNG

Trong kinh *Hoa Nghiêm*, phẩm *Thập Địa* nói, “Tất cả ba cõi chỉ là Một Tâm”. Phẩm *Dạ-ma-cung kệ tán* nói, “Như tâm, Phật cũng vậy. Như Phật, chúng sanh đồng. Tâm, Phật, và chúng sanh. Cả ba không sai khác”.

Tất cả hiện hữu chỉ là Một Tâm, vậy thì Một Tâm hay chân tâm chúng ta biểu lộ như thế nào? Pháp giới Một Tâm của kinh *Hoa Nghiêm* luôn luôn hiện diện trước mắt chúng ta. Nghĩa là tánh Không, quang minh, như huyễn của pháp giới luôn luôn hiện diện trước mắt chúng ta.

Pháp giới là tánh Không, nên để thấy và đi vào pháp giới, phải thấy và đi vào tánh Không. Pháp giới là quang minh, để thấy và đi vào pháp giới, phải thấy và đi vào quang minh. Pháp giới là như huyễn, để thấy và đi vào

pháp giới, phải thấy và đi vào như huyễn. Pháp giới là sẵn đủ hiện tiền, để thấy và đi vào pháp giới, phải thấy và đi vào cái sẵn đủ hiện tiền trước mắt này.

Một tánh Không

Tánh Không là sự vô tự tánh của tất cả các pháp. Vì vô tự tánh cho nên vô sanh, nghĩa là thấy như có sanh mà thật là không có sanh.

Tất cả các pháp, chúng sanh, thế giới, chư Phật đều đồng một tánh Không. Tánh Không là pháp thân và đồng nhất đối với chư Phật nên kinh nói “pháp thân của chư Phật”.

Tất cả pháp do nhân duyên sanh, người thường thấy như có sanh, nhưng thật ra mỗi nhân duyên đều vô tự tánh, cho nên là vô sanh. Thấy được nhân duyên sanh

là vô sanh, đó là thấy tánh Không, tức cũng là thấy pháp thân chư Phật.

*Lại phóng quang tên Pháp thanh tịnh
Hay khiến tắt cả những chân lông
Đều diễn diệu pháp chẳng nghĩ bàn
Ai nghe pháp này đều vui hiểu.
Nhân duyên sanh ra vốn vô sanh
Pháp thân chư Phật chẳng phải thân
Pháp tánh thường trụ như hư không
Do thuyết nghĩa ấy được quang minh.*

(Phẩm Hiền Thủ, thứ 12)

Tánh Không là nền tảng chung của tất cả các pháp. Các pháp xuất hiện từ tánh Không, hiện hữu và tiêu tan trong tánh Không, nên các pháp chính là tánh Không:

“Thiên Cổ (trống trời) bảo các Thiên tử rằng: Như Thiên Cổ ta chẳng sanh chẳng diệt, sắc thọ tưởng hành thức cũng vậy, chẳng sanh chẳng diệt. Các người nếu có thể hiểu được như thế, nên biết là đã được nhập Vô y ấn tam muội” (Phẩm Như Lai tùy hảo quang minh công đức, thứ 39).

Không những tánh của sắc thọ tưởng hành thức là tánh Không không sanh không diệt mà tướng của sắc thọ tưởng hành thức cũng không sanh không diệt. Chính vì sắc thọ tưởng hành thức không sanh không diệt nên mới có thể hòa nhập với nhau và với sắc thanh hương vị xúc pháp không sanh không diệt, với mắt tai mũi lưỡi thân ý cũng không sanh không diệt để thành pháp giới sự sự vô ngại.

Thấy trực tiếp được các pháp không sanh không diệt, không đến không đi, không dơ không sạch, không tăng không giảm, không một không nhiều... là thấy trực tiếp được pháp giới *Hoa Nghiêm* hay Phật Tỳ-lô-giá-na.

*Tất cả pháp không sanh
Tất cả pháp không diệt
Nếu hay hiểu như thế
Chư Phật thường hiện tiền.*

(Phẩm Tu-di đảnh kệ tán, thứ 14)

Ở đây không chỉ là một tánh Không thuần túy, không sanh không diệt, không đến không đi... một bản tánh Không, Vô tướng, Vô tác, không có sự tướng nào. Tánh Không như vậy dĩ nhiên vốn là giải thoát. Ở đây còn có vô số sự tướng, nhưng những sự tướng ấy cũng không sanh không diệt, không đến không đi, không một không nhiều... nên cũng vốn tự giải thoát.

Cho nên giải thoát, giác ngộ của kinh *Hoa Nghiêm* là Chân Không Diệu Hữu. Diệu Hữu vì có vô số cái có, nhưng vô số cái có ấy vốn tự giải thoát. Chân Không Diệu Hữu là Quả vốn tự giải thoát, vốn tự viên thành.

Trong Chân Không Diệu Hữu, giải thoát không phải lìa thế gian hữu lậu mà thế gian hữu lậu vốn vô sở hữu, vốn tự giải thoát.

*Nếu có ai thấy Phật
Giải thoát, lìa hữu lậu
Không dính dấp thế gian
Người này chẳng chúng đạo.
Nếu ai biết Như Lai
Thế tướng vô sở hữu
Tu được thấy, hiểu rõ
Người này sớm thành Phật...
Nếu thấy Phật cùng mình
An trụ trong bình đẳng
Vô trụ, không chỗ nhập
Sẽ thành bậc Nan Ngộ.
Sắc, thọ không số hạn
Tưởng hành thức cũng vậy
Nếu biết được như đây
Sẽ làm Đại Mậu-ni.
Kiến chấp thế, xuất thế
Tất cả đều vượt khỏi
Khéo biết chân lý này
Sẽ thành bậc Đại Quang.
Nếu đối với toàn giác
Phát sanh tâm hồi hướng
Thấy tâm không chỗ sanh
Sẽ được bậc Hồng Danh.
Chúng sanh không có sanh
Cũng lại không có hoại
Nếu được trí như vậy
Sẽ thành vô thượng đạo.
Trong một, hiểu vô lượng
Trong vô lượng, hiểu một
Rõ chúng đồng sanh nhau
Sẽ thành bậc không sợ.*

Tất cả các pháp, tánh và tướng bỗng lìa thanh tịnh, đây là Viên giáo, là Quả thừa của kinh *Hoa Nghiêm*.

Một quang minh

Pháp giới bao trùm trong quang minh của chư Phật: “Đại Bồ-tát này thấy chư Như Lai vô lượng sắc tướng, vô lượng hình trạng, vô lượng thị hiện, vô lượng quang minh, vô lượng lưới quang minh. Phần lượng của quang minh này bằng pháp giới, chiếu khắp pháp giới, làm cho đều phát khởi trí huệ vô thượng. Lại thấy thân Phật không có nhiễm trước, không có chướng ngại, thanh tịnh rất ráo.

Dầu Đại Bồ-tát này thấy thân Như Lai nhiều tướng sai biệt như vậy nhưng thân Như Lai vẫn chẳng tăng chẳng giảm. Ví như hư không nơi lỗ bằng hột cải do con mọt ăn cũng chẳng giảm nhỏ, nơi vô số thế giới cũng chẳng thêm rộng.

Cũng vậy, Đại Bồ-tát trụ tam muội này tùy nơi tâm nguyện thấy thân Phật các thứ hóa hiện, thọ trì ngôn từ thuyết pháp chẳng quên, mà thân Như Lai chẳng tăng chẳng giảm. Ví như chúng sanh sau khi mạng chung lúc

sắp tái sanh chỗ thấy thanh tịnh chẳng rời nơi tâm. Cũng vậy, Đại Bồ-tát thấy rõ thanh tịnh mà chẳng rời tam muội sâu xa này” (Phẩm *Thập định*, thứ 27).

Các pháp là quang minh:

*Chúng sanh vô thủy lại
Mãi lưu chuyển sanh tử
Chẳng có pháp chân thật
Nên chư Phật ra đời.
Các pháp chẳng thể hoại
Cũng không ai hoại được
Tự tại đại quang minh
Hiện hiện khắp thế gian.*

(Phẩm *Đâu-suất kệ tán*, thứ 24)

Cho đến mỗi vi trần đều tròn đủ quang minh:

*Trong mỗi trần có vô lượng quang
Chiếu khắp mười phương các cõi nước
Đều hiện chư Phật hạnh giác ngộ.*

(Phẩm *Thế giới thành tựu*, thứ 4)

Phật là quang minh, pháp giới là quang minh, các pháp là quang minh. Quang minh đầy khắp pháp giới, mỗi sự vật là quang minh, “Tâm, Phật, chúng sanh không sai khác” là quang minh, nhưng tại sao người thường chúng ta không thấy, không biết tâm mình và pháp giới là một quang minh?

Chỉ vì mãi chạy theo tướng mà không thấy được các tướng vốn là quang minh. Chỉ vì không chịu “thấy Phật cùng mình, an trụ trong bình đẳng”, phân biệt chạy theo tướng, không thấy được các tướng là không có biên giới, “sắc, thọ không số hạn”, chỉ vì “kiến chấp thế, xuất thế” mà không thấy được tất cả là một quang minh. Chỉ cần dừng lại sự điên cuồng theo đuổi các tướng “vô sở hữu”, dừng lại tâm phân biệt, các kiến chấp, thì tâm cảnh đều là một quang minh, một vị quang minh.

Một như huyền

Như huyền có từ tâm và là hoạt động của tâm.

*Tâm như nhà họa sĩ
Vẽ nên các thế gian
Năm uẩn từ tâm sanh
Không pháp gì chẳng tạo.
Như tâm, Phật cũng vậy
Như Phật, chúng sanh đồng
Tâm, Phật và chúng sanh
Cả ba không sai khác...
Nếu người muốn rõ biết
Tất cả Phật ba đời
Phải quán pháp giới tánh
Tất cả duy tâm tạo.*

(Phẩm *Dạ-ma cung kệ tán*, thứ 20)

Tâm vẽ nên ba cõi, tất cả chỉ do tâm tạo. Với chúng sanh, cũng tâm ấy mà thấy có sanh tử trôi buộc khổ

đau vì không biết đó là do tâm vẽ nên như huyền. Chúng sanh chuyển trò chơi vẽ vời vô tự tánh của tâm thành một thế giới có thật, có vô số biên giới chia cách phân mảnh, đó là sanh tử.

Chư Phật cũng đồng một tâm ấy, và cái hoạt dụng của tâm là vẽ, nhưng chư Phật “trụ trí như huyền”, “biết tự tâm”, biết “pháp giới tánh, tất cả duy tâm tạo”, nên thế giới chỉ là “ảnh hiện” như huyền. Cùng tột của như huyền này là “sự sự vô ngại”.

Tâm như huyền với chúng sanh không biết thì bị tâm ấy sai sử, trôi buộc mà có ra sanh tử như huyền rồi trôi lăn trong lao nhọc, khổ đau. Các Bồ-tát thì cũng tâm như huyền này nhưng rõ biết sự biến hiện của nó, phát huy đầy đủ năng lực của nó, sử dụng nó, “thừa” nó (thừa là cưỡi, là xe, như trong chữ Đại thừa), và đi vào Như huyền tam muội để nhập thế độ sanh. Như huyền vừa để tự giác, biết pháp giới tánh, vừa để giác tha.

“Đại Bồ-tát biết tất cả các pháp thế gian đều đồng như huyền hóa. Biết các hiện tượng là huyền nên biết trí huyền. Vì biết trí huyền nên biết nghiệp (hành động) huyền. Đã biết trí huyền và nghiệp huyền nên khai triển trí huyền xem tất cả nghiệp thế gian như những huyền thuật. Chẳng ở ngoài chỗ của mình mà hiện huyền, cũng chẳng ở ngoài huyền mà có chỗ của mình.

Cũng vậy, Đại Bồ-tát chẳng ở ngoài tánh Không mà nhập thế gian, cũng chẳng ở ngoài thế gian mà nhập tánh Không. Tại sao thế? Vì tánh Không và thế gian không sai biệt, trụ nơi thế gian cũng là trụ nơi tánh Không. Đại Bồ-tát ở trong tánh Không hay thấy hay tu những hoạt động khác nhau trang nghiêm mọi thế giới. Trong một niệm đều rõ biết vô số thế giới hoặc thành hoặc hoại, cũng biết các kiếp tương tục nối tiếp. Trong một niệm hiện vô số kiếp nhưng chẳng làm một niệm rộng thêm ra.

Đại Bồ-tát đạt được huyền trí giải thoát chẳng thế nghi bần, đến bờ bên kia, trụ nơi huyền tế, nhập vào thế gian như huyền, tư duy tất cả các pháp đều như huyền, chẳng trái với thế gian như huyền, hoàn thiện huyền trí, rõ biết ba đời hiện tại quá khứ vị lai cùng huyền không khác, chứng ngộ quyết định sự không ngần mé của tâm.

Như chư Như Lai trụ trí như huyền, tâm Phật bình đẳng. Cũng vậy, Đại Bồ-tát biết các thế gian thấy đều như huyền, với tất cả chỗ đều không chấp trước, không có ngã sở. Như nhà huyền thuật hiện các sự huyền, dấu chẳng đồng ở với các sự huyền ấy, nhưng vẫn không mê lầm về các sự huyền.

Đây là trí thiện xảo diệu quang minh đại tam muội thứ hai của Đại Bồ-tát” (Phẩm *Thập định*, thứ 27).

Huyền nghĩa là vốn vô sanh mà thị hiện có sanh:

*Pháp tánh vốn vô sanh
Thị hiện mà có sanh
Trong đây không người hiện
Cũng không vật được hiện.*

(Phẩm *Bồ-tát vấn minh*, thứ 10)

Tâm là vô tận, nên các pháp huyền cũng là vô lượng. Tâm như huyền là vô tận, nên pháp giới như huyền cũng vô tận.

“Viết tất cả pháp rốt ráo vô tận. Vì viết tất cả cõi Phật vô biên. Vì viết tất cả chúng sanh giới không thể nghĩ bàn. Vì viết tiền tế vô thủy, vị lai vô cùng, hiện tại tận hư không khắp pháp giới vô biên... Vì viết tất cả pháp sở duyên của huyền tâm là vô lượng.

Đại Bồ-tát nhập tam muội này biết tâm như huyền, xuất sanh tất cả cảnh giới của các pháp, cùng khắp vô tận. Tại sao thế? Vì Đại Bồ-tát thành tựu hạnh trí vô ngại của Phổ Hiền, quan sát vô lượng huyền cảnh rộng lớn, thấy chúng như bóng ảnh không tăng không giảm” (Phẩm *Thập định*, thứ 27).

Con đường Đại thừa là Bồ-tát hạnh. Sức mạnh của Bồ-tát hạnh lưu xuất từ cái thấy như huyền như hóa:

*Bồ-tát quán các pháp
Biết chắc đều như hóa
Mà tu hạnh như hóa
Rốt ráo trọn chẳng bỏ.
Tùy thuận tự tánh hóa
Tu tập đạo giác ngộ
Tất cả pháp như hóa
Bồ-tát hạnh cũng vậy.
Tất cả các thế gian
Cùng với vô lượng nghiệp
Bình đẳng đều như hóa
Rốt ráo trụ không tịch.
Chư Phật trong ba đời
Tất cả cũng như hóa
Bổn nguyện tu các hạnh
Biến hóa thành Như Lai.
Phật dùng đại từ bi
Độ chúng sanh như hóa
Việc độ cũng như hóa
Lực hóa mà thuyết pháp.*

(Phẩm *Thập nhẫn*, thứ 29)

Tất cả các pháp như huyền, nhưng pháp tánh không động, đó là giải thoát:

“Nói tất cả các pháp dường như huyền hóa, thuyết minh pháp tánh không động chuyển... khiến vào những mây tam muội, khiến biết tâm đó như huyền như hóa, vô biên vô tận” (Phẩm *Thập định*, thứ 27).

Nhất Tâm

Nhất tâm là tánh Không, quang minh và như huyền. Cả ba cái ấy là đồng thời, đồng hiện hữu. Nơi nào cũng là tánh Không nên nơi nào cũng có quang minh; và nơi nào có quang minh, nơi ấy có ảnh hiện các sự vật như huyền. Cả ba cái ấy là một, tức là cả ba thân, Pháp thân (tánh Không), Báo thân (quang minh), Hóa thân (như huyền) là một.

Thấy Nhất Tâm là thấy “cả ba tức là một” ấy hiển hiện



khắp nơi, khắp chốn. Sở dĩ người ta không thấy được, sống được pháp giới Nhất Tâm vì con người tự tạo ra một trung tâm giả tạo là cái tôi, và xung quanh liền có những trung tâm giả tạo khác là những cái khác với tôi. Trong khi pháp giới “cả ba là một” thì không có một trung tâm, nghĩa là đâu cũng là trung tâm, tất cả là trung tâm.

Vấn, tư, tu cái ‘ không có một trung tâm nên tất cả là trung tâm’ này, thì đến một lúc nào, chúng ta thấy được Nhất tâm đang ảnh hiện thành muôn vàn sắc tướng, âm thanh, hương vị... như huyền tạo thành pháp giới. Đây chính là ý nghĩa của đời sống.

*Ví như trăng sáng giữa hư không
Thế gian chúng sanh thấy tròn khuyết
Tất cả sông ao hiện bóng trăng
Mọi thứ tinh tú đều mờ tối...
Như trong biển lớn đầy châu báu
Trong sạch không nhơ, không hạn lượng
Bao nhiêu chúng sanh ở bốn châu
Tất cả hiện bóng ở trong biển.
Phật thân công đức cũng như vậy
Không nhơ không đục không ngăn mé
Nhấn đến pháp giới các chúng sanh
Không ai chẳng hiện trong thân Phật.
Ví như mặt trời phóng quang minh
Chẳng rời bốn xứ chiếu mười phương
Phật quang chiếu khắp cũng như vậy
Không đi không đến trừ si tối.
Dầu không chỗ y mà ở khắp
Dầu đến tất cả mà không đi
Như vẽ trong không, cảnh trong mộng
Phải quán thân Phật là như vậy.*

(Phẩm *Nhập pháp giới*, thứ 39) ■

Nghĩa kinh ư a lệ

NHỤY NGUYỄN



Kinh vốn vô lượng nghĩa. Vô lượng nghĩa trước hết nên hiểu nghĩa từ cạn đến sâu, từ thấp lên cao. Phật giảng diệu lý, song đều tùy căn cơ chúng sanh mà nén năng lượng vào. Lời Đức Đạt-lai Lạt-ma: “Nếu không có cái nhìn tổng thể, có thể đôi khi người thực hành sẽ thấy giáo pháp, những phương pháp thực hành mà Đức Phật ban có nhiều điểm mâu thuẫn”. Nghĩa kinh cao một trượng, người có công phu cao một thước sẽ hiểu một thước, người công phu cao nửa trượng sẽ hiểu tương ứng, cho đến người công phu vượt hơn trượng, thì nghĩa kinh vẫn tự lớn để tiếp tục hành trình khai ngộ. Đức Phật lúc chưa giác ngộ dĩ nhiên là phạm nhân; lúc Ngài chứng ngộ, thì *tướng* ấy vẫn là một người thường, gần gũi chúng ta như cha mẹ hết lòng vì con cái. Đúng chẳng? Dĩ nhiên đúng. Lại nói Đức Phật là thần, là thánh, là một vị từ cõi Phật đầu thai làm người thị hiện tướng thành đạo, khó nhọc tu tập từng bước một, lúc đạt tứ thiên bát định, thấy vẫn chưa ra khỏi luân hồi lại tiếp tục tu cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đúng chẳng? Nếu cho rằng sai, tức ta phủ nhận Phật nương thuyền từ trở lại ta-bà độ sanh, cùng vô vàn Bồ-tát đã “đim thuyền” qua bờ kia vẫn tiếp tục trở lại “nhập vai” giáo hóa, kể cả vai ác (độ cho hàng đặc biệt). Bây giờ lại nói, đạo Phật có phải tôn giáo? Đương nhiên đúng. Còn đạo Phật không phải tôn giáo? Điều này quá đúng. Đạo Phật là khoa học, triết học?

Rõ ràng vậy. Còn là khoa học, triết học đỉnh cao. Nói đạo Phật không phải tôn giáo? Quá đúng, vì nguyên gốc đạo Phật vốn là phơi bày chân tướng vũ trụ, Đức Phật thấy và tìm cách hướng dẫn chúng sanh sửa thân khẩu ý để vận mạng chuyển từ mê qua ngộ, trở về chân nguyên tự tánh. Nếu hiểu đúng gốc của từ tôn giáo (giáo dục điều trọng yếu), lại càng đúng. Chẳng vậy mà ta thường ngày vẫn gọi *Bổn sư*. Còn hiểu tôn giáo ở nghĩa tôn sùng Phật như thánh, sao lại không đúng cho được. Bậc chứng Sơ quả đã có thân thông, đến như Phật thì pháp lực vô biên, chẳng phải là vị “thần” cao nhất trong các vị thần đó sao. Đức Phật vốn tùy căn chúng sanh mà thuyết, nên trong kinh điển có những điều tưởng ý trái ngược. Thời nay có cao tăng giảng kinh, nếu nghe loáng thoáng ta cũng sẽ nhầm vị này tự mâu thuẫn. Chẳng hạn lúc thì bảo “hữu cầu tất ứng”, học Phật chân chính muốn cầu tiến tài liền có, cầu danh vọng có danh vọng. Giảng thêm thì ngài bảo tuyệt không tham cầu nghiệp thế gian. Rồi nữa là “pháp thường ứng xả...” Chỗ này ngài nói phải chuyên ròng niệm Phật; lúc cần rất ráo ngài lại bảo niệm Phật phải có nền tảng Tứ niệm xứ, Bát chánh đạo, Thập thiện; không có nền tảng đó niệm Phật cũng chỉ gieo duyên mà thôi! Các sư bên Nam tông thường vẫn quán xác chết để cảnh tỉnh: Sau một hơi thở là thân này mất hẳn. Còn có vị lập ra Thiên kinh tửm, xem hình người chết không toàn thân tạo nên những “cú sốc”, phải vừa xem vừa trì chú, niệm Phật; cũng là nằm trong lý vô thường. Nếu bỏ nền tảng Tiểu thừa, tức làm đổi lời Đức Thích-ca: *Không tu Tiểu thừa mà tu Đại thừa không phải đệ tử Ta*. Bỏ nền tảng, tâm vẫn khởi cầu về cõi Phật, song cầu mình sẽ sống thêm ngày tháng thì mãnh liệt bội phần. Niệm Phật không quán vô thường, đến lúc hấp hối vẫn tiếc thân này, một câu Phật hiệu tự mình niệm không nổi trong an nhiên, nói gì đến mười câu hay vạn câu.

Đạo Phật không tham. Nhưng, tham có cần không. Có. Thực ra là chuyển công năng của tham. Tập khí vốn tham, giờ tu thì chuyển tham trần cảnh thành tham pháp. Chẳng như thấy có người ngồi thiền đạt định mấy tiếng, ta bèn “tham”, muốn bằng họ; mỗi ngày một thời công phu nay tăng lên hai thời, rồi ba, niệm niệm cũng cố đoạn chánh hơn. “Tham” để tiếp nhập cảnh giới, có cảnh giới cao mới xả tham buông tham được. Tâm vốn động, ban đầu phải dẫn sự động đó quay về chân niệm; từ nhiều chân niệm quy về một niệm. Từ một [chân niệm] trở về không thì dễ buông hơn là nhiều niệm. Đạo Phật không mê tín. Vậy mê tín cần chẳng? Có. Chẳng như một người

lâm đường cùng, không còn hy vọng nữa họ bỗng hướng về tâm linh. Ông thầy khuyên, thôi con niệm Phật đi, Phật sẽ cứu, sẽ mở ra đường sáng. Người kia không thấy, nhưng tin “ông thần Phật” sẽ cứu mình, đó là một thứ mê tín, song là phương tiện dẫn đạo, nên cần. Cứ để họ mê tín. Rồi ông thầy đưa cho người kia Phật pháp, bảo con về đọc về nghe, kết hợp niệm Phật, Phật sẽ cứu. Người kia làm theo, nghe, đọc; chợt hiểu, té ra Phật “không thể” cứu mình, Phật chỉ là chỉ ra cách giúp mình cải nghiệp nạn. Và trên con đường vượt bể khổ đó có ngũ giới thập thiện. Trước sát sanh giờ bỏ, trước vọng ngữ đòi chiều giờ bỏ, trước tà dâm giờ tuyệt tình. Niệm Phật. Một thời gian tâm sáng chuyển được cảnh tối tăm. Niềm tin trước kia mù quáng, bây giờ niềm tin thanh sạch. Thế là *mê tín* có giá trị. Dùng trí duy vật học duy tâm, dùng tâm duy vật tu duy tâm sẽ thành ra thế nào chắc không cần bàn nhiều. Ngôn ngữ vốn có tính làm thước đo tri thức, song chính nó cũng góp phần cản trở việc giải ngộ. Sở tri chướng. Nói thời mật pháp kinh điển diệt hết, nếu hiểu ở nghĩa đen là cạn, không còn gì để bàn thêm! Kinh diệt là ý người đời sẽ giảm dần niềm tin tâm linh, kinh càng cao siêu [về trí tuệ] càng trở nên xa vời, họ tin sự hưởng thụ vật chất. Rồi nữa, thời mật pháp chỉ còn Lục tự hồng danh, là bởi cuộc sống vốn vã, vật chất bao phủ từng giờ từng phút, đến ngồi xuống ăn cơm cũng chẳng kịp, nên hành giả tu Niệm Phật là tiện lợi, chẳng gì khó hiểu. Thời nay, thử hỏi số Phật tử theo Tịnh tông nhiều hay theo các pháp môn nhiều, cũng đã rõ. Ngôn ngữ phàm trần luôn bị bó hẹp và hạn chế, ngữ nghĩa nhiều khi chết cứng. Một tác phẩm hay cũng đọc dăm ba lần là chán, phim kinh điển cũng chỉ xem lần thứ hai là cùng. Kinh thì nghe đi nghe lại, càng nghe càng thấm càng tươi mới. Câu Phật hiệu niệm hoài mãi, càng niệm càng hoan hỷ; mới nhập môn hơi khó chịu, khép mình vào thời khóa cũng tạm khả dĩ, song hàng xóm nhỏ to thì tâm lao theo trần cảnh; Phật hiệu thêm sâu thì thấy an lạc, nhạc nhẽo quán xá cà-phê gần cũng không ảnh hưởng đến sự nghe “A-di-đà Phật” khởi từ tâm. Bên kia đám cưới hò hét ầm ào, ngồi trong nhà âm thanh rung vách tường, vẫn không ảnh hưởng việc niệm Phật của ta. Tâm khởi chữ nào tai nuốt trọn chữ đó, cứ thế mà an nhiên.

Huy động ngôn ngữ thế gian cũng khó thông được diệu lý “A-di-đà Phật”. Ngay đến bình phẩm thế tục, ngôn ngữ cũng không thể bao hàm hết ý nghĩa thâm sâu. Chẳng hạn *Cô đơn*, từ này thiển nghĩ xuất phát từ phương Tây, lúc cái đích của con người là bước trên thảm nệm vinh hoa chứ không chịu đi trên lối dao sự thật. Vũ trụ vô biên, một khi con người đứng trên sự tung hô là lúc họ sắp “đội trần”. Trong dòng phim kiếm hiệp có cụm từ “cao thủ cô đơn” như Độc Thủ Đại Hiệp, Độc Cô Cầu Bại. Xét trên bình diện xã hội, đây là ưu điểm. Nhược điểm là sự cô đơn ấy luôn đối diện với bế tắc, ngộ cụt. Một khi ai đó tiếm cận chân lý tối thượng, chính là họ lợi ngược dòng đời tìm bản lai diện mục, đối diện “cô đơn”. Nhưng

sự cô đơn này luôn dung chứa hi lặc. Lùi xa với dòng đời thấy trời cao biển rộng. Càng hi lặc càng cô đơn, càng cô đơn càng hi lặc, con đường phía trước càng mở ánh sáng khôn cùng. Người niệm Phật biết trước ngày giờ vãng sanh, tự tại mà vút đi (như lão cư sĩ Ngụy Quốc Hưng); người niệm Phật vãng sanh, để lại xá-lợi toàn thân vàng ròng làm chứng cho pháp môn tối thắng (như cụ Hoàng Ngọc Lan); chính là những người “cô đơn”. Họ cô đơn với số hành giả tu Niệm Phật chỉ niệm khơi khơi bề ngoài và nhất là không khép mình vào giới luật đoan tham sân, không quán Tứ niệm xứ để phá thân kiến vô thường. Họ cô đơn với những người thiển cận về Tịnh tông, với những người bàng niệm Phật và không tiếp nhận Đại thừa.

Thời nay nhiều người không tin nổi Niệm Phật. Không tin thì cứ tin lấy pháp mình đang hành (Thiền chẳng hạn), nhờ đó tăng trưởng công phu, nếu dự được vào dòng thánh rồi phần bác cũng chưa muộn. Đáng buồn họ lại sớm dụng thiểu trí để so lường Phật pháp. Nhiều người thấy giới niệm Phật bèn cho đây là hành động của tôn giáo cầu may, so sánh niệm Phật với niệm thiên. Họ dùng tam đoạn luận kiểu như: muốn lên Thiên đàng hãy niệm thiên; muốn lên Cực lạc hãy niệm Phật; như vậy niệm Phật cũng là tôn giáo. Ý họ muốn kéo Phật A-di-đà xếp hàng cùng chư Thiên. Họ đã hiểu ở nghĩa thấp nhất tinh thần kinh điển. Phật Thích-ca giảng điều trọng yếu: Mười pháp giới đều do tâm tạo. Tâm mỗi chúng sanh đều chứa trọn mười pháp giới. Tâm bạn nếu thời thời khắc khắc chỉ nghĩ [niệm] thiên, cảnh giới thiên sẽ được tạo dựng nguy nga trong tâm ấy, lúc mạng chung *thức* để có cơ hội bay về thiên. Điều này chẳng gì lạ. Chuyện đời từng có một chủ trang trại ngựa, suốt ngày nghĩ đến ngựa, ăn với ngựa ngủ với ngựa, đi đứng nằm ngồi đều tưởng [niệm] ngựa, trước lúc ngủ, chợp mắt, lúc vừa tỉnh đều nghĩ ngựa. Ngựa và ngựa. Trong tâm người ấy chỉ có ngựa mà thôi. Một hôm bà vợ vào nhà thấy con ngựa đang nằm ngủ trên giường, chính là chồng bà do tâm [ngựa] hiện tướng ngựa. Dĩ nhiên người ấy chỉ thành ngựa trong thời khắc nhất định. Nhưng để thấy tâm chuyên nghĩ gì sẽ tạo nên cảnh ấy. Tâm [niệm] tham là đang xây “lâu đài” quý. Tâm luôn [niệm] sân thì mở đường về A-tu-la. Niệm thiên và niệm Phật đều giống nhau ở chỗ *niệm*, khác ở đối tượng được niệm. Tâm chuyên niệm ngựa thì thành ngựa, tâm chuyên niệm thiên, tưởng cảnh thiên, lúc mạng chung sẽ hướng thiên mà bay. Người chuyên niệm Phật sẽ về cõi thanh tịnh của chư Phật. Tâm vốn tạp, vốn không một khắc ngưng nghĩ sự dao động, tức luôn niệm. Ta không tác ý nó vẫn tự niệm. Nếu tác ý niệm thiện, sẽ tạo nên tương lai thiện, tác ý niệm ác thì ngược lại. Có nghĩa, nếu ta không tác ý thì nó sẽ tự niệm theo tập khí, theo nghiệp lực từ thói quen trong kiếp này và cả từ tiền kiếp. Ta không tác ý niệm Phật, tâm sẽ tự niệm chín cõi còn lại, mà để vào nhất là niệm tham sân si (tương ứng với tam đồ). Đây là điều Đại sư Triệt Ngộ từng khai thị thấu đáo. Ngay cả bậc thiên, nếu chỉ dựa vào thời khóa công phu mỗi ngày

vài thời, mỗi thời vài ba tiếng chẳng nữa, lúc xả thiền, ra đường dạo mát hay làm Phật sự, nếu không thực sự thực hành thiền minh sát, tinh giác trong ý niệm dấy lên trong từng giây, thì tập khí phiền não dễ khởi như cốc nước vừa lắng đục lại bị khuấy. Người niệm Phật thì ngoài thời khóa, câu Phật hiệu đã thuần thục, đâu có chạy xe trên đường hay ở bất cứ nơi ôn ào, tâm họ vẫn khởi niệm Phật [tai nghe] rõ ràng. Điều này tối thắng. Nó khiến công phu được kéo dài, ngân dài một cách an nhiên không gắng gượng. Dĩ nhiên niệm gì cũng trước hết phải nghiêm trì thập thiện, phải quán vô thường, khổ, vô ngã để phá tà kiến; trong đó quan trọng là thân kiến mới có thể không dính mắc thân, tâm, cảnh ở cõi ta-bà (nếu muốn sanh về Tịnh độ). Tu pháp môn nào cũng phải nằm trong giới luật. Không tu trong giới luật tức đang dạo trên đường biên Phật pháp. Thiền, niệm Phật, niệm chú lại không giữ giới cũng là xây lâu đài trên cát. Người niệm Phật có hành trì ngày đêm tám tiếng chẳng nữa, nhưng không khép mình trong thập thiện, không quán đời hư huyễn công phu sẽ không thăng tiến, rõ nhất là niệm vãn niệm mà tập khí vẫn dấy lên, vẫn sân giận vẫn phân biệt vẫn vọng tưởng, rốt cùng là tâm không thể định. Tu Niệm Phật (vốn động, trước hết là ở miệng), nhưng niệm thành thiền thì chuyển vào tâm niệm, tâm niệm sâu thì vào định. Đó là cách tinh giác trong từng giây phút; tinh thức là quán. Gọi đúng là quán câu Phật hiệu. Từ quán trở về không.

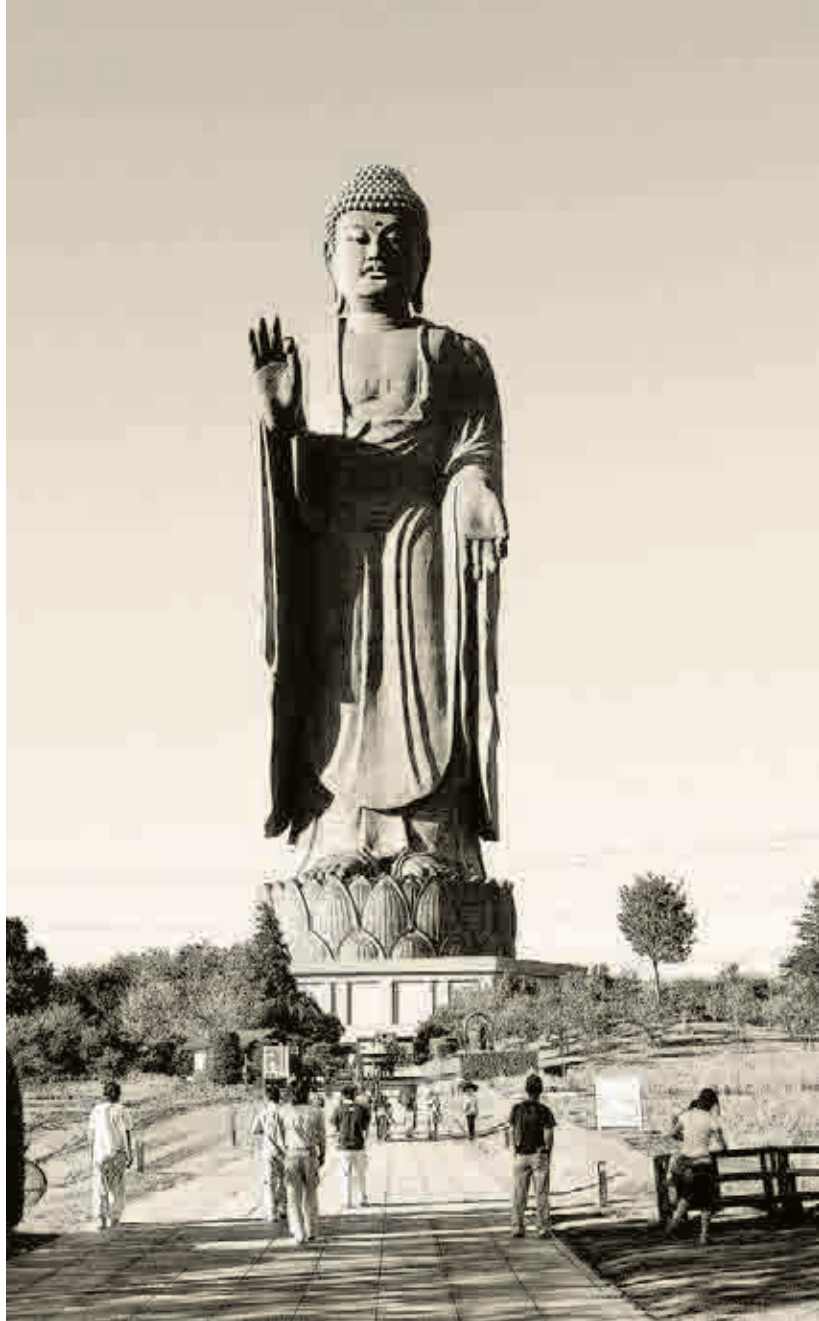
Không cần truy đến đời các Tổ sư trong Tịnh tông (dẫu trong số các Tổ của Tịnh có nhiều vị là thiền sư, cũng là Tổ của Thiền và nhiều tông môn khác); chúng ta hãy nhìn vào tấm gương của một số đại đức cận hiện đại sẽ rõ. Hòa thượng Tuyên Hóa, người niệm Phật đạt công phu tốt đỉnh, đến thỉnh Hòa thượng Hư Vân, liền được ấn chứng [đắc quả]. Sau này ngài Tuyên Hóa đã tự nhận nhiệm vụ nặng nề qua phương Tây hoằng pháp. Người Tây vốn dụng trí, tin khoa học, nên ngài lấy Thiền làm căn bản. Ngài là bậc "chân truyền", ngày ăn một bữa, giới luật tốt vời, *lưng không dính chiếu*. Về lực thiền, việc Hòa thượng nhập định một tháng hay ròng suốt 49 ngày, điều này không là thông tin xa lạ trong giới tu tập. Bây giờ ta thử đặt câu hỏi nhỏ: Người chân tu, sống đúng phạm hạnh của Đức Phật Thích-ca, bao người ngồi định được vài ba ngày? (Ở đây xin phép không bàn tới các bậc chân tu đang ẩn mình). Để nói rằng, ai chưa ngồi thiền (gọi đơn giản là nhắm mắt bất động) được vài ba ngày, liệu có phê phán bậc đại sư Tuyên Hóa; người đã giảng những gì? Ngài đặc biệt coi trọng và giảng kinh *Địa Tạng*. Và căn dặn: *chớ đụng vào một chữ trong bộ kinh này, tức chớ nghi ngờ một chữ (dẫu đó là chữ dịch chưa sát nghĩa), chữ nói gì đến nghi ngờ không phải Phật thuyết*. Ngài lại giảng kinh *A-di-đà*, rằng "có một khắc niệm Phật thì có một khắc không vọng tưởng, cho đến từ sáng đến tối niệm niệm không lìa Phật, thì ngày ấy không vọng tưởng. Vọng tưởng không nổi lên tức là Diệu Pháp". Trong pháp hội giảng bộ kinh này, ngài từng

so sánh với Thiền. Ta tin chắc ngài đã nhập vào các cảnh giới thiền thâm sâu, nên lời ngài là nói ra cái sự đã chứng, chứ không đơn thuần hợp theo ý kinh ý tổ. Và đây là cảnh giới Thiền của ngài: "Sơ Thiền có thể không còn thờ nữa, không có sự hô hấp. Ở cảnh giới này tuy không còn hô hấp nhưng vẫn có một niệm động, một khi phát sanh niệm động này thì hô hấp sẽ trở lại". "Mạch ngừng lại, khi hô hấp không còn nữa thì mạch cũng ngừng luôn, giống như người chết. Tuy mạch ngừng đập nhưng không phải chết. Đó là cảnh giới của Nhị Thiền". Rõ ràng, những quý vị hành thiền, cũng nên đặc biệt tham khảo, để làm mốc phấn đấu. Bởi đến tóc bạc vẫn chưa vào được cảnh giới Sơ Thiền, thì kiếp này về đâu?!

Ngài Hư Vân, bậc thiền sư lỗi lạc. Công phu thiền của ngài thật đáng ngưỡng vọng. Có lần ngang qua một cây cầu, ngài vịn tay vào thành cầu rồi định luôn, bất động như bức tượng đứng đó suốt ba ngày đêm mưa gió tuyết phủ. Nhưng, khá nhiều đệ tử của ngài, ngài khuyên niệm Phật và nhờ đó họ biết trước ngày giờ về cõi Cực lạc. Có lần cao tăng Hư Vân viết thư trả lời một Phật tử nhờ ngài siêu độ cho con, có câu: "*Ngay hôm nhận được lời căn dặn, bèn vì lệnh lang niệm Phật hồi hướng ba ngày, chắc là đã nương theo Phật quang tiếp dẫn*". Bàn về bậc chân tu thiền lỗi lạc khuyến người niệm Phật, còn phải kể đến lão Hòa thượng Quảng Khâm. Ngài có quãng thời gian dài ở rừng, miên man trong định đến râu tóc dài cả thước. Rồi được thỉnh về chùa độ sanh, ngài là một khuôn mẫu chân chính bậc nhất của đệ tử Đức Phật, sống gần như theo hạnh đầu đà, chuyên ngủ ngồi. Pháp môn ngài truyền giảng là gì?: Niệm Phật. Ngài từng nói: Ngoài sáu chữ Nam-mô A-di-đà Phật ra, ta không còn gì để giảng thêm.

Những ai từng *không tin* niệm Phật có thể nhập vào đại định chứng Niết-bàn, hẳn người đó phải đạt công phu tương đương hoặc vượt xa ba vị thượng nhân kể trên. Hoặc là họ vì chưa hành *tới bến* nên chưa thể hiểu. Khó trách. (Anh hiểu tôi anh sẽ không nói vậy). Thực tế ai tu thiền nếu *chưa* ngồi định được hàng ngày, hàng tuần hàng tháng trở lên, giảng về thiền, sự giảng đó vẫn là bằng những gì học được từ sách vở, từ tổ sư đại đức, rất *y kinh*, làm lợi lạc quần sanh, song e vẫn còn miễn cưỡng. Để thấy, ai chưa niệm Phật đến công phu nhất tâm bất loạn (công phu này, theo các Tổ đã vào được định, dẫu định chưa sâu), nếu chỉ căn khởi ý bài xích, chứ chưa bàn chuyện nói ra miệng viết ra giấy, trước hết sẽ là lỗi lầm quá lớn đối với pháp giới. Phật từng nói, những gì Ta giảng như lá trong nắm tay, những gì Ta chưa giảng [về vũ trụ] như lá trong rừng. Phạm phu sẽ hoàn toàn mù mờ về cảnh giới của người chứng quả thánh đầu tiên; Tu-đà-hoàn không thể biết đến cảnh giới của nhị quả Tư-đà-hàm,... Theo đó mà lên, Bồ-tát không thể thấu hiểu cảnh giới của Phật. Từng soi đến tấm gương của Thiên Thân Bồ-tát từng viết 500 bộ luận phê phán Đại thừa, sau này tu cao lên mới ngộ mình quá lắm, *nguyện xin được cắt lưỡi sám hối với Phật*, mới giặt mình.

Là một người hành pháp tối, nghiệp dày đức mỏng, ngã mạn sân hận chất ngất, tưởng được làm Phật tử ngon lành rồi, đầu gối lâu nay vẫn phạm giới quá nặng, phước đức tổn hao không kể xiết. Đứng đầu là nghiệp ý. Theo khoa học vật lý lượng tử, mỗi giây con người thu vào hàng tỉ thông tin, trong lúc ta chỉ thực sự nhận biết một phần. Điều này đã lý giải nguyên lý vũ trụ mà Đức Phật giảng rõ trong kinh. Mỗi người là tiểu vũ trụ, song tiểu đó chứa đại vũ trụ; tức *tướng* có nhỏ to sai khác, song *tánh* đồng thể. Sau này có vị đại sư đưa nguyên lý, mỗi người như bọt nước trên biển, không biết và bị chướng ngại để biết rằng lúc bọt nước ấy vỡ tan, thì chính nó là biển cả. Mỗi giây, hàng tỉ ý niệm từ nhân loại phóng ra, thành một dạng sóng, đều ùa vào a-lại-da thức mỗi cá nhân, song ta chỉ nhận biết khoảng một phần tỉ nhờ mắt tai mũi lưỡi thân ý. Có thể ví dụ: một lần tôi đang nằm ngủ, mơ thấy người bạn xin số di động của Q. Tôi từ lâu đã nhớ số Q. liền đọc cho họ. Mới đọc được bốn số 0914..., bỗng chuông điện thoại reo. Tôi giật tỉnh, dựng dậy chộp điện thoại; lạ không, Q. đang gọi. Có nghĩa, trước lúc Q. bấm gọi cho tôi, đã nghĩ về tôi, đã phóng ý niệm về tôi (lúc tôi đang ngủ); ý niệm đó liền khởi động tâm thức trở thành cơn mộng (mơ thấy tôi đang đọc đúng số điện thoại của Q. cho người xin số). Trong một giây biết bao ý niệm như vậy xuyên vào a-lại-da, tôi lại không hề nhận biết. Đơn giản, bởi tâm tôi quá ư động loạn. Nếu tâm trong lặng tịch tĩnh (như chúng quả thánh), ai đó vừa nghĩ đến mình đã biết ngay. Còn cao hơn, chân tâm ấy sẽ như ngôi nhà không cửa, ý niệm trôi qua chẳng hề mây may gợn sóng, nên không bị nghiệp lực chi phối (từ những ý niệm hữu tình hay vô tình phóng tới). Hoặc đó là những người chuyên đặt tâm vào quán hơi thở, chuyên lần theo một câu chú, câu Phật hiệu, tâm lần chữ nào tai nghe rõ chữ đó, từng câu nối thành chuỗi, từng chuỗi nối nhau nên không ý niệm vọng niệm nào xen ngang. Gọi vọng tâm là bởi tâm ấy chứa nhiều tạp niệm, kể cả tạp niệm về Phật pháp. Tạp niệm nhiều cũng giống như một lễ hội với đủ mặt người dự phần. Lễ hội thì luôn vui, càng vui càng vờ gọi người tham dự. Nếu trong lễ hội từng bừng, ta gặp một người, ngồi với chỉ một người ấy nói chuyện hệ trọng, ta chăm chú bắt từng câu từng chữ của cuộc chuyện, và dẫu giữa ồn ào song thực chất không hề ảnh hưởng đến kết quả của cuộc hội thoại giữa ta và người đó. Bây giờ ta đang sống bằng vọng tâm với vô vàn tạp niệm, nếu thực hành niệm câu Phật hiệu, lần theo từng chữ, như vậy ta đang lần trở về chân tâm, an trú an lạc. Lâu ngày đoạn tháng, từ niệm ra tiếng chuyển vào mặc niệm, tâm dính chặt vào câu niệm; Phật hiệu như được khắc vào tâm, sẽ đạt định. Từ định cạn đến định sâu. Sâu thì ngoài Phật hiệu ra không hề thấy vọng niệm nào, đó là công phu thành thiền. Đạt được như vậy tính ra cũng phải khép mình trong ngũ giới thập thiện chuyên trì niệm mỗi ngày ít nhất vài thời công phu, mỗi thời ít nhất một tiếng; ngoài thời gian đó ra, trừ hoạt động trí não việc thế gian, làm Phật sự, hề rồi chút



là Phật hiệu lại vang lên. Các Tổ sư và cao tăng Tịnh tông hiện thời đều cho rằng nếu đạt công phu thành thiền sẽ có cơ hội về cõi Cực lạc (ở các phẩm phương tiện). Còn so với thành tựu cao nhất của Tịnh tông, thì công phu thành thiền vẫn được xếp vào mức cạn. Công phu sâu là từ hữu niệm trở thành vô niệm, niệm mà không có sự niệm, rỗng không, tức *lý nhất tâm*, sẽ dẫn nhập đại định. Tâm ấy là tâm Phật, là vũ trụ, là niết bàn.

Thiền nghĩ chúng ta tu pháp môn nào cứ thế mà hành. Hành để chứng, đó mới là điều quan trọng nhất. Hành để cho thấy mình cao thâm là chấp trước sâu nặng, lúa cao cỏ cũng cao, công phu tăng ngã cũng lớn thêm. Bậc chân tu không nhìn lỗi thế gian. Lỗi phạm tình còn không nhìn, huống hồ lỗi ở tà giáo; huống hồ vợ cả những pháp môn mình chẳng hành đến đâu dũa để kết tội.

Nhìn chúng sanh khổ, là từ cái chúng tử khổ [chưa đoạn được] trong tâm mình phóng ra. Nhìn Phật tử mê lầm, cũng chính là chúng tử ấy từ vọng tâm ta phóng chiếu mà thôi. ■



Thắp thoáng lời Kinh

Phật Hương Tích

ĐỖ HỒNG NGỌC

Lúc ấy, Xá-lợi-phất nghĩ bụng: “Sắp đến giờ thọ thực rồi. Các vị Bồ-tát này sẽ ăn thức gì đây?”.

“Các vị Bồ-tát này” dĩ nhiên đó là Bồ-tát và năm trăm vị vương tôn công tử, thiếu gia con nhà viên ngoại, là những Bồ-tát tại gia tương lai, đối tượng đích của buổi huấn luyện đặc biệt tại cái thất trống trơn của Duy-ma-cật ở thành Tỳ-da-ly hôm đó.

Lần nào cũng vậy, cứ đến lúc mọi người đang bay bổng trên chín tầng mây với những lý luận cao vời thì Xá-lợi-phất lại kéo ngay xuống mặt đất! Một lần ông đặt câu hỏi: “Các vị Bồ-tát này rồi sẽ ngồi ở đâu?”. Một câu hỏi tưởng chẳng ăn nhập gì vào chuyện lớn đang bàn luận, thế nhưng, đó là một câu hỏi vô cùng quan trọng nhằm để xác định vai trò, vị trí của các Bồ-tát tại gia tương lai này. “Ngồi đâu?” nói lên nhiệm vụ chính của họ. Họ sẽ trở thành các Pháp sư, là “thầy giảng pháp” để giải thoát chúng sinh, để tạo cõi Phật thanh tịnh nơi cõi Ta-bà đây ô trược. Muốn vậy, họ phải “vào nhà Như Lai, mặc áo Như Lai” cái đã rồi mới xứng đáng “ngồi tòa Như Lai”! Và Duy-ma-cật đã mang về những “tòa sư tử” nghiêm chỉnh, cao vời để họ... hi hục trèo lên!

Bây giờ, giữa lúc mọi người đang sôi nổi hào hứng bàn những chuyện “trên trời” nào Hữu lậu với Vô lậu, nào Hữu vi với Vô vi, nào Động nào Niệm, nào Sinh tử Niết-bàn... thì Xá-lợi-phất, vị đệ tử trí tuệ bậc nhất của Phật, một lần nữa lại đưa mọi người về “mặt đất”: “Sắp đến giờ ăn rồi. Các vị Bồ-tát này sẽ ăn thức gì đây?”.

Ăn không phải là chuyện hệ trọng số một sao? Phật tới giờ ăn mà còn phải khoác y, ôm bình bát vào thành

khất thực, mang về đạo tràng ăn uống xong xuôi đầu đó rồi mới rửa chân lên ngồi... nhập định trước khi thuyết giảng *Kim Cang* đó sao?

Thực ra câu hỏi của Xá-lợi-phất “các vị Bồ-tát này sẽ ăn thức gì đây” mang một ý nghĩa khác: các vị Bồ-tát tại gia tương lai này sẽ được *nuôi dưỡng* bằng “thức ăn” gì đây để có thể trưởng thượng tâm Bồ-đề mà thực hiện tốt các hoạt động của một vị Bồ-tát chân chánh nhằm “thành tựu chúng sanh”. Nếu không được nuôi dưỡng đúng đắn, sau lúc hào hứng bổng bột ban đầu, sẽ rơi rụng dần rất đáng tiếc!

Duy-ma-cật lên tiếng: “*Xin đợi cho giây lát, tôi sẽ khiến quý vị được thứ thức ăn chưa từng có*”.

Thứ thức ăn chưa từng có ư? Với các vị vương tôn công tử, thiếu gia, con nhà trưởng giả này thì cao lương mỹ vị có gì là lạ, tổ yến hồng sâm, nem công chả phượng có gì là lạ.

Họ háo hức chờ đợi Duy-ma-cật mang lại thứ thức ăn “chưa từng có” là gì đây!

Thì ra... Duy-ma-cật mang đến một mùi hương! Một mùi hương thơm. Thứ “thức ăn” xin được từ cõi Chúng Hương của Phật Hương Tích!

Cõi Chúng Hương? Đó là một nơi mọi thứ đều làm bằng hương thơm, từ lầu gác, đất bằng, hoa viên, thức ăn nước uống... thứ nào cũng thơm lừng...!

Có điều, xa lắm, và không dễ đến!

Duy-ma-cật liền nhập vào Tam-muội, dùng sức thần thông khiến cho đại chúng nhìn thấy về hướng trên, cách đây nhiều cõi Phật liền tiếp nhau như số cát của bốn mươi hai con

sông Hằng, có một cõi nước tên là Chúng Hương, hiện có Đức Phật hiệu là Hương Tích ngự tại đó. Nước ấy có mùi thơm bậc nhất đối với các mùi thơm của người ta và chư thiên ở các thế giới chư Phật mười phương. Khắp cõi ấy, mùi thơm tạo ra lầu gác. Người ta đi trên đất bằng mùi thơm. Các cánh hoa viên và vườn tược đều bằng mùi thơm. Từ nơi thức ăn, mùi thơm bay tỏa ra khắp vô lượng thế giới mười phương. Lúc ấy, Phật Hương Tích với chư Bồ-tát vừa ngồi lại với nhau sắp thọ thực. Đại chúng đều nhìn thấy như vậy.

Duy-ma-cật quay sang hỏi các vị Bồ-tát có mặt: “Các nhân giả! Vị nào có thể đến chỗ đang dùng cơm của Đức Phật ấy?”. Ai nấy đều lặng thinh. Duy-ma-cật nói: “Đại chúng các vị ở đây, không có chi phải then!”. Văn-thù nhắc nhẹ: “Nhu Phật có dạy: Đừng khinh người chưa học”.

Đừng khinh người chưa học. Đó là bài học đầu tiên mà Văn-thù và Duy-ma-cật vừa sắm vai (role playing) để truyền đạt. Ấy là lòng Khiêm tốn, sự Tôn trọng, sự không phân biệt.

Que lửa nhỏ có thể làm cháy khu rừng to, con rắn nhỏ có thể là rắn độc!...

Phật dạy có bốn loại thức ăn để nuôi dưỡng thân và tâm. Đoàn thực, xúc thực, tư niệm thực, thức thực. Đoàn thực, thức ăn nuôi thân được nói trước tiên. Không có thân sao có tâm. Không có sắc sao có thọ tướng hành thức? Tứ đại ngũ uẩn quan trọng quá chứ! Nó là một “bảo tháp” để tâm quay về nương tựa! Một tâm hồn minh mẫn trong một thân thể tráng kiện. Nhìn 32 tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của Phật mà coi, chắc chắn khác hẳn cái thời lang thang khổ hạnh, suýt chết, tâm thần lãnh đãng, thân thể chỉ còn xương bọc da, sờ tay vào bụng thì đụng phải cột sống! Nhờ một chén sữa mà tình giác dưới cội bồ-đề. Từ đó, Thành đạo. Từ đó, chuyển Pháp luân. Nhưng suốt đời Phật, ba y một bát, tiết độ, kham nhẫn, tri túc. Ngày nay người ta dễ chạy theo lợi dưỡng, món ngon vật lạ, để rồi béo phì, tiểu đường, tăng huyết áp, tim mạch, gút... khổ thân!

Mỗi khi gặp một vị Phật, sau khi cung kính đánh lễ, thì câu chào hỏi đầu tiên bao giờ cũng là: “Việc ăn uống thức ngủ của Ngài ra sao? Ngài ít bệnh ít não chẳng? Khí lực được an ổn chẳng?”. Nghĩa là luôn luôn thăm hỏi một vị Phật, một vị Như Lai về những nhu cầu tồn tại của cuộc sống (physical needs): Ăn, uống, ngủ, nghỉ, bệnh đau, phiền não, hít thở... .

Còn xúc thực, tư niệm thực... ngày nay mới thật đáng ngại. Sách báo, phim ảnh, truyền hình, công nghệ thông tin ngày càng phát triển càng mang đến những nguy cơ cao về đời sống tinh thần của con người. Dĩ nhiên không phải lỗi tại sự tiến bộ của khoa học.

Trở lại với thứ thức ăn chưa từng có: một mùi hương! Một thứ hương thơm đủ để nuôi cả thân và tâm bất tận. Đó chính là Giới đức. Thứ hương thơm có thể bay cao, bay xa, bay ngược chiều gió! Thứ hương thơm đó thực sự cần thiết cho các vị Bồ-tát tại gia tương lai bấy giờ!

Hương thơm giới đức không thể có trong một ngày một bữa. Phải được huân tập lâu ngày chày tháng. Phải từ bồ thí, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ. Giới từ luật nghi mà có nhưng giới cũng từ định, từ huệ. Hương thơm phải tích chứa từ từ mới dần dần lên, mới sung mãn, tràn trề.

Cho nên Phật Hương Tích xuất hiện. Các vị Phật thật dễ thương. Lúc nào cũng sẵn sàng xuất hiện khi có ai đó cần đến! Đức Phật Hương Tích lấy cái bát ở cõi Chúng Hương, đem đầy cơm thơm, trao cho vị hóa Bồ-tát mang về cho Duy-ma-cật làm “Phật sự”. Phải đích thân Phật Hương Tích san sẻ món “cơm thơm” đó trao cho vị hóa Bồ-tát. Một pháp thí.

Phật dạy: “Có cõi Phật dùng ánh sáng quang minh của Phật mà làm Phật sự... Có cõi dùng cây bồ-đề mà làm Phật sự. Có cõi dùng cơm và đồ ăn của Phật mà làm Phật sự. Có cõi dùng những ví dụ, như: chiêm bao, ảo hóa, bóng dáng, tiếng dội, hình hiện trong gương, mặt trăng dưới nước, bóng nắng... mà làm Phật sự. Có cõi dùng âm thanh, lời nói, văn tự mà làm Phật sự. Hoặc có cõi Phật thanh tịnh dùng những việc: tịch mịch, không lời, không thuyết, không chỉ, không ghi, không làm, vô vi mà làm Phật sự”.

Hương thơm phải được hun đúc. Phải được rèn tập. Phải nhẫn nhục, tinh tấn, phải thiền định. Một hành giả sống trong chánh định thì sẽ có chánh kiến, chánh tư duy, từ đó dẫn tới chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng. Bát chánh đạo là một vòng tròn ngũ phần Pháp thân: Giới hương, Định hương, Huệ hương, Giải thoát hương và Giải thoát tri kiến hương.

Lúc ấy, Duy-ma-cật dặn vị hóa Bồ-tát rằng: “Ông hãy đến phía cõi trên kia, cách đây những cõi Phật liên tiếp nhau nhiều như số cát bốn mươi hai sông Hằng. Có một nước tên là Chúng Hương. Đức Phật hiệu là Hương Tích, với chư Bồ-tát, vừa ngồi lại với nhau sắp thọ thực. Khi ông đến đó rồi, nói: ‘Duy-ma-cật đánh lễ sát chân Thế Tôn, cung kính vô lượng, hỏi thăm việc ăn uống thức ngủ của ngài. Ngài ít bệnh ít não chẳng? Khí lực được an ổn chẳng? Duy-ma-cật muốn được chút thức ăn thừa của Thế Tôn để làm Phật sự tại thế giới Ta-bà...’”.

Mùi thơm của chút cơm được san sẻ từ cõi Chúng Hương đã bay khắp thành Tỳ-da-ly và cõi thế giới tam thiên đại thiên. Lúc ấy, mọi người ở thành Tỳ-da-ly, nghe mùi thơm ấy, lấy làm khoái lạc thân thể và tâm ý, thấy đều khen là việc chưa từng có. Có vị trưởng giả chủ tên là Nguyệt Cái, dẫn theo tám mươi bốn ngàn người cùng đến, vào nhà Duy-ma-cật. Các vị thân đất đai, thân hư không cùng các vị thiên tiên cõi Dạ giới và Sắc giới, nghe mùi thơm ấy, cũng đều hiện đến, vào nhà Duy-ma-cật... Hương thơm, một thứ Pháp hỷ, đến từ thực hành Giới Định Huệ, thực hành thiền định nên đã mang đến an lạc cho tất cả mọi người: “Chúng sanh vô biên thế ngụyện độ”.

Duy-ma-cật mời: “Các nhân giả, hãy dùng món cơm cam-lộ của Như Lai, do lòng đại bi hun đúc mà thành”.

Thứ "thức ăn chưa từng có" đó không sợ thiếu, luôn đủ cho tất cả mọi người, vì đó là một thứ "vô tận hương" đến từ bên trong của mỗi chúng sanh!

Khi Phật Hương Tích san sẻ chút cơm thơm trao cho vị hóa Bồ-tát, chín triệu vị Bồ-tát ở cõi Chúng Hương đồng nói rằng: "Chúng con muốn đi đến thế giới Ta-bà, cúng dường Đức Phật Thích-ca Mâu-ni. Chúng con cũng muốn viếng thăm Duy-ma-cật và đại chúng Bồ-tát".

Phật Hương Tích nói: "Có thể đi được, nhưng các ông nên kiềm giữ mùi thơm nơi thân, đừng để cho chúng sinh cõi kia khởi tâm lamm lạc tham trước. Lại nữa, các ông nên xả bỏ hình thể đang có của mình, đừng để những người cầu đạo Bồ-tát ở cõi Ta-bà kia sinh lòng xấu hổ. Lại nữa, đối với họ các ông đừng có lòng khinh chê mà tạo ra tư tưởng trở ngại. Tại sao vậy? Các cõi nước mười phương đều như hư không".

Che giấu cái đức. Nhũn nhận khiêm tốn. Nói lời ái ngữ. Không có lòng khinh chê. Xả bỏ hình tướng bên ngoài, hòa đồng với mọi người... Đó là "tứ nhiếp pháp". Phật Hương Tích dạy dò.

Vị hóa Bồ-tát nhận lấy phần cơm, cùng với chín triệu vị Bồ-tát trong phút chốc vèo đến chỗ Duy-ma-cật.

Duy-ma-cật hỏi các vị Bồ-tát đến từ cõi Chúng Hương: "Đức Như Lai Hương Tích thuyết pháp bằng cách nào?"

"Đức Như Lai ở cõi chúng tôi chẳng thuyết pháp bằng văn tự. Ngài chỉ dùng các mùi thơm, làm cho chư thiên và người ta đắc nhập luật hạnh. Bồ-tát mỗi vị đều ngồi nơi cội cây thơm, nghe mùi thơm vi diệu kia, liền thành tựu hết thảy các phép Tam-muội Đức tạng. Được các phép Tam-muội ấy rồi thì hết thảy những công đức của hàng Bồ-tát đều tự nhiên đầy đủ".

Chẳng cần phải nói năng cho phiền hà, gây tranh cãi, hý luận. Chỉ cần hương thơm của giới đức, tự nó to rạng, dẫn dắt "chư thiên và người ta đắc nhập luật hạnh" không khó.

Rồi họ hỏi lại: "Hiện nay, Đức Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni thuyết pháp bằng cách nào?"

Duy-ma-cật đáp: "Ở cõi này, chúng sanh càng càng khó dạy. Cho nên Phật nói với họ những lời càng càng nặng nề. Như nói về sáu nẻo luân hồi: địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ... Nói về Nghiệp báo của thân, khẩu, ý; Nói về Nhân quả của Sát sanh, Trộm cắp, Tà dâm, Vọng ngữ; nói về tham sân si; về keo lặn, phá giới, sân nhuế, giải đãi, loạn ý, ngu si... Thế này nên làm, thế này không nên làm. Thế này phạm tội, thế này lìa tội. Thế này trong sạch, thế này dơ nhớp. Thế này phiền não, thế này không có phiền não. Thế này tà đạo, thế này chánh đạo. Thế này hữu vi, thế này vô vi. Thế này thế gian, thế này Niết-bàn v.v..."

Duy-ma-cật kết luận: "Bởi chúng sanh cõi này là những kẻ khó dạy, tâm họ như loài khỉ vượn, cho nên Phật phải dùng biết bao phương cách mà chế ngự tâm họ, rồi mới điều phục được họ! Phật phải dùng tất cả những lời khó thiết mới có thể khiến họ vào luật".

Nghe vậy, các Bồ-tát cõi Chúng Hương đều khen: "Chưa từng có! Như Đức Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni, ngài che khuất cái sức tự tại vô lượng của mình mà độ thoát chúng sinh. Còn chư Bồ-tát đây cũng lao nhọc khiêm nhường lắm, các ngài đem lòng đại bi vô lượng mà sanh nơi cõi Phật này".

Duy-ma-cật giải thích thêm: "Chư Bồ-tát ở cõi này tuy vậy một đời mà làm việc nhiều ích cho chúng sanh, còn hơn ở cõi khác trong trăm ngàn kiếp mà làm điều thiện. Tại sao vậy? Ở thế giới Ta-bà này có mười việc thiện mà ở những cõi tịnh độ không có".

"Những gì là mười? Dùng bố thí mà nhiếp phục kẻ bần cùng. Dùng tịnh giới mà nhiếp phục kẻ hủy cấm. Dùng nhẫn nhục mà nhiếp phục kẻ giận hờn. Dùng tinh tấn mà nhiếp phục kẻ biếng nhác. Dùng thiện định mà nhiếp phục kẻ loạn ý. Dùng trí huệ mà nhiếp phục kẻ ngu si. (Lục độ Ba-la-mật). Nói lẽ trừ nạn mà độ khỏi tám nạn. Dùng pháp Đại thừa mà độ người. Dùng các thiện căn cứu tế những kẻ không có đức. Thường dùng bốn pháp thâm nhiếp (Bố thí, Ái ngữ, Lợi hành, Đồng sự) mà giúp cho chúng sanh được thành tựu. Đó là mười việc".

Nói những điều này Duy-ma-cật vừa nhắc lại bài học vừa động viên, khuyến khích các vị Bồ-tát tại gia tương lai kia đừng có thối chí ngã lòng khi gặp khó khăn. Sen chỉ mọc tốt trong bùn.

Các vị Bồ-tát ấy hỏi: "Ở thế giới này, Bồ-tát thành tựu bao nhiêu pháp, đức hạnh mới được không tỳ vết, sinh về tịnh độ?"

Duy-ma-cật đáp: "Ở thế giới này, Bồ-tát thành tựu tám pháp, đức hạnh mới được không tỳ vết, sinh về tịnh độ". Cõi Tịnh độ đây là cõi Phật A-súc, Phật Bất Động ở phương Đông.

"Những gì là tám? Làm lợi ích cho chúng sinh mà chẳng mong báo đáp (Tù). Chịu các khổ não thay cho tất cả chúng sinh (Bi). Đem những công đức do mình tạo ra mà thí hết cho chúng sinh (Hy). Đem lòng bình đẳng mà thương yêu các chúng sinh, khiêm cung hạ mình một cách vô ngại (Xả). Chẳng ganh ghét những kẻ khác khi họ được cúng dường. Không lấy phần lợi nhiều về mình. Thường xét lỗi mình, chẳng nói lỗi người. Hằng quyết một lòng cầu các công đức".

Các Bồ-tát Chúng Hương khi nghe biết vậy đã hết lòng khâm phục, mong được Phật Thích Ca ban cho một pháp thí và Phật đã thuyết giảng về vai trò của một vị Bồ-tát: "Bất tận hữu vi - Bất trụ vô vi".

Phật dạy Bảo Tích: "Bồ-tát vì muốn giúp cho chúng sanh được thành tựu nên nguyện giữ lấy cõi Phật. Nhưng nếu muốn xây cất nơi hư không thì không thể được. Việc nguyện giữ lấy cõi Phật đó, chẳng phải là việc xây cất nơi hư không".

Hãy giữ lấy mùi hương như "Giữ thơm quê Mẹ".

Lư hương xạ nhiệt

Pháp giới môn luân...

Lò hương vừa đốt

Cõi Pháp nức xông... ■



Biết buông bỏ ký ức

NGUYỄN HỮU ĐỨC

Với kinh nghiệm sống của mình, bất cứ ai cũng thừa nhận ký ức là phần quan trọng, hết sức thiết yếu cho con người. Chúng ta không thể sống nếu không có ký ức. Một hành động đúng đắn gần như phải gắn liền với điều đã biết. Tôi không thể biết “đường đi lối về” của mọi vị trí mà tôi từng trải qua nếu không có ký ức không gian về các vị trí đó. Như tôi đã đi nhiều lần nên biết rõ đường đi và về từ nhà tôi đến sở làm như thế nào, nếu không có ký ức tôi sẽ đi lạc. Tôi cũng không thể các quan hệ với người khác đúng mực nếu tôi không có ký ức thời gian về người đó. Như có người trong quá khứ đã giúp đỡ tôi, nay trong hiện tại tôi phải đối xử tốt với người ấy để tỏ lòng biết ơn, nếu không có ký ức tôi sẽ lạnh nhạt xem người đó không quen biết.

Tuy nhiên, từ lâu lắm rồi con người đã xem ký ức là một kinh nghiệm bất toàn, ký ức là một chướng ngại cho sự thấu hiểu cuộc sống, ký ức là sự tác hại cho mối liên quan giữa người và người, ký ức là sự bám giữ và mắc kẹt trong ảo tưởng sai lầm.

Giáo lý Phật giáo, chủ yếu giúp con người thoát khổ, đã chỉ ra chính sự nhớ nghĩ quá khứ, tiếc nuối ký ức, chìm đắm trong hồi tưởng chuyện đã qua làm cho con người rơi vào bất an, phiền não, khổ đau.

Trong kinh *Nhất Dạ Hiền* (số 131, *kinh Trung Bộ*), Đức Phật dạy: “*Quá khứ không truy tìm, tương lai không ước vọng, quá khứ đã đi qua, tương lai thì chưa đến, chỉ có pháp hiện tại, tuệ quán chính ở đây...*”. Hoặc trong kinh *Pháp Cú* (PC. 348): “*Bỏ qua quá khứ, hiện tại, vị lai mà vượt qua bờ bên kia, tâm giải thoát hết thảy*”.

Có hai loại ký ức

Xem kỹ có hai loại ký ức: ký ức thực tại và ký ức thuộc tâm lý. Ký ức thực tại còn có thể gọi là ký ức sự kiện - kiến thức - kỹ thuật là những gì thuộc sự kiện thật đã xảy ra trong quá khứ liên quan đến kiến thức và kỹ thuật cần thiết tạo nên cuộc sống. Như ký ức về kiến thức - kỹ thuật của công nghệ dược phẩm, thiếu nó thì người ta không thể tạo ra những viên thuốc dùng cho việc chữa bệnh, phòng bệnh cho con người. Rõ ràng ký ức thực tại rất cần thiết, không có nó con người không thể tồn tại và phát triển. Nhưng bên cạnh đó, con người sở hữu và đối phó với ký ức tâm lý. Ký ức tâm lý là sự nhớ lại những gì đã xảy ra có sự can thiệp của "cái tôi" của người sở hữu ký ức đó. Khổ nỗi, "cái tôi" luôn phóng chiếu đủ loại dục vọng, khát khao cạnh tranh, đam mê thành tựu. Khổ hơn nữa, ký ức thực tại và ký ức tâm lý luôn tương quan, hòa lẫn, không tách bạch ra một cách rõ ràng. Tôi có ký ức về một người mà người đó đã làm chuyện gây đau lòng cho tôi. Ký ức thực tại giúp tôi nhận biết hình hài, nhân thân người đó nhưng bên cạnh đó, ký ức tâm lý làm tôi nhớ lại sự đau đớn mà hắn ta gây cho tôi. Và "cái tôi" do ký ức tâm lý ảnh hưởng thúc giục tôi phải trả thù. Đến đây không cần kể thêm, ai cũng thấy ký ức tâm lý vừa kể sẽ gây tổn hại cho người và cho mình.

Krishnamurti, bậc thầy về sự thấu hiểu ký ức tâm lý, đã nói: *"Ký ức về những chuyện kỹ thuật là điều thiết yếu; nhưng ký ức tâm lý duy trì cái ngã, cái "tôi" và cái "của tôi"; nó tạo ra trạng thái đồng hóa và trạng thái muốn trường*

tồn của bản ngã; cái ký ức ấy là hoàn toàn có hại cho cuộc sống và thực tại" (Tự do đầu tiên và cuối cùng).

Có thể chối bỏ ký ức?

Ngày nay, con người của cuộc sống hiện đại vẫn có sự cảm nhận về cái hại của ký ức chứ không phải luôn luôn tôn sùng ký ức.

Năm 2014, điện ảnh Mỹ đã cho ra đời bộ phim khoa học viễn tưởng *The giver* (kênh chiếu phim Star Movie dịch là *Người lan truyền ký ức*). Phim này có kịch bản dựa trên cuốn tiểu thuyết cùng tên ra đời năm 1993 của tác giả Lois Lowry.

Nội dung phim tóm tắt như sau: "Có một quốc gia tồn tại sau một đại họa thiên tai, được tổ chức lại thành một cộng đồng kỳ lạ là ký ức biến mất ở mọi người, trừ một người đặc biệt được đặc ân còn giữ được ký ức và được gọi là "Người thu nhận ký ức" (*Receiver of Memory*). Người thu nhận ký ức nhờ có ký ức, tức có vốn hiểu biết từ xa xưa truyền lại, nên được làm cố vấn cho các bậc trưởng lão điều hành quản lý quốc gia. Người thu nhận ký ức còn có tên là "người lan truyền ký ức" vì đảm nhận việc trao truyền ký ức mà ông ta có cho người được chọn là người thu nhận ký ức tiếp theo.

Nguyên nhân của sự tiêu vong ký ức tại quốc gia này là vì người ta thấy ký ức quá tai hại. Nếu không có ký ức, người ta không có chiến tranh, không có cảnh người bóc lột người, người hại người... Rõ ràng, nếu không có ký ức con người sẽ không có khổ đau, do



ký ức làm tái hiện sự ganh ghét, sự đau đớn, sự phiền muộn... đưa đến khổ đau. Nhưng bên cạnh đó, biết bao điều khác thường xuất hiện. Toàn cảnh của phim được các tác giả sử dụng màu đen trắng để mô tả cuộc sống đơn điệu, không có màu sắc phong phú. Lời thoại của phim thường xuyên chỉ là lời "Tôi xin lỗi" và lời đáp "Tôi chấp nhận lời xin lỗi" lặp đi lặp lại cho thấy cuộc sống không ký ức là sự máy móc vô hồn. Hay các nhân vật diễn xuất cho thấy, do không có ký ức nên họ không biết nước mắt và nụ cười, thậm chí nụ hôn của những kẻ yêu nhau là gì.

Jonas, một thiếu niên 16 tuổi, được chọn là người thu nhận ký ức trong tương lai. Jonas đến học việc với người lan truyền ký ức. Nhờ vậy, Jonas thu nhận toàn bộ ký ức và biết rằng quốc gia anh ta sống không phải đơn độc. Cận kề là quốc gia khác vẫn còn tồn tại ký ức có tên "Đất nước khác biệt". Jonas khám phá, chỉ cần một người can đảm từ quốc gia không có ký ức vượt qua cánh rừng ranh giới to lớn, trốn sang "Đất nước khác biệt" là làm cho ký ức tràn ngập trở lại quốc gia không có ký ức. Nói là can đảm vì chuyện vượt biên trốn sang "Đất nước khác biệt" nếu bị bắt đồng nghĩa với việc bị xử tử. Sau cùng, Jonas đã vượt biên thành công để đem lại ký ức cho quốc gia mình.

Kết thúc phim là cảnh với màu đen trắng biến đổi thần kỳ thành màu sắc đa dạng, sặc sỡ, tươi tắn, mô tả người ta đang nhảy múa, hôn nhau trong tiếng nhạc Giáng sinh vui vẻ.

Ý nghĩa sâu xa của phim, cũng là cảm nhận của đông đảo mọi người, là con người sống bình thường không thể chối bỏ ký ức.

Cơ sở vật chất của ký ức

Giải Nobel Y Sinh học năm 2014 đã trao cho giáo sư người Anh John O'Keefe và hai vợ chồng người Na Uy May-Britt Moser và Edvard Mosel. Giải thưởng danh giá này được trao cho những công trình nghiên cứu được đánh giá có giá trị thực tiễn giúp con người hiểu chính bản thân mình hơn, đặc biệt là não bộ.

Khám phá của ba nhà khoa học giúp phát hiện cơ sở vật chất, tức não bộ, cho hoạt động trí nhớ và định vị của con người. *Vùng hồi hải mã* trên não mà giáo sư O'Keefe đã chú ý mấy chục năm trước trong nghiên cứu của ông, được khoa học não bộ chứng minh có liên quan đến hoạt động lưu giữ thông tin, hình thành ký ức trong trí nhớ dài hạn và khả năng định hướng trong không gian.

Như vậy, cơ sở vật chất của ký ức chính là bộ não của con người.

Trong thực tế, ta có thể thấy rõ tác động vật chất vào bộ não có thể ảnh hưởng đến ký ức. Chẳng hạn, một số

được phẩm tác động trên hệ thần kinh trung ương như thuốc an thần triazolam, do tác động trên vùng hồi hải mã có gây tác dụng phụ có hại là làm cho lú lẫn, giảm trí nhớ, định vị kém cho một số người, đặc biệt là người cao tuổi. Hoặc, những nghiên cứu của khoa học não bộ gần đây với kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh về não, cũng như các nghiên cứu về bệnh nhân trải qua phẫu thuật thần kinh, đã cung cấp bằng chứng cho thấy ở những bệnh nhân bị bệnh Alzheimer, vùng hồi hải mã và khứu não bị ảnh hưởng trầm trọng. Những người bệnh này thường bị mất ký ức dần dần và không thể định vị môi trường chung quanh.

Một câu hỏi được đặt ra, nếu não bộ là cơ sở vật chất của ký ức, thế cũng chính não bộ có thể hoạt động hoặc bị tác động như thế nào đó sẽ giúp con người làm chủ ký ức của mình?



Biết buông bỏ ký ức

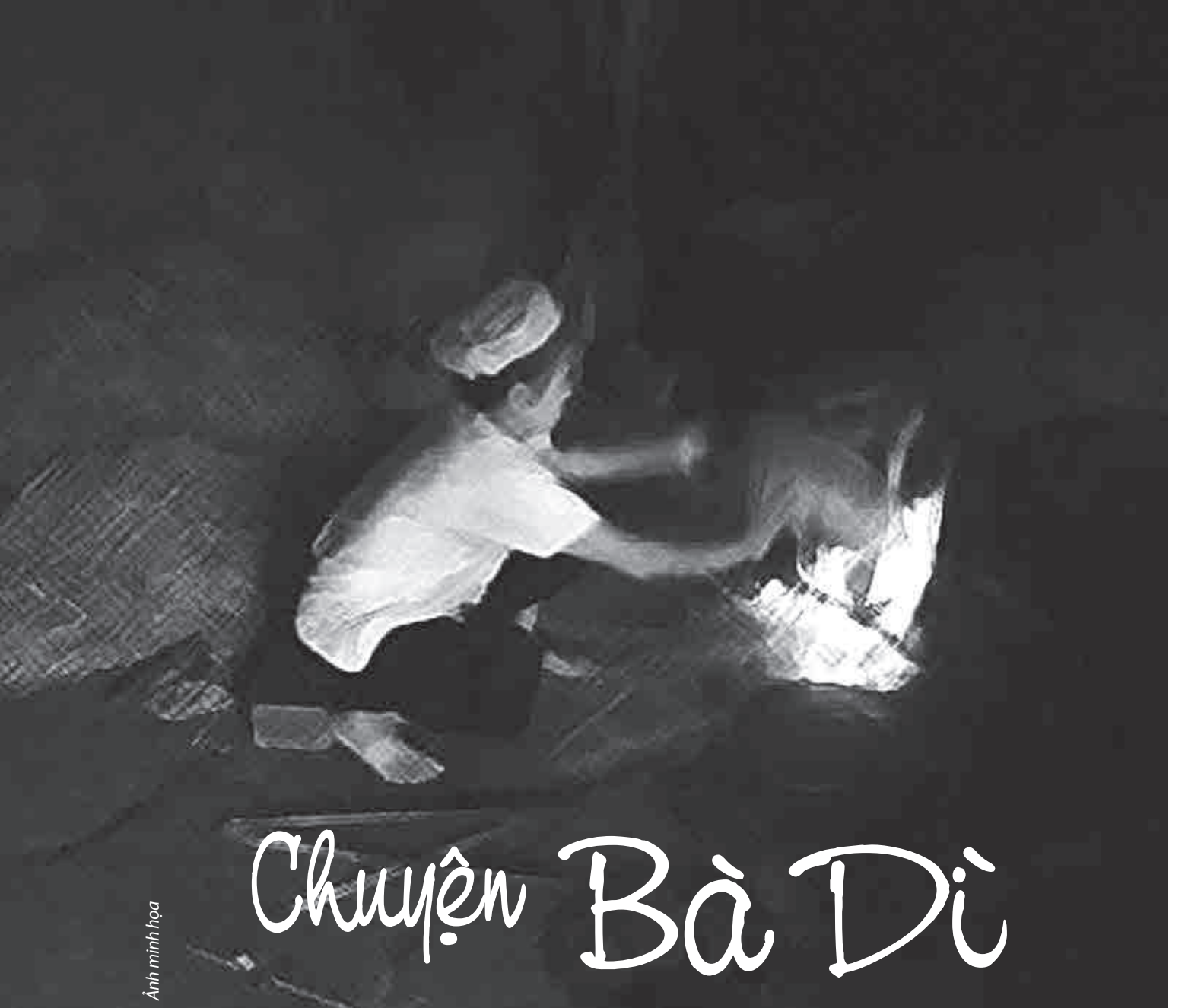
Biết buông bỏ ký ức có nghĩa là làm chủ ký ức, không để ký ức tâm lý làm chủ lấy mình.

Trong cuộc sống thường ngày, rõ ràng là chúng ta rất cần ký ức. Nhưng rất dễ chúng ta sẽ lảm lặc, không còn minh định sự cần thiết mà sa vào sự nô lệ ký ức tâm lý. Chúng

ta dễ có sự nỗ lực và nghỉ hạnh phúc có được khi ta có cái này cái kia, thành đạt cho được điều này điều nọ, cho nên, chúng ta thường nghĩ nhiều về quá khứ và dồn tâm tư để hoạch định tương lai. Thế là, chúng ta không còn làm chủ bản thân mà đánh mất mình trong tiếc thương vô vàn quá khứ, lo lắng quá đáng cho tương lai và hoàn toàn không nhận thức được hiện tại đang sống. Nói theo nhà Phật là chúng ta không có "chánh niệm" để buông bỏ ký ức. Khi an trú trong hiện tại, ta đi, đứng, nằm, ngồi, làm việc và suy nghĩ trong sự vững chãi, thanh thoi, an vui và hạnh phúc trong từng giây phút hiện tại.

Từ xa xưa, triết lý đạo Phật đã nói về phương pháp tu tập để "an trú trong hiện tại". Nhờ tu tập mà con người biết vượt qua các ảo tưởng tai hại của ký ức. Vượt qua đây không có nghĩa là chối bỏ hoàn toàn ký ức, mà là không câu nệ, cố chấp vào ký ức bằng tâm tham sân si.

Để làm chủ và buông bỏ ký ức, ngày nay người ta quan tâm ngày càng nhiều đến phương thức kỳ diệu đã được các nhà tu học phương Đông thực hành từ ngàn xưa, đó là Thiền. Thiền là gì? Thật khó để mô tả cái gì đó không phải để nói mà là hành động. Chỉ có những người thực hành Thiền thì mới biết Thiền là gì, đặc biệt người hốt nhiên ngộ Thiền nhờ "*hành thâm Bát-nhã Ba-la-mật*" sẽ đạt được an nhiên tự tại, biết buông bỏ ký ức và tiếp nhận cái thâm diệu bất khả tri. ■



Ảnh minh họa

Chuyện Bà Di

NGUYỄN HỮU THÔNG

Bưởi sinh hoạt thường lệ trong chùa hôm nay không phải là những trang kinh luật, hay luận giải giáo lý. Chúng tôi ngạc nhiên vì lão hòa thượng bốn sư lại nói về chủ đề người phụ nữ:

- Nàng là đương kim tiểu thư, con của một danh gia trong vùng, xinh đẹp và được giáo dục trong môi trường nề nếp gia phong. Cha nàng là một vị quan triều Nguyễn đã về hưu, rất thương yêu đứa con gái duy nhất của mình.

Với nhan sắc và đức hạnh của mình, có không ít "môn đăng - hộ đối" nhiều nơi ngắm nghía kết sui với gia đình nàng; nhưng vị lão quan, thân phụ nàng, đã hứa gả con mình cho con trai của một người bạn đồng liêu cùng chí hướng.

Nhưng rồi... lời hứa của hai lão hữu đã không thực hiện được, vì chàng trai phát nguyện đi tu khi vừa đậu

bằng tú tài. Một mặt, cha chàng rất buồn vì đã bội ước với người bạn thân của mình; một mặt, ông vô cùng hoan hỷ, và cả gia đình ông đều như thế, khi biết rằng gia tộc đã có được phước báu, khi con mình thổ lộ ước vọng được xuất gia.

Cậu con trai đẹp dáng, thông minh, cư xử đúng mực, tài năng, đức độ, sinh trưởng trong một gia đình danh giá, sung túc... Một hôm, trong lúc cả nhà đang quây quần bên nhau, chàng đứng dậy khoanh tay, bày tỏ ước vọng được xuất gia, và thổ lộ rằng giấc mơ ấy đã đeo đẳng chàng từ nhiều năm trước, nhưng nói ra sợ ba mẹ bần khuôn lo nghĩ, khi hình dung đến giấc mơ với những hoài bão, dự tính, mà gia đình đang kỳ vọng ở chàng.

Nhưng thật không ngờ, sau khi hỏi về quyết tâm với giấc mơ cao đẹp của chàng lần cuối, tất cả đều thuận lòng và trân trọng thỉnh nguyện ấy của chàng.

Trước khi rời gia đình, ba mẹ chàng đã tổ chức một hỷ tiệc chay, mời bằng hữu, xóm giềng và những người thân, báo tin hạnh phúc ấy với mọi người. Họ tạ ơn Trời Phật đã ban cho họ một đứa con mang hạnh nguyện cao cả trong tiếng chúc phúc râm ran của mọi người.

Gia đình nàng cũng có mặt hôm ấy, chia phúc với gia đình chàng. Nhưng, trên khuôn mặt vị lão quan, đầu đó vẫn thoáng chút ngại ngùng về duyên phận của con gái mình. Họ nhận ra nàng vẫn bình tĩnh đón nhận định phận ấy... và chỉ im lặng, không nói gì... ngoài đôi mắt ướt... xa xăm.

Hòa thượng bốn sư của chúng tôi dừng câu chuyện ngang đó, nhấp một ngụm trà, miệng mỉm cười rồi thông thả kể tiếp:

- Ba mươi năm sau... nàng vẫn sống vậy và không màng đến chuyện chồng con, cho đến khi song thân qua đời. Sau lễ chung thất người mẹ, nàng lặng lẽ vào chùa... theo dấu những bước chân của "người ấy"... với một ký ức êm đềm.

Nàng không xuất gia, mà chỉ lặng lẽ tham dự vào việc quét lá, phụ bếp và sau đó trở thành Bà Di dày dặn kinh nghiệm trong việc bếp núc nhà chùa...

Lão hòa thượng nhìn ra khu vườn thiền xuyên qua những song tiện của chiếc cửa sổ, đôi mắt xa xăm, hiền hòa, như đang hồi cố một không gian yên ả, thông dong và ngập tràn hạnh phúc:

- Các con biết không? Ngày Bà Di của chúng ta đang còn trẻ và mạnh khỏe, hồi ấy, chùa không có nhiều đệ tử cúng dường đến thừa thãi như bây giờ. Cho nên, cả thầy lẫn trò đều lo vun quén, trồng trọt đủ thứ: hoa cúng Phật, hương liệu cho trà sớm dâng lên Đức Từ Phụ; dược liệu dành khi trái gió trở trời, và nhất là nguồn lương thực, thực phẩm để duy trì cuộc sống bình yên trong nhà chùa. Không ai bảo ai nhưng luôn tuân thủ châm ngôn "bất tác - bất thực" một cách đầy tự giác.

Như các con nhìn thấy đó, ngôi nhà thiền của chúng ta đất không có nhiều, nhưng có đến mấy chục Tăng chúng, nên có trồng trọt và chăm bón đến mấy cũng khó lòng đủ ăn. Nói thì nói vậy, chứ trong thời gian lớn lên, trưởng thành và hóa lão như bây giờ, thầy chưa hề thấy chúng đệ nào đói, dù chỉ một bữa... Có được điều ấy, thầy có thể nói ngay với các con không chút do dự: Đó là nhờ công và tài của Bà Di.

Các con có biết? Thuở ấy trong chùa, thầy trò hàng ngày ngoài giờ công phu tu học, mọi người đều tham gia sản xuất, chăm sóc cây trái quanh chùa. Có khi cùng nhau tổ chức đi hái nấm, rau dại, hoa dại, trái dại trên đồi. Hoa để cúng Phật, trái dại có loại để ăn dặm, có trái để chế biến làm thức ăn hoặc dầu thắp đèn, có thứ làm thuốc trị bệnh... Rau thì đủ loại, có thứ để ăn sống, có thứ để luộc, xào, làm dưa, sấy khô... dùng trong mùa mưa. Thiên nhiên lúc này như là bà mẹ lớn, gắn bó ấm áp với con người, là nơi mà con người có cơ duyên hòa mình vào sự huyền diệu của đất trời.

Cái bếp của chùa như một bảo tàng ẩm thực, hiện vật là nguyên liệu thuần dưỡng lẫn hoang dã, mà vị giám đốc quản lý hiệu quả, không ai khác, chính là Bà Di.

Trên giàn bếp là từng bao lớn nhỏ, nào là cọng rau đủ loại, vỏ chuối, bầu mướp, xơ mít... được xắt lát hay cắt thành sợi, để sấy khô trên giàn khói bếp. Đó là nguồn thực phẩm mà Bà Di sử dụng làm món rang khô, kho mặn... cho những bữa cơm chay mùa mưa, để mọi người vẫn có thức ăn thắm thắp và ngon miệng dưới bàn tay khéo của Bà Di.

Có những món ăn mà nguyên liệu là những đóa hoa sau khi cúng (cúc, thược dược, huệ, hồng...), những chiếc củi mít, vỏ khoai sắn, bầu bí, chuối, cam... ai cũng nghĩ số phận của vật thải này đến đó là hết, nhưng đầu ngờ, chúng lại có thêm "kiếp" thứ hai, để trở thành món ăn ngon, qua tài chế biến: chả củi mít, dưa chua, hoa xào với dầu phụng hay dầu lai... từ bàn tay huyền diệu của Bà Di.

Đậu khuôn (đậu phụ) hồi ấy hiếm hoi lắm các con à! Nếu có, phần lớn cũng để dành cho những lão hòa thượng tuổi cao, sức yếu..., hoặc để làm cháo rất mặn, nhằm duy trì sự tò điếm lâu dài cho bữa cơm chay hàng ngày. Thường thì các ngài dùng cháo hay đậu khuôn chỉ lấy lệ, sau đó, chuyển xuống cho chúng đệ... , dù, chỉ đủ cho mỗi người chấm vài đầu dưa lấy mùi...

Nhiều lu tương sắp thành từng hàng dài trong khuôn viên sau chùa, đều do tự tay Bà Di làm nên, không chỉ để sử dụng trong bữa ăn hàng ngày, mà còn là sản phẩm nổi tiếng khắp vùng, được bán hạn chế nhằm bổ sung nguồn lương thực lúc thiếu hụt.

Mối quan hệ giữa Bà Di với chúng đệ như tình mẹ con, họ luôn được sống trong sự chăm sóc kín đáo và tỉ mỉ trong từng miếng ăn đạm bạc, nhưng đầy tình thương. Tình cảm ấm áp ấy, chắc chắn đã nuôi lớn những tâm hồn gắn bó với lòng bao dung vị tha và bất vụ lợi từ chính Bà Di truyền sang. Trợ duyên cho những số phận đã gắn cuộc đời mình với ý nguyện làm vơi nỗi khổ của chúng sinh.

Bà Di sống với khuôn bếp nhà chùa bằng tấm lòng độ lượng, người phụ nữ này, tuy xuất thân và trưởng thành trong những điều kiện không kém ai về mặt kinh tế, trí thức lẫn nếp nhà, nhưng, bà vẫn an nhiên, lặng lẽ tính toán, lo toan và xếp đặt ổn thỏa cho ba bữa ăn của hàng chục nhân khẩu, từ ngày này sang ngày khác với một tài khoản khiêm tốn và không ổn định. Người phụ nữ ấy đã góp phần không nhỏ trong việc khởi duyên và tạo dựng tinh thần lạc hòa trong tự viện. Là hạt nhân gắn mọi người lại cùng chung lo, cùng góp sức, cùng sẻ chia và cùng thụ hưởng...

Bây giờ, nhà chùa, hay nói đúng hơn, phần lớn những danh lam, không còn phải đối đầu với những khó khăn như ngày ấy, tín đồ và người chiêm bái với phẩm vật cúng dường, có khi vượt quá nhu cầu tiêu dùng của chư Tăng. Từ đây vườn chùa vắng dần những

luống rau, giàn bầu, bí, mướp...; không còn thấy những luống gia vị, hương liệu, cây thuốc...; không còn hiện hữu những giống trái dại như bản quân, chay, búa...; không còn những hàng cây phượng cúng, những luống hoa cắm bình, những chậu ớt, những cây chè xanh, luống gừng, bụi sả... Hình ảnh ấy không chỉ là sản phẩm vật chất hữu dụng cụ thể, mà còn là chân dung, là biểu tượng chiều sâu của tinh thần tự tại, giữa “tác” và “thực”, giữa những tâm hồn đang rộng mở với cỏ cây thiên nhiên. Đó cũng hình ảnh đẹp trong mắt người, của sự đồng lòng, sự cộng tác, sẻ chia. Nét bình dị, đạm bạc, của những tâm hồn không vương bận với sự quay cuồng của thế tục.

Những Bà Di hiện nay, cũng không còn phải đối diện với những giây phút lo toan của tấm lòng mẹ với một gia sản đạm bạc bản hàn, để thay vào đó là sự nhộn nhịp, môi trường thuận lợi cho nhiều bàn tay được dịp biểu lộ sự khéo tay, tài ba, trong việc chế biến những món ăn cầu kỳ, đẹp mắt, sang trọng, trước một kho nguyên liệu phong phú cả về lượng lẫn chất.

“Tiểu yến”, “đại yến” từ những đầu bếp chay nổi tiếng, được dịp phô bày tài năng trong các dịp vía lễ..., khuôn bếp chùa xưa đang vũ cánh hóa thân từng bước, để trở thành chốn ngự trù, xa cách với những sự đạm bạc, giản dị, thanh tịnh, ngày cũ...

Bà Di bây giờ đã già lắm, không còn di chuyển được nữa, đôi mắt đã mờ đục..., người phụ nữ trẻ đẹp ngày

xưa lặng lẽ sống trong một gian phòng khuất sau hiên chùa... Nơi Bà Di sống một đời thâm lặng, đang chuyển từ am tranh đến cung điện, nhưng bà đâu có hay. Trên chiếc giường bà nằm, mọi vật xung quanh chỉ nhằm duy trì một kỷ ức đẹp, như cuốn phim một đoạn đời, đang quay đi quay lại trong không gian mờ ảo với đôi mắt già cỗi và trí nhớ hanh hao.

Có lẽ, Bà Di bây giờ cũng chẳng còn muốn quan tâm ngoài kia trời đang tối hay sáng, lòng người đang về đâu... trong những xáo trộn đến tột cùng trên đường bà đang tìm về với cõi thanh tịnh vĩnh hằng.

Ngôi chùa không chỉ là nơi tu tập, chốn công quả, của những số phận đầy phước báu như “chàng” và “nàng” trong câu chuyện kể; và, lối vào chùa cũng không hẹp với những số phận khó khăn, bế tắc trên nhiều phương diện, để đến đó nương tựa, tìm đường giải thoát, và tất nhiên, cửa chùa cũng không khép lại với những dự tính khác rất riêng, nhằm khơi sáng tương lai cho chính mình. Bà Di chính là người không hề thối mắc, không hề phân biệt, không hề nghi ngờ... trong lòng Bà Di luôn tràn ngập tình thương, một trái tim nồng ấm và tin tưởng những người đang sống quanh mình, đối tượng mà mình đang trân trọng chăm lo đều là những vị Phật tương lai... Bà Di không hề, và không muốn ý nghĩ đó bị lung lay, để khuôn nhà bếp của tự viện luôn ấm áp mặn mòi với mùi tương chao, và những tâm hồn cao thượng. ■

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2015

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thành hữu; năm mới 2015, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả	: 50 cuốn/kỳ	Cửa hàng Tâm Thuận	: 5 cuốn/kỳ	Cty TNHH Thép Thiên Tâm	: 2 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga	: 44 cuốn/kỳ	Cô Tú Oanh, Hà Nội	: 5 cuốn/kỳ	Cty Tân Hiệp, Q.6	: 2 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy	: 45 cuốn/kỳ	Ô/Bà Nguyễn Văn Bản, USA	: 5 cuốn/kỳ	Ô. Lê Hưng Khanh, Gò Vấp	: 2 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu	: 30 cuốn/kỳ	Phật tử Trương Trọng Lợi	: 5 cuốn/kỳ	Nguyễn Dũng	: 2 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng	: 25 cuốn/kỳ	Ô. Lê Xuân Triêu, Q.BT	: 5 cuốn/kỳ	Phật tử Quảng Kính	: 2 cuốn/kỳ
PT Chánh An & Chơn Hòa	: 14 cuốn/kỳ	Cô Nguyễn Kim Sơn, Q.2	: 5 cuốn/kỳ	Bác sĩ Thanh, Q.3, TP.HCM	: 2 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu	: 12 cuốn/kỳ	Cô Nguyễn Thị Ngọc, Phan Thiết	: 5 cuốn/kỳ	Phật tử Quảng Mỹ	: 1 cuốn/kỳ
Đđ. Thích Viên Anh + Đđ. Thích Viên Hải,		Lakinh.com	: 5 cuốn/kỳ	Cô Diệp Anh và Chị Ngành	: 1 cuốn/kỳ
Chùa Bảo Ân	: 12 cuốn/kỳ	Cô Nguyễn Hòa	: 4 cuốn/kỳ	Cô Kim	: 1 cuốn/kỳ
Cô Nga	: 10 cuốn/kỳ	Cô Nguyễn Thị Ninh, USA	: 4 cuốn/kỳ	Phật tử Chánh Hiếu Trung	: 1 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiên, Tâm Hoa (USA)	: 10 cuốn/kỳ	Cô Huệ Hương	: 4 cuốn/kỳ	Phật tử Bùi Quang Việt	: 1 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên	: 10 cuốn/kỳ	Bà Trần Thị Bích Trâm	: 3 cuốn/kỳ	Thầy Hạnh Thông, TCPH ĐN	: 1 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q.BT	: 10 cuốn/kỳ	Bà Lê Tự Phương Thúy	: 3 cuốn/kỳ	Cty Dược phẩm Phúc Thiện	: 1 cuốn/kỳ
Tác giả Miên Ngọc	: 10 cuốn/kỳ	Bà Lê Thị Thu Thanh	: 3 cuốn/kỳ	Chị Kiều Oanh	: 1 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà	: 10 cuốn/kỳ	Bà Phạm Thị Kim Anh	: 3 cuốn/kỳ	PT. Nguyen Thuan	
Bà Lương Thị Ngọc Hạnh,		Cháu Thiên An	: 3 cuốn/kỳ	(namgiaio1942@yahoo.com)	: 1 cuốn/kỳ
Q.5, PD: Diệu Đức	: 10 cuốn/kỳ	Phật tử Diệu Ân	: 2 cuốn/kỳ	Cô Châu	: 1 cuốn/kỳ
Ô. Trần Quốc Định	: 10 cuốn/kỳ	BBT www.thuongchieu.net	: 2 cuốn/kỳ	Tổng số báo tặng kỳ này:	454 cuốn
Phật tử Diệu Định	: 10 cuốn/kỳ	Chị Tuyên,			
Bà Lý Thu Linh	: 9 cuốn/kỳ	Cty TNHH Cơ khí Mê Linh	: 2 cuốn/kỳ		
Phật tử Nguyễn Thị Hoa	: 7 cuốn/kỳ	Bà Kim Anh, Q.2	: 2 cuốn/kỳ		
Cô Cẩm Hà (USA)	: 6 cuốn/kỳ	Phật tử Từ Minh	: 2 cuốn/kỳ		
Hồng Phúc & Xuân An	: 6 cuốn/kỳ	BBT Viện khongtu.com	: 2 cuốn/kỳ		
Ô. Võ Ngọc Khôi	: 5 cuốn/kỳ	Cty Nền Hạnh Phúc, Q.BT	: 2 cuốn/kỳ		
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q.BT	: 5 cuốn/kỳ	Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh	: 2 cuốn/kỳ		

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG: (08) 3 8484 335.**

Email: toasoanhvpg@gmail.com

Ban Biên tập



Cái con, chiếc

HÒ ANH THÁI

Cố tích Việt Nam có truyện hai anh em nhà nọ đến lúc phải chia tài sản cha mẹ để lại. Người anh muốn độc chiếm mọi thứ, bèn giao hẹn: Trong nhà này, hễ những gì gọi bằng cái là của tao, những gì gọi là đực là của mày.

Anh ta chơi chữ, hầu như mọi danh từ đều có đấng trước nó chữ Cái. Danh từ chỉ vật đều có chữ Cái. Cái thế gian này, cái gầm trời này, cái thiên hạ này. Cái làng này, cái xóm này, cái nhà này, cái bếp này, cái vườn này, cái ao này. Cái tủ này, cái giường này, cái hũ vàng này, cái nổi cái niêu này.

Chiếm hết. Nhưng chẳng lẽ chiếm hết thì cũng mang tiếng. Cuối cùng anh ta muốn tỏ ra công bằng, bèn nghĩ ra cách để chia cho chú em một cái dao rựa cùn. Nhưng chia cho em thì không thể gọi dao rựa là Cái. Anh ta chỉ cái rựa, bảo: A, còn đực rựa này là của mày.

Sự chơi chữ đã mang sắc độ khác. Chữ Cái không chỉ còn nghĩa là chỉ một vật bất kỳ. Người anh đã hàm nghĩa giới tính của vật. Những thứ này thuộc giống cái vì nó được gọi là Cái. Còn lại mỗi vật không đáng giá, chiếc rựa cùn anh muốn hào phóng cho đi, thì anh gọi nó là Đực, cho nó giới tính nam.

Nhưng khác với cách bóp méo ngôn từ của người anh tham lam, danh từ tiếng Việt có thể coi là không phân chia theo giống, không phân giới tính. Cái thằng này, cái ông kia, giới tính nam đấy chứ. Cái con này, vừa Cái vừa Con. Chữ Cái đặt trước danh từ để xác định danh từ, kể cả số ít và số nhiều. Những cái làng này, những cái xóm này, số nhiều đấy.

Tiện thì nói thêm, tôi không dùng từ ngôi làng như cách viết quen tay gần đây. Khi cần nhắc đến chữ làng, thì tôi viết: đi trong cái làng này, thấy một cái làng xa xa... Câu ca dao, dân gian ép vào cho ông Bút Tre: con đò quay đít sang ngang, xa xa có một cái làng thò ra.

Người Hải Phòng khoảng cuối thế kỷ XX bỗng rộ lên, thay tất cả những chữ Cái bằng chữ Con: một con xe, mấy con phố. Một lần đến Hải Phòng, mấy người bạn dừng ở một hiệu quần áo, chọn chọn lựa lựa, rồi nói với nhau rằng mẫu mã không đẹp. Chị bán hàng hơi phật ý: Chỉ có mấy *con* mốt này thôi, ở đây chúng *iem* không mô *điên* lắm. Ở đây chúng *em* không *môđen* lắm. Thổ âm đặc Hải Phòng. Thổ ngữ Con cũng đặc Hải Phòng.

Nhưng rồi cách dùng chữ Con lan rộng ra khỏi Hải Phòng. Một cái xe máy Dream (phát âm: đrیم) được gọi là Zem (phát âm kiểu Hải Phòng: Ziem), bây giờ nhiều người thành phố Cảng sẽ gọi là Con Ziem. Cái thành Con, gì cũng con, con tuốt. Mà chữ Con cũng phát âm theo đúng thổ âm Hải Phòng: Cion.

Biết lời ăn tiếng nói từng vùng từng miền, từng thời đoạn, nhà văn có thể sử dụng đúng lúc đúng chỗ cho đất. Còn thường khi, tôi vẫn tránh dùng những từ như con phố, con ngõ, con hẻm. Nó vốn gọi là đường phố, cái ngõ, cái ngõ hẻm, cái hẻm rồi mà. Nhưng con đường thì lại gọi là con. Con đường này, cái con đường này.

Cái nhiều khi chuyển sang thành Chiếc. Cái bàn cái ghế, vẫn có thể gọi là chiếc bàn chiếc ghế. Cái bánh cái kẹo, chiếc bánh chiếc kẹo. Cái làng cái phố, khó có ai gọi là chiếc làng chiếc phố. ■



Chuyện khen chê

HOÀNG TÁ THÍCH

Chẳng ai trên cõi đời này là không hài lòng hả dạ khi được người khác khen mình. Lời khen không phải lúc nào cũng chân thực, xứng đáng với điều được khen mà thường còn thêm chút cường điệu đãi bôi, nhưng vẫn luôn luôn làm cho người khác vừa lòng dù có nhận ra điều đó chẳng nữa. Trái lại chẳng ai muốn nghe người khác chê mình cả, ngay cả chê đúng điều đáng chê cũng khó được chấp nhận. Sự thật mất lòng là thể và kiếm cho ra một người biết khiêm nhường với điều người ta khen mình và biết chấp nhận điều người khác chê mình không phải dễ.

Hoàn tất một công trình to lớn, có ích cho muôn người thường được khen tặng bởi một tổ chức, một cấp lãnh đạo và vì công trình đó không phải được hoàn tất bởi một cá nhân mà là công lao cả một nhóm người, nên dù là nhân vật chính trong công trình đó được khen, cũng sẽ thấy bình thường, bởi vì chuyện khen thưởng là việc tất nhiên như là một hình thức phải có, nhất là nếu chỉ khen mà không thưởng thì chuyện khen cũng chẳng là gì.

Một cầu thủ xuất sắc đem lại chiến thắng cho một đội thể thao, làm hãnh diện không những cho đội mà có thể cho cả một quốc gia; một diễn viên tài năng xuất chúng, một ca sĩ nổi tiếng được cả thế giới biết đến thì những lời khen tặng đối với họ có khi cũng là chuyện bình thường vì không những họ có tài năng thực sự mà họ còn có một quá trình gian khổ đưa họ đến với thành công, và chắc chắn là đã từng nhận được quá nhiều lời khen. Những lời khen dành cho những nhân vật đó không cần phải có sự đãi bôi hay thêm thắt để làm vừa lòng người được khen vì sự thật là họ đáng được ca tụng. Nhưng có những lời khen dành cho những người không đáng được như thế mới là tai hại. Không những làm cho họ hả hê, mà thay vì nở mặt nở mày thì lại chỉ nở mũi che hết cả hai con mắt trần tục làm họ không nhận ra sự thật là mình không đáng được khen đến như thế.

Không có một người phụ nữ nào có chút nhan sắc mà không thích được nghe một lời khen. Lời khen không mất tiền mua. Không những thích được khen nhan sắc trời cho mà còn thích được nghe khen những món vật trang sức trên người họ nữa. Trên người đầy cả hàng

hiệu thì muốn được khen là người sành điệu. Trên người chẳng có gì đắt giá mà khen là quá đơn giản nhưng vẫn không giấu được vẻ đẹp tự nhiên thì càng làm cho họ thích hơn là đàng khác. Học giỏi thi đấu giỏi đó mà được khen thì chẳng lấy gì làm nở mũi, nhưng mới làm được vài bài thơ mà được khen là thi sĩ rồi cứ tưởng mình đã là thi sĩ thiệt thì chết. Viết được vài bài văn, vài truyện ngắn trên tạp chí thì đã muốn được khen là văn sĩ, thế mới là phiến. Vẽ được vài bức tranh có người chiếu cố thì đã thấy mình là hoạ sĩ rồi. Ca sĩ người ta hát cả hàng năm mới có chút tiếng tăm, nay mình mới hát vài bài đã được khen hay và so sánh với hàng diva, nếu không tự nhận thức được tài năng của mình thì lạc vào bốn chữ “dương dương tự đắc” một cách lố bịch lúc nào không hay.

Chuyện khen chê đôi khi cũng gây ra lắm chuyện không nói được. Nhà văn Lê Đạt trong cuốn “*Hèn đại nhân*” có kể chuyện Thôi Hiệu và Lý Bạch đời Đường. Lý Bạch được phong là thi tiên, tài làm thơ chẳng ai sánh được. Thế mà khi lên lầu Hoàng Hạc thấy bài thơ *Hoàng Hạc lâu* của Thôi Hiệu để trên vách, đã vút bút ngửa cổ lên trời mà thốt lên: “*Thấy cảnh muốn tả, nhưng thấy bài thơ của Thôi Hiệu thì không muốn viết nữa*”. Không phải ai cũng có thể được Lý Bạch ca tụng, và từ đó, tiếng tăm Thôi Hiệu nổi như cồn đến nỗi ông ta... chẳng dám làm bài thơ nào nữa, sợ không được như bài *Hoàng Hạc lâu*. Chuyện Lý Bạch ca tụng Thôi Hiệu là chuyện thật, nhưng chuyện Thôi Hiệu không dám làm thơ nữa thì có lẽ là chuyện đùa, nhưng cái tâm trạng của Thôi Hiệu nếu có thì cũng là chuyện bình thường. Được khen quá lời thì hả hê sung sướng, nhưng được một người nổi tiếng, tài năng hơn hẳn mình trong cùng một lãnh vực mà khen như Lý Bạch khen Thôi Hiệu thì không phải là một sự khích lệ mà lại là một điều vô tình đưa Thôi Hiệu vào một hoàn cảnh khó khăn thôi, dù điều Lý Bạch khen chẳng có gì là quá lời.

Sự khen quá lời có khi chẳng khác một lời nịnh bợ nếu là kẻ dưới khen một người trên. Ca tụng một ông vua ngu dốt hoặc ác đức thì đó là một ông quan làm hại đất nước. Đó không phải khen mà là xu nịnh. Ông vua đã vô minh thì nghe lời xu nịnh sẽ hài lòng và tiếp tục vô minh, sẽ làm cho đất nước điêu đứng. Gặp những ông vua như thế, nếu một ông quan trung thực, dám phê bình một tiếng thì sẽ mất mạng như chơi. Khen thì hại đất nước mà chê thì hại thân mình, khó thật.

Khen thực lòng một kẻ dưới thì đúng là một khích lệ, khen người trên mình hoặc tài năng hơn mình thì khác. Văn học Pháp có câu chuyện trào phúng về văn hào Voltaire. Một hôm có nhiều người đến nhà xin gặp và khi Voltaire xuất hiện, có người đã thốt lên một cách nịnh bợ: “*Ôi, Ngài là ánh sáng!*”. Văn hào vội gọi người hầu và bảo: “*Anh tắt đèn đi cho đỡ tốn dầu*”. Câu nói đùa của nhà văn hào này chứng tỏ không phải ai ai cũng mở mắt vì lời khen.

Khen thì vô thưởng vô phạt, và bất cứ khen cách nào thì người được khen cũng thấy xuôi tai, nhưng chê

thì không phải vậy. Chê phải chính xác để người bị chê không cãi được, còn nếu không thì có khi bị hậu quả. Thấy một người khác mang một đôi giày hay mặc một cái áo, dù giày hay áo chẳng có gì đẹp, nhưng nếu có người khen giày đẹp, áo đẹp thì người kia thấy thật vui. Trái lại nếu có người nhận xét giày, áo không được đẹp thì chắc chắn là không bằng lòng, mặc dù giày hay áo thì cũng chẳng có gì là quan trọng cả và cũng chưa đến nỗi chạm vào tự ái người sở hữu.

Lời khen không mất tiền mua. Dù có chút không thật lòng thì vẫn làm vui kẻ được khen, hơn là một chút chê bai. Nhưng người ta thường vẫn có khuynh hướng chê hơn là khen. Có khi chuyện khen chê không vì một mục đích nào cả, mà chỉ là một chuyện quen miệng hoặc vì lịch sự mà thôi.

Có một câu chuyện về chuyện khen chê như sau: Trong một bữa tiệc, nhà văn Mark Twain ngồi đối diện với một phụ nữ rất đẹp. Ông đã nói một câu khen tặng: “*Cô quả là một người xinh đẹp*”. Người phụ nữ đã không những không cảm ơn mà còn đáp lại: “*Tôi thì không thể có lời nào để khen ông như thế*”. Mark Twain đã trả lời: “*Thì cô cũng có thể nói dối một lời như tôi vừa rồi vậy*”.

Khen thì dễ làm, nhưng người nhận có khiêm nhường nhận thức được lời khen là chân thực và chính xác hay không là một vấn đề. Chê thì khó hơn, nhưng lại hay dễ mở miệng. Nhỡ lời chê đúng thì may ra còn được lờ đi dù không hài lòng, nếu không thì thế nào cũng sinh chuyện. Người ta thường nói, chê là một sự giúp đỡ người đối diện thấy được khuyết điểm của mình để cải thiện, nhưng giúp đỡ không khéo đôi khi mang họa. Trái lại khen thì dù có chút giả dối, con người ai cũng thích nghe.

Năm 1972, đài BBC có tuyên bố vinh danh bảy nhà văn học nghệ thuật Việt Nam, trong đó có Nguyễn Du, Xuân Diệu, Trịnh Công Sơn... Sau này, có người đã nhắc chuyện đó với Trịnh Công Sơn và nói rằng nhiều người cho là tư duy của Trịnh Công Sơn còn hơn cả Nguyễn Du nữa. Nghe được một lời ca tụng quá đáng như thế, anh Sơn đã gạt đi: “*Ông đừng nói tâm bậy. Nguyễn Du là một nhà văn học lớn, tên mình được đứng bên cạnh đã là một điều hãnh diện rồi, nói ra những điều như ông chẳng ích lợi gì mà chỉ làm cho người ta thêm ghét cái tên Trịnh Công Sơn mà thôi*”.

Sau lễ gắn bảng tên đường Trịnh Công Sơn ở Hà Nội, nhà làm phim Trần Văn Thủy đã nói chuyện với một số bạn bè. Theo ông thì không phải Trịnh Công Sơn “được” gắn bảng tên đường mà mọi người chúng ta phải mang ơn bà cụ thân sinh Trịnh Công Sơn đã cho ra đời một người con tài năng xuất chúng làm cho chúng ta “được” hãnh diện. Lời khen đó cũng là một sự ca tụng nhưng chân thật, vì bây giờ, Trịnh Công Sơn đã không còn trên cõi đời này nữa.

Kiểm cho được người có nhận thức đúng trong lời khen chê là một điều không phải dễ dàng gì. ■

Cuốn sách biệt ni

VÕ THỊ THU HÀ

Suốt cả tuần nay, sáng nào tôi cũng thức dậy thật sớm rồi đi bộ lang thang ngoài bãi biển khi phần lớn khách du lịch vẫn còn ngủ hay đang dùng điểm tâm trong khách sạn. Vừa đi, tôi vừa lẩn thẩn nhìn xem có con dã tràng nhỏ xíu nào còn đang nhanh nhẹn bò ngang chứ chưa lẩn ngay xuống cát cũng như xem có chiếc vỏ sò ốc nào tấp vào bờ không. Nhưng tôi mong nhất là có lần sẽ nhặt được một cái chai với một bức thư ở bên trong, một cái chai mà một người nào đó có thể cách đây hàng chục hay có khi cả trăm năm trước đã thả xuống biển. Và nó cứ lênh đênh qua bao tháng ngày dờn dờn như vô tận mà không biết bao giờ mới có người tình cờ tìm thấy. Lúc ấy, tôi sẽ hỏi hộp mở nút chai, rút ra một mảnh giấy mà người thả nó xuống nước đã viết nguệch ngoạc hay nắn nót hay bằng máy tính. Nhưng những cái chai như thế dễ bị vỡ trên bước đường lưu lạc giữa biển cả bao la với sóng gió mịt mù và có thể không bao giờ được biết đến.

Nhưng cuốn sách mà cách đây hai hôm tôi đã bỏ vào một túi nylon, buộc cẩn thận để nó không bị rơi ra rồi đem đặt nó trên cái băng ghế ở trạm xe buýt cách xa khách sạn tôi đang nghỉ cả chục cây số, chứ không còn bắt nó phải đứng nghiêm chỉnh ngay hàng thẳng lối trong tủ sách như từ bao năm nay, thì chắc chắn có cơ hội “lên tiếng” cho tôi biết nơi “tạm trú” mới, hay cũng có thể là “thường trú” nếu như nó cứ ở một chỗ vĩnh viễn, của nó.

Ngay sau khi “trả tự do” cho cuốn sách, tôi mở trang “Giao lưu sách” (www.bookcrossing.com) trên mạng và đăng ký để thông báo rằng cuốn sách, có mã số mà tôi tự chọn, đã được tôi “thả ra” vào lúc mấy giờ tại trạm xe buýt số bao nhiêu trên tuyến đường nào trong thành phố X. Tôi cũng ghi thêm rằng tôi hy vọng người tìm ra sách sẽ “bắt giữ” nó và sẽ tùy nghi sử dụng nhưng xin mở trang trên mạng của tổ chức “Giao lưu sách” để báo cho tất cả những “người giao lưu sách” (Bookcrossers) biết đã “bắt” được nó vào lúc nào và ở đâu.

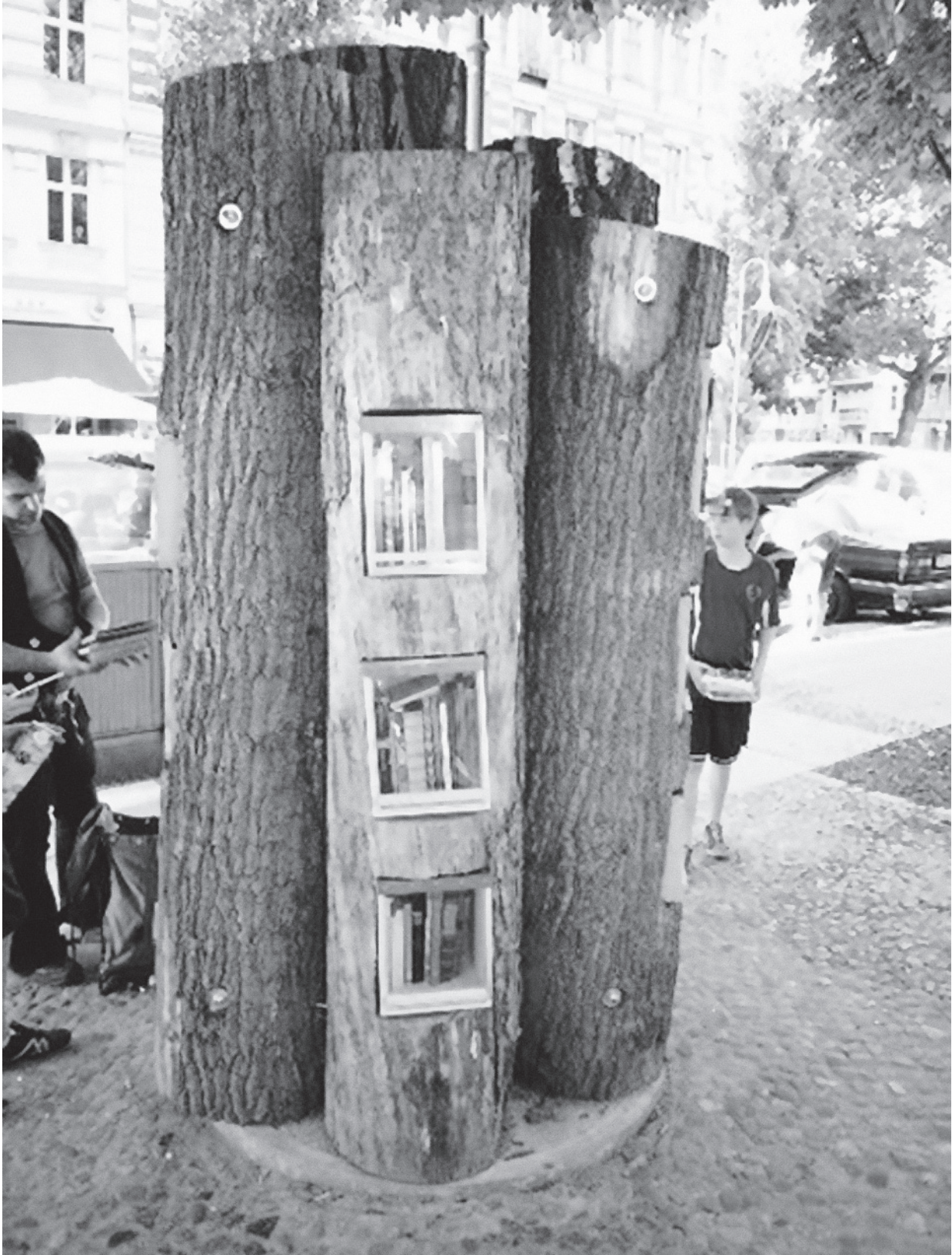
Tôi cứ hỏi hộp mãi và trông ngóng tin của nó từ lúc chia tay với nó. Có thể nó vẫn còn yên vị ở cạnh trạm xe buýt. Nhưng cũng có thể có ai đã tìm thấy nó. Đến hôm nay tôi vẫn chưa thấy tin tức về nó trên mạng. Có thể người tìm thấy nó đã quên đăng ký hay không buồn làm chuyện mà họ cho là lảm cẩm này. Và cũng có thể sau khi đọc nó xong (hay có khi cũng không đọc), họ sẽ trả

tự do cho nó trong thời gian tới bằng cách lại đem đặt nó ở bên cạnh bàn cà-phê trong một quán nhỏ vệ đường, dưới một gốc cây già trong công viên, cạnh cửa ra vào một siêu thị tấp nập, hay ngay trong nhà ga xe lửa quốc tế hoặc phòng chờ ở sân bay, nhưng lại không buồn báo cho hội giao lưu sách biết.

Và sau đây có thể cuốn sách của tôi (đúng ra bây giờ phải gọi là của “những người yêu và chia sẻ sách” mới phải, nhỉ?) đang trên đường đi chu du thế giới. Có khi nó còn được xuất cảnh sang một nước khác theo người tìm ra nó mà không cần phải có passport hay visa nhập cảnh và cũng không phải hỏi hộp chờ bị khám xét kỹ lưỡng trước khi lên máy bay. Và nếu người kế tiếp tìm ra nó mà lại chăm chỉ và quan tâm đến nó thì lại lên mạng, ghi mã số sách ban đầu mà tôi đã chọn và lại viết ít dòng báo cáo tình trạng sức khỏe của nó, xem nhan sắc nó còn nguyên vẹn hay đã bị hao mòn vì mất vài trang hoặc đã phải chịu vài đoạn gạch đố phê bình hay khen ngợi của một người đọc trước. Nhưng cũng có thể nó sẽ im hơi lặng tiếng trong một thời gian cho đến thỉnh linh một lúc nào đó có người đăng ký nó trên mạng với lời ghi chú đã tìm thấy nó ở Bắc Cực hay trong một ốc đảo của sa mạc Sahara! Và tôi lại biết được nó đã đi đến những phương trời nào. Vào một chiều hè nóng bức nó đã nằm trên bãi biển Nha Trang nhưng rồi sau đấy không lâu nó đã rét run vì cái lạnh giá mùa đông của nước Úc tận Nam bán cầu. Vậy mà chỉ sau đó một vài tuần nó đã có mặt ở Thung lũng Tử thần bên Hoa Kỳ!

Thế là như một đứa trẻ bị lạc đã được vui mừng tìm ra, cuốn sách nay đã được biết đang ở đâu và đã có một cuộc phiêu lưu lạ lùng thế nào. Sẽ thật là một điều diệu kỳ nếu như các cuốn sách cứ mất nhưng rồi lại hiện, mất rồi lại hiện như được thầy phù thủy làm phép, lưu lạc khắp bốn phương. Có khi nhiều người đồng loạt lên mạng truy lùng một cuốn sách quý và lại cá nhau ai sẽ là người tìm thấy nó đầu tiên. Lại cũng là chuyện may rủi: Nếu nó đang ở không xa với mình thì mình có cơ may tìm thấy nó sớm. Nhưng nếu giờ phút đó mà nó lại ở tận nơi nào, nơi nao thì làm sao một người yêu nó đang ở cách xa với nó trên mười ngàn cây số đến ngay với nó cho được.

Hay có thể có một ngày đẹp trời nào đó một nhà phi hành vũ trụ sẽ mang một cuốn sách đã “bắt” được theo ông trong chuyến bay lên Sao Hỏa và để



nó lại đây! Nhưng biết đâu người bạn đồng hành của ông ta sẽ nhận nó và lại mang nó trở về quê đất, quê nhà duy nhất của tất cả chúng ta!

Hay có ai đó đang đi tìm chính cuốn sách của tôi thì đã hăm hở lên đường đuổi bắt nó, khi biết được tin nó đang ở đâu! Nếu tôi trả tự do cho nó cùng với vài ba cuốn khác thì có thể bộ tam, bộ tứ này cùng đồng hành trên một chặng đường rồi phải chia tay nhau khi người tìm thấy chúng giữ lại một cuốn và đem các cuốn kia ra

để nằm trên một bãi cỏ xanh vào một buổi chiều mùa hạ. Thế là mỗi cuốn lại đi theo một con đường riêng tư, độc đáo, và biết đâu có khi chúng lại được tái ngộ vài ba năm sau khi chia tay hay phải vĩnh viễn chia tay. Nào ai biết được trước số phận của mình. Nhưng biết đâu sau vài ba năm hay có khi mười năm cuốn sách tôi đã thả cách đây hai hôm lại trở về cố quốc của tôi và tôi lại thốn thức mau mau chạy ra chỗ nó đang có mặt để bắt nó lại và xúc động thấy châu về hợp phố. Lúc đấy

có khi tôi phải đấu tranh tư tưởng, xem là có nên chỉ ra thăm nó thôi hay lại mang nó về nhà hoặc cứ để đó cho một người khác tìm đến nó. Nhưng nếu thay vì trở về chốn xưa mà nó đang làm bạn với một cô bé Tây Tạng trên núi tuyết cao thì tôi cũng rất vui khi biết được cô đang thưởng thức một món ăn tinh thần hiếm có và tôi chẳng hề muốn thấy lại nó mà mong sao nó cứ tiếp tục cuộc hành trình.

Dĩ nhiên không phải bất cứ người nào tìm ra sách cũng phải đăng ký chúng cho “Bookcrossing”. Họ có thể tự nguyện đăng ký hay lấy sách mang đi và giữ nó lại mà không nói một lời nào. “Bookcrossing” chỉ là một tập hợp những người yêu mến sách và muốn chia sẻ chúng, không muốn bó hẹp chúng trong tủ sách riêng mà sau một lần đã đọc thì không còn đoái hoài đến chúng. Hay không muốn chúng phải chịu thân phận bạc bẽo nằm chổng chơ giữa những thứ đồ đồng nát bám bụi trên gác xép, không còn được ai quan tâm chú ý, và có khi đã bị mối mọt ăn dần như những tế bào ung thư gặm nhấm thân thể một con bệnh.

Nhưng nếu tất cả những người tìm thấy nó đều báo cáo về nó thì chúng tôi, những “người giao lưu sách” trên mạng sẽ biết được tận tường, chi tiết cuộc hành trình của nó, những nơi nó đã dừng chân trên bước đường dong ruổi qua các lục địa, các miền đất nước trên quả địa cầu và một cách nào đó chúng tôi cùng chia sẻ cuộc hành trình lạ lùng của nó.

Theo một trang tôi được đọc trên mạng gần đây thì từ khi tổ chức Bookcrossing được Ron Hornbaker ở Hoa Kỳ đưa lên mạng vào hồi tháng Tư 2001 thì cho đến tháng Tám 2015 này trên thế giới đã có trên 1,4 triệu “người giao lưu sách” trong mọi độ tuổi và họ đã đăng ký được trên 11 triệu cuốn sách trong 130 nước; trong đó nhiều nhất vẫn là số người giao lưu sách ở Hoa Kỳ. Mỗi năm vào tháng Tư một thành phố trên thế giới được đại diện tổ chức những sinh hoạt kỷ niệm ngày thành lập “Bookcrossing”.

Người ta cũng tổ chức những cuộc gặp gỡ, nói chuyện về sách, về một tác giả và trao đổi sách với nhau hoặc lắng nghe những câu chuyện kể của một người bạn sách lớn tuổi về những chuyện quá khứ xa xôi có liên quan đến sách. Vào những ngày lễ đặc biệt như Valentine’s Day chẳng hạn thì “Bookcrossing” lại kêu gọi mọi người nên “thả tự do” cho sách về để tài tình yêu. Và những người yêu nhau lại vui mừng tìm ra được những cuốn sách vừa ý để tặng nhau.

Những cuốn sách đi du lịch trên thế giới theo kiểu này ngày càng nhiều. Trong khi những người chủ của chúng lại không có khả năng tài chính để đi hay tình trạng sức khỏe không cho phép. Nhưng những cuốn sách của họ đang tung tăng ở một nơi xa lạ nào đó. Và có lẽ họ theo dõi theo bước đi của chúng với một nỗi xúc động bồi hồi. Họ đã yêu chúng biết chừng nào, đã nâng niu chúng biết bao. Nhưng rồi họ cũng muốn chia sẻ chúng với người khác và đã để chúng ra đi với một tương lai vô định. Nhưng chắc chắn chúng sẽ có một số phận tốt đẹp vì chỉ những người yêu sách sẽ mang chúng đi theo họ và sẽ trân trọng chúng như những người chủ đầu tiên. Biết đâu sau 10 hay 20 năm chúng lại được ai đó đưa trở về thành phố của những người này rồi lại đi tiếp. Biết đâu chúng sống thọ hơn họ. Những người tìm ra sách rồi thả cho chúng đi tiếp cũng rất khác nhau: người mới lớn, kẻ đã bảy mươi, người đàn ông, kẻ phụ nữ, người ít học, kẻ thông thái. Nhưng họ giống nhau ở điểm là yêu sách và thích chia sẻ sách.

Sách không biết đến biên cương, chủng tộc, tôn giáo, màu da. Nó đi khắp mọi nẻo đường trên thế giới trong khi có hàng trăm triệu người chưa bao giờ có cơ hội ra khỏi làng quê của mình và cũng không bao giờ cầm đến một cuốn sách trên tay vì một lý do đơn giản là không có tiền mua sách mà thư viện công cộng thì lại ở tận trên thành phố hay không có. Như thế sách cũng trở thành một công dân thế giới trong thời đại toàn cầu hóa của chúng ta. Nó sẽ cứ tiếp tục cuộc hành trình với nhiệm vụ đem lại nguồn vui, hay làm tròn vai trò giáo dục của nó.

Thỉnh thoảng tôi lại nghĩ ngợi vớ vẩn rằng, biết đâu có ngày nào đó cuốn sách của tôi lại trở về với tôi, lại đứng chen chúc trong cái tủ sách với những người bạn của nó hay làm quen với những cuốn sách mới mà tôi đã tìm thấy trong quán cà-phê gần nhà. Những cuốn còn nằm trong tủ lúc đấy sẽ hào hứng lắng nghe nó kể lại những cuộc phiêu lưu của mình. Rồi chúng cũng bắt đầu háo hức muốn ra đi và có thể kêu tôi hãy trả tự do cho chúng. Được rồi. Ta sẽ cho bọn mi lên đường. Tôi nghĩ thầm như thế.

Các bạn yêu sách, xin hãy thả thật nhiều cuốn sách nữa để chúng được bay đến mọi góc biển, chân trời, rồi đậu lại bên những người cần sách. ■



Đốt lò hương ấy

THÁI KIM LAN

Lời tòa soạn: VHPG vừa nhận được tập sách "Đốt lò hương ấy" do tác giả Thái Kim Lan gửi tặng. Chúng tôi xin đăng Lời đầu sách để giới thiệu cùng chư đọc giả.

"Đốt lò hương ấy, so tơ phím này", xin mượn lời thơ của thi hào Nguyễn Du làm đề tựa cho tập sách nhỏ bao gồm những bài viết tưởng niệm về người đã khuất của Thái Kim Lan, mà chính chủ nhân nhà sách Văn Thành - Thanh Nguyên đã nhẫn nại nhiều năm thu thập cho đến hôm nay.

Lời thì mượn nhưng ý thì có khác, chỉ xin dùng lời thơ ấy để chỉ bước thời gian phẳng phất từ hương ấy cho đến phím này, từ ngẫu nhĩ gặp nhau - như hiện sinh con người chỉ là tinh cờ trên trần thế - cho đến khi vĩnh biệt - như định luật tử sinh - giữa hai khoảnh khắc của có và không, dấu chân người đi qua để lại trên đường, có thể cát bụi đã xóa mờ, nhưng bóng hình vẫn còn đó, như hi vọng "hiu hiu gió" trở về trong bao tuyết vọng nào nề, hy vọng còn mãi ngày sau...

Mỗi hội ngộ là cuộc chia ly sắp đến theo dòng thời gian miên viễn. Nhưng mỗi vĩnh biệt có thể trở nên điểm đi ngược chiều thời gian, viên thành một cuộc gặp lại mới. Tử sinh bên nhau gang tấc, vũ trụ chúng sinh gần mà xa trong cõi đi về. Hoa tàn để mà khuyết, bèo hợp để rồi tan, người gần để ly biệt. Có thể nào có một khả thể khác hơn? Nhà thơ Đức R.M. Rilke (1875-1926) đã xem định luật vô thường, trò chơi cay nghiệt của đấng tạo hóa như một mâu thuẫn nguyên sơ của đời người, nhưng chính trong mâu thuẫn ấy, kỳ diệu thay đóá hồng khép cánh...

ngủ nhưng động hồ để sơ khai... Khép - Mở trong mùa sen vô trú, vô sanh. Mâu thuẫn tuyệt vọng gây khổ đau, tử biệt sinh ly gây khổ đau, trong cõi mịt mù, vô minh luân hồi ấy, lành thay vẫn còn hồng hoa, vẫn còn liên hoa, những búp sen sẽ mở... Với búp hồng khép mi - như giấc ngủ nghìn thu - nhưng còn ngậm trong mình giờ mãi khai, nhà thơ Rilke

đã gặp Phật trong khoảnh khắc sen nở chúng vô sanh "hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh".

Khoảnh khắc sen nở, hồng khai cánh mi... "vô trú", vô sanh, không còn phụ thuộc dòng chảy thời gian, cũng không ở trong không gian, mà ở nơi chốn khác. R.M. Rilke gọi đó là vùng của nghệ thuật, của thi ca, của âm nhạc. Triết gia Pháp Jean Baudrillard (1929-2007) cho rằng dù cái chết thuộc vào định luật vô thường, dù cái chết là sự biến mất vĩnh viễn, cái đáng nói của sự biến mất trên cõi đời này thật ra là "nghệ thuật của sự biến mất". Điều gì tác tạo nên nghệ thuật biến mất ấy nếu không chính là nghệ thuật... của sự sống, thể cách hiện hữu của mỗi một con người ở trên trần thế? Mỗi người mang trong mình khả năng nghệ thuật ấy từ bước chân đầu tiên chạm đất như búp hồng - hay như búp sen dính liền với gót chân của Phật - vừa nhú khỏi đài hoa... khép mi hay mở cánh là nghệ thuật của hồng... thấy Phật là công phu của sen vừa sơ khai...

Một triết gia khác cho rằng chính khoảnh khắc con người vĩnh biệt cõi đời mới làm rõ được bản chất của người ấy, rằng cái chết thuộc cõi sống như yếu tố tất định làm nên thể tính người. Không có cái chết... con người chưa là... chính mình. Jacques Derrida (1930-2004), triết gia người Pháp, cho rằng thể văn Ai điếu (Requiem) nằm giữa văn chương và triết học, thuộc lãnh vực triết học mỹ học, trong đó tri thức về một con người được kiện toàn nhất qua cảm xúc của dòng văn... qua trực quan thuần túy đằng sau mọi gặp gỡ so đo ngộ nhận về một con người, về hiện sinh của đời người. Có thể xem Ai văn là cuộc chấn động xảy ra nơi phút cuối cùng của khởi đầu một cuộc khai ngộ nhân ái, ở đó hồng hoa và liên hoa hé mở...

"Đốt lò hương ấy" bao gồm những khoảnh khắc "so tơ" khai mở cuộc tương ngộ ấy trong miên viễn đi về của nhân sinh. Lời của tiếng tơ ấy xin được như là hơi thở mảnh như tơ của văn chương "tàn tức nhược như ti", để bóng người ra đi còn mãi... nơi cung bậc của sen, hồng, mâu thuẫn trong veo "đến đi" và... trong tình thương vô hạn...

Tôi xin chân thành cảm tạ anh Thanh Nguyên của nhà sách Văn Thành đã thúc giục và thu thập trong suốt thời gian dài các bài viết về quý Thầy, quý Ni sư, về các bậc trưởng thượng, người thân và bằng hữu, như người đứng chung trong một mái nhà, chia chung giọt mưa và tia nắng, hoàn thành tập sách này. Cám ơn em Trần Thị Nguyệt Mai và anh Trần Tuấn Mẫn đã đọc bản thảo.

Muenchen - Vu lan 2015 ■





Con chó Bin của tôi

Thời gian qua, trên mạng truyền nhau thông điệp của *Liên minh Bảo vệ chó châu Á* (ACPA) kêu gọi mọi người ký tên ủng hộ chiến dịch “Về đi Vàng ơi” tại địa chỉ website: <http://baovecho.org/> với mục đích duy nhất là trình lên Chính phủ Việt Nam ban hành quy định chấm dứt nạn săn bắt chó.

Rất đông người đồng tình, tán thành nhưng một số người tỏ vẻ phản đối. Tôi đọc vài lời bình luận (comments) bảo rằng: “*Ăn heo, bò, gà, vịt sao không ai kêu ca nhưng lại trách mắng người ăn thịt chó?*”.

Đối với một số người, con chó nuôi trong nhà chỉ là một... con chó. Nhưng đối với tôi, con chó không phải là một con vật tầm thường, mà còn là một người bạn, đứa em thân tình chia sẻ buồn vui, lúc tôi cô đơn và hiu quạnh mình ên.

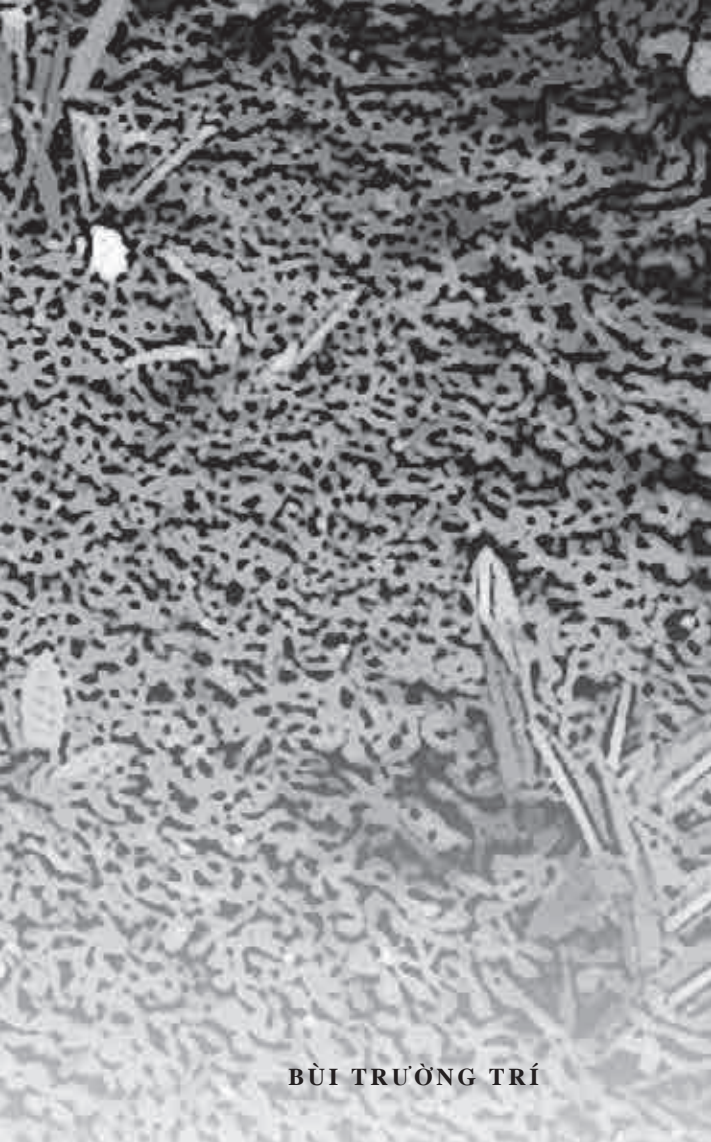
Tôi nuôi ba con chó lần lượt theo thứ tự: con Bi, con Bo đều là chó đực và con Bin là chó cái. Cả ba con đều có cái khôn riêng, có tính nết khác nhau, đứa nào cũng ngoan và mập ú. Lúc nào chúng cũng quấn quýt bên tôi như những đứa em. Thậm chí, khi tôi đi tắm, con Bi còn đứng ở ngoài cửa... chờ. Riêng con Bin thì tôi có chút xiú tình thương hơn, vì là chó... gái, lại được đem về nhà sau cùng, tất nhiên là út ít thì phải... cưng hơn.

Lại nữa, con Bin là con chó mà bà nội phải giấu mấy ông chú lén cho tôi. Chó nhà bà nội đẻ bốn con, trong đó có con Bin đốm lười là lanh lẹ nhất; mới mở mắt ra mà biết sữa inh ỏi. Mấy ông chú tôi giành nhau con chó đó, trong khi tôi là người đầu tiên... chăm nó trước. Bà nội sợ chú cháu vì tranh giành... chó mà dẫn đến... xích mích thì... mệt, nên ngay khi con Bin chưa lẻ mẹ, bà nội đã lén bỏ vô cái bịch bảo tôi mau mang về nuôi. Mấy ông chú có hỏi thì bà nội nói dối nó bị con chó khác cắn... chết!

Tôi đem con Bin về nhà, má tôi la làng: “*Chó gì đen thui, nhỏ bằng nắm tay, sao nuôi?*”.

Nói vậy thôi, suốt cả tháng đầu, má tôi mua cháo bột đút nó ăn. Vậy mà con Bin cũng mau lớn, mập ú, tròn vo, lanh lợi, dễ thương.

Con Bin càng lớn nó càng đeo tôi như... sam. Hễ tôi đi làm về là nó nhảy căng lên đòi... ẵm, liếm láp khắp chân tay tôi. Má tôi nói tôi đi đâu mà lâu chưa về, con Bin cứ ra cổng đứng ngóng. Đến khi nghe tiếng máy xe của tôi, nó vểnh tai, ngoắc đuôi mừng vô cùng. Bin còn có thói quen thức đợi cửa chờ tôi. Có nhiều hôm, tôi đi ngủ khuya đến... 12 giờ mới mò về, nó cũng ra cổng ngồi đợi, chứ nhất quyết không chịu vô nhà. Bin có tánh rất dễ thương là hay... giả vờ nằm chết.



BÙI TRƯỜNG TRÍ

Má tôi kể: Lâu lâu nó ngóng tai biết tiếng xe tôi gần đến cổng nhà, nó núp vô chậu kiếng rồi chỉ chờ tôi mở cổng là nó liền giả bộ lăn đùng ra... nằm chết. Có một lần tôi hết hồn hết vía tưởng nó... ngủm thật. Nó mở mắt, ngoắc đuôi, rồi chồm dậy chạy vòng vòng quanh cái sân chật hẹp, ý nói chủ bị nó... lừa!

Rồi chó Bin cũng đến tuổi... dậy thì, đòi... "chồng". Hai con đực rựa Bi và Bo kia cứ giành giật nhau muốn làm... "chồng" duy nhất của Bin. Hai con Bi, Bo ngày thường rất thân nhau, giờ quay sang cắn xé tối ngày chỉ vì... "gái".

Tôi tìm cách phân xử: Ngày đầu tiên cho con chó Bi và con Bin "động phòng" trước, tôi khóa cửa phòng tôi, đẩy hai con Bi và Bin vào. Con Bo đứng ngoài không chịu, cứ sủa ăng ăng, hai chân nó quào quào cánh cửa, muốn... xông đại vô. Đến ngày thứ hai, tôi mới cho con Bo và con Bin "động phòng", thì con Bi ở ngoài "tức tối" la hét rần rần. Và liên tiếp ngày thứ ba, thứ tư cứ... thay phiên nhau vậy. Nhìn cảnh đó, tôi và má tôi cười muốn rụng rún.

Chó Bin có bầu cũng được một tháng rưỡi, gần đẻ. Cứ nghe tôi hỏi: "Bụng bầu Bin đâu?", là nó nằm ngửa ra, giơ bốn chân lên vẩy vẩy như muốn khoe với tôi cái... bụng căng tròn bầu bì của nó.

Chó Bin bỏ ăn một ngày, ói và mệt. Tôi nghĩ chắc nó "nghén". Đến ngày thứ hai, Bin ói nhiều hơn, mệt mỏi, không ăn mà lại đi ngoài nhiều. Hoảng hốt, tôi và má tôi ẵm nó đi bác sĩ thú y gấp. Bà bác sĩ truyền nước biển, tiêm ba mũi kháng sinh gì đó, bà nói lạnh lùng một câu, hèn - xui thôi.

Đi bác sĩ về nhà, Bin bước đi bình thường vô góc bếp nằm. Trưa, tôi nằm vống ngủ một giấc, chợt thấy bàn tay mình nhột nhột. Mở mắt tôi hết hồn thấy con Bin cố lết từ góc bếp ra vống liếm tay tôi. Đôi mắt nó đau đáu nhìn tôi - đến giờ, tôi vẫn còn ám ảnh đôi mắt của một con chó sắp chết. Tôi ẵm con Bin lên, nó mềm nhũn, tôi gọi má tôi: "Má ơi, con Bin nó sao nè má ơi...".

Má tôi trong phòng chạy ra, thì con Bin đã tắt thở trên tay tôi. Chưa bao giờ, tôi khóc tức tưởi lớn khi biết con Bin đã chết lịm. Nó nằm ngay đơ, mà cái bụng còn động đậy, chắc là đám con của nó cũng cố quơ đạp lần cuối...

Tôi "liệm" con Bin vào vài lớp vải vụn rồi bỏ vô bao, đem đi chôn ở khu vườn trà cách nhà cũng xa. Thật đau lòng, tôi lại một lần khóc hu hu khi nhìn thấy cảnh con Bo và con Bi chạy lon ton sau lưng xe tôi. Chắc tụi nó "linh cảm" bạn mình đã chết nên sủa lớn và hú từng hồi dài. Con Bo nhảy chồm lên xe tôi, còn con Bi cào cào vô cái bao đựng xác con Bin. Tôi ngồi phịch xuống đất, khóc như vô hồn. Giây phút chia tay sanh tử giữa chó và chó, giữa chó và người sao mà xót xa đến quận lòng quá vậy!

Tôi đào hố chôn chó Bin cạnh cái gò mối, lấp hết đất cát xong, tôi thầm thì: "Bin ơi... Bin ngủ ngoan nhé. Kiếp sau Bin cố làm người nha Bin...".

Tôi ngồi đó một mình đến chạng vạng tối mới về. Gió thổi rít quanh tôi từng cơn, buồn thê thảm.

Bin mất rồi, còn Bo và Bi cũng tối ngày quẩn quýt bên tôi. Mỗi khi nghe tôi nhắc: "Con Bin đâu rồi ta?". Hai con cùng lúc căng tai lên, mắt láo liên nhìn tôi rồi con Bo liếm tay tôi, con Bi vùi cái đầu nó vào bụng tôi như muốn an ủi và chia sẻ những nỗi buồn mà tôi đeo mang vì... chó. ■





Căn nguyên hạnh phúc

HÒ TỊNH THỦY

Lâu lắm mới thấy bạn hỏi thăm, bạn nói chắc ta sống hạnh phúc, chẳng thấy ta than vãn, kêu buồn.

Ta gửi lại bạn cái mặt cười cùng vài ba dòng chia sẻ. Cuộc sống ai mà chẳng có vui buồn, chỉ là ta lạc quan và luôn tự tìm niềm vui cho bản thân. Đời ban cho cái gì thì giữ lấy và nâng niu, còn điều gì mất mát, thất bại, muộn phiền thì tìm cách khắc phục, đón nhận để chờ thời gian qua mà thôi. Tất nhiên, có những nỗi buồn không phải ngày một ngày hai là quên đi, có những khó khăn không phải nhắm mắt ngủ một giấc là tất cả biến mất. Cuộc đời mà, đâu đơn giản được như thế. Mà nếu đơn giản được thì thế gian này làm gì có ai khổ đau.

Mỗi ngày sống là mỗi ngày chuyển động. Có thể hôm nay vui ngất trời rồi mai buồn lay lắt. Có thể sáng ngược mặt nhìn ánh nắng mà lòng rỗng rảng nhưng

chiều lại xót xa. Không phải do tâm tư thất thường, dễ thay đổi hay không kiên định mà để nói rằng, đôi khi có những điều bất ngờ xảy đến khiến ta phải nghĩ suy. Bởi ta đâu phải là người vô tri vô giác, quá vô tâm với mọi biến chuyển bên ngoài mà bàng quan với tất cả. Ta có trái tim, có linh hồn, ta biết vui biết buồn, biết xúc động và cả biết tự trọng nữa chứ. Nhưng đâu phải cứ cuộc sống bên ngoài biến chuyển là ta phải biến chuyển theo. Sống để mà hiểu, hiểu để mà biết nhìn nhận đúng sai của cuộc đời cho thú vị. Còn lại, cố gắng để giữ cho tâm an bình. Căn nguyên của hạnh phúc là tâm an. Nên dẫu đôi khi có những điều không vui từ đâu rơi xuống, ta vẫn lắng nghe và mỉm cười bước qua. Bởi ta muốn tâm ta an, bởi ta muốn bình thân với chính cuộc đời mình.

Mỗi ngày, dù vui hay buồn cũng phải cố gắng tìm kiếm những hạnh phúc cho bản thân dẫu có khi chỉ là

những điều nhỏ nhỏ. Ta biết, không có niềm vui nào kéo dài mãi và cũng chẳng có nỗi buồn nào là không có điểm chấm dứt. Ta biết thế nên đi qua tuổi trẻ nhiều cung bậc, thấm thía nhiều xúc cảm không tên, ta trở nên bình thản hơn với những sự cố của cuộc đời. Ta ít để tâm đến những điều người ngoài thù dệt, thêm thắt. Ta bớt nổi nóng với những điều không như ý. Ta thôi trách móc những tấm lòng ta uống công trao đi. Ta thôi phán xét những con người, những điều chướng tai gai mắt ở trước mặt. Ta sống chậm hơn, so đo, cặn kẽ ít hơn, ngẫm nhiều hơn dù có lúc vui nhiều hay buồn bã. Ta học cách thấu hiểu và cảm thông hơn. Thấu hiểu và cảm thông là liều thuốc hữu hiệu giúp ta nhẹ nhõm lòng. Và tuyệt nhiên, ta không và chưa ghét ai bao giờ. Mẹ dạy, ghét người mà nói xấu người, thù dệt sai sự thật về người khác cũng là một cái tội. Mẹ nói, Phật dạy, ghét người, người vẫn sống khỏe, chỉ có ta là tự làm một thân ta mà thôi.

Mỗi ngày thức dậy, nhìn mặt trời lấp lánh xa xa, ta tự nhủ cố gắng giữ cho tâm an thêm một ngày. Ta nghiệm ra điều gì ta cần và yêu mến để yêu thương mà gìn giữ, điều gì mới thật sự đem lại cho ta niềm vui và hạnh phúc để mỗi phút giây sống là mỗi phút giây hoàn thiện bản thân. Ta nghiệm ra, cuộc sống bên ngoài cũng đầy nhiễu nhương và phù du nên ta học cách bình thản nhìn, nghe và mỉm cười để cho chúng theo gió bay đi, điều gì không đem lại cho ta sự tốt đẹp thì thờ ơ với nó.

Cuộc sống sẽ thật mệt mỏi khi ta cố gắng mình lên để thể hiện một cái ta thật khác, để khoác lên mình một chiếc áo thật rộng hay sặc sỡ màu sắc chỉ vì muốn chứng tỏ điều gì với ai đó. Và cũng sẽ thật mệt mỏi khi cố làm cho giống, được như người khác. Không ai khác ngoài chính ta, hiểu ta cần gì, điều gì phù hợp và thật sự đem lại hạnh phúc cho bản thân. Đôi khi, nhìn vào ai khác, cũng có lúc ta thầm ước ao hoặc có chút mơ hồ ganh tỵ với họ, muốn cũng được như họ, có những điều họ có; nhưng ta lại nghĩ, khi có rồi chưa chắc ta đã bằng lòng và hạnh phúc. Bởi mỗi người có một tính cách, một nhu cầu và một sự phù hợp riêng. Ta nhìn vào một gia đình nào đó hạnh phúc, ta ước được như bà vợ ấy, có ông chồng như thế ấy; nhưng biết đâu, khi ta chính là bà vợ ấy có khi sẽ lại là sự đổ vỡ. Bởi ta không phải bà vợ ấy, ta không thấu hiểu hoặc chấp nhận được những thói xấu của người chồng như người vợ ấy... Đừng lấy thước đo của người khác để đặt làm thước đo cho chính mình. Không gì thất bại bằng việc đánh mất chính mình và tìm mình ở người khác.

Người ta vẫn thường nhìn vào những cái vỏ bọc bên ngoài của ai đó rồi thầm ao ước, ganh tỵ nhưng đâu biết rằng, để có được những điều tốt đẹp đó, họ đã phải cố gắng bao nhiêu, hoàn thiện bao nhiêu. Và cũng có khi, đằng sau những điều đẹp đẽ, vẫn tồn tại những thứ chưa đẹp mà chỉ những ai trong cuộc mới

thấu hiểu, chấp nhận và chia sẻ cho nhau. Có đi qua gian nan mới hái được trái ngọt. Nếu ta không đủ sức chịu được gian khó thì cũng đừng trần trở tại sao ta chưa có trái ngọt...

Không ai giống nhau cả. Ta cần cái này, họ thích cái khác. Điều này hợp với ta nhưng người khác thì chưa chắc. Thế nên mới có chuyện, có những người ngồi trên nhung lụa vàng bạc mà không thấy hạnh phúc nhưng có những người sáng dậy sớm, đêm thức khuya làm lụng kiếm tiền nuôi con chăm chồng vẫn thấy miệng thường trực nụ cười. Không phải họ sung sướng, họ cũng lo lắng, thiếu thốn, khó khăn trăm bề; nhưng họ bằng lòng với những gì họ có, chấp nhận những gì chưa có và không ngừng phấn đấu để cải thiện đời sống mỗi ngày. Họ không ganh đua, sân si với hàng xóm giàu có hơn, họ không trách móc ông trời không cho họ nhiều của cải. Với họ, được yêu thương hòa thuận với gia đình và có một công việc để làm, đó là hạnh phúc.

Cuộc đời này, không điều gì tự nhiên đến. Không ai ngồi một chỗ rồi hạnh phúc rơi xuống tay mình. Có khám phá mới tìm ra cái đẹp và niềm vui. Có trao đi mới có nhận lại. Sự sẻ chia tạo dựng phước phần. Sự trao đi không một vụ lợi oán than. Bất kể lúc nào ta làm điều xấu và có hại cho người khác là giây phút ấy ta tự gieo nỗi đau cho chính mình. Sống biết mình, biết người sẽ giữ cho tâm an lạc. Tâm an lạc là cội nguồn của hạnh phúc.

Giữ cho tâm an lạc là bài học khó nhất trong cuộc đời của một phật tử. ■





Thôn thức mùa đông

THANH NGÂN

Thu đẹp giữa muôn làn gió hây hẩy, nhẹ nhàng và trong trẻo đến an nhiên; có lẽ vì vậy mà không ít người cứ mãi nhớ quay quắt và tiếc ngẩn ngơ những nhánh bằng lăng tím ngắt, chiếc áo len mỏng khoác hờ trên đôi vai và cả hương thơm ngào ngạt ấp ủ trong lòng phố thị...

Riêng tôi, chẳng hiểu sao, tôi lại nhiệt thành với mùa đông đến vậy. Dẫu nhận ra chút rùng mình của

hơi lạnh, tôi vẫn phấn khởi đón nhận mùa trầm lặng, lắng đọng này... rồi bâng khuâng cho rằng mình đang ôm trọn cả trời đông.

Chuyển mùa, thời tiết trở mình như một cơn ngái ngủ, như thể có ai đó cố tình lay vội thời gian để thay quyền tạo hóa, hoán đổi sắc nắng mênh mông tinh khôi bằng mảng màu xám tro của tiết trời se lạnh. Tôi thích những đêm đông yên ả dưới làn sương mỏng,

hơi sương căng mọng rơm rớm trên bề mặt da, thỉnh thoảng lại có từng đợt gió lạnh mơn trớn, vuốt ve làn da khô ráp. Cả nhóm bạn thân sẽ cùng nhau quây quần bên lò chuối chiên, khoai chiên của một quán hàng hiếm hoi thu hút được khách quen giữa mùa đông buốt giá. Thay vì chụm hai tay đưa lên miệng hà hơi giữ ấm, đứa nào đứa nấy tay cầm miếng bánh nóng hổi, giòn thơm hấp dẫn, vừa ăn vừa hít hà thưởng thức. Sau đó, cả bọn kéo nhau chạy một mạch đến quán kem đầu đường. Thoạt nghe, đứa nào cũng phì cười với cái thú vui kì dị này, vậy mà cả nhóm không một đứa vắng mặt. Tất cả gọi chung cả kí kem, mỗi đứa cầm một cái muỗng nhỏ mà chúng tôi gọi là vũ khí, rồi thi nhau thưởng thức và cười cười nói nói. Chắc hẳn, với muỗng kem đầu tiên, hầu như đứa nào cũng cảm nhận thấy có một luồng lạnh buốt chạy qua người. Thế nhưng, chính tiếng nói cười rôm rả lại mặc nhiên mang hơi ấm, mối thân tình chân phương trên từng đôi môi son trẻ. Không khí se sắt của đông chẳng là gì so với những câu chuyện vô cùng, vô tận của lũ chúng tôi ngày ấy.

Đông sang, đôi chân xốc nổi mạnh dạn xuống phố, dạo qua vài con phố quen thuộc cốt chỉ để tìm lại mối tình đầu lấm mọng mơ và đầy non nớt còn vương vấn đầu đây. Bỗng dưng nhớ da diết những ngày cùng ai đó bước qua những phút giây bon chen mệt mỏi, cùng ai đó thông dong dưới màn mưa trắng xóa, cùng ai đó nhâm nhi tách cà-phê đắng, buông lơỉ nỗi buồn không tên vào từng giọt cà-phê đậm đà và thả chúng trôi theo dòng nước đang chảy tràn trên mặt đường trước mặt. Nhớ da diết những bông hoa thược dược đỏ thắm trước ban-công của một ngôi nhà hai tầng nơi góc phố, sắc hoa lung linh giữa trời đông như đóa mặt trời đỏ rực. Người ấy đã bảo với tôi rằng, loài hoa chịu được rét, luôn nở rộ và khoe sắc trong tiết đông này chứa đựng thông điệp về niềm vui, hạnh phúc, ấm áp cho mỗi gia đình. Chẳng trách, đến tận bây giờ, khi nhìn thấy loài hoa xinh đẹp ấy, tôi vẫn giữ nguyên thiện cảm năm nào. Cảm giác như có gì đó chiếu chuộng tâm hồn và làm lòng mình ấm áp đến lạ đang độ bước một mình... Đông sang, mong mỗi được trở về một thời đã qua, để thương, để nhớ, để một lần được xoa dịu bằng ký ức đáng yêu xưa. Chỉ là hôm nay thôi, chỉ hôm nay, tôi thật sự cần một khoảng lặng cho chính mình.

Tôi cũng thích nhìn ngắm những hạt mưa sóng sánh, thích lắng nghe tiếng rả rích trong không gian thanh vắng khi nhìn qua một ô cửa sổ bất kỳ nhưng trở trêu thay, tôi lại sợ về lạnh lùng lêng lên ngôi, sợ cảm giác bao cô đơn ủa đến, bủa vây, xâm chiếm. Từng dải mưa nặng hạt thi nhau đan vào khoảng không về trầm mặc vô ngôn. Chông chênh. Lạc lõng... Trên con phố khuya, quán hàng quen thu mình co rúm giữa không khí quạnh quẽ. Không nhiều quán ăn vặt vỉa hè níu chân được vài lượt khách đi đường mặc dù ngày thường quán vốn tấp nập người ra kẻ vào, song người

ta vẫn cố gắng duy trì mùa mua bán ế ẩm này như muốn cầu cạnh một sự may mắn nào đó. Tất cả đều vì buổi chợ sớm mai, vì đàn con thơ đang tuổi ăn tuổi lớn, vì cuộc mưu sinh chẳng chờ đợi ai bao giờ. Phố đêm ôm lấy bao số phận, bao đôi chân rong ruổi giữa chợ đời đang miệt mài trên phố. Giữa dòng người vội vã, có đứa trẻ lang thang trơ tấm lưng gầy guộc bảo bọc xấp báo mới còn thơm mùi giấy, có cô bé một tay xòe tập vé số, một tay cầm mũ lưỡi trai che nghiêng lên xấp vé vô tri, đang mời mọc người đi đường tạm dừng đèn đỏ, lớp áo mưa tiện lợi mỏng dính, ướt nhẹp bám vào dáng người gầy còm đáng thương,... Có tiếng thở dài, có nỗi lòng hướng vọng của bao kiếp người giữa những cơn mưa rào như trút nước...

Lắm lúc, tôi đón lấy mùa đông trong tâm thế nhẹ nhàng, không nặng suy nghĩ, không vương bận điều gì. Đơn giản chỉ nghĩ cho mình, theo kiểu một cái tôi tận hiến và tận hưởng. Bỏ lại tất cả sau lưng, tôi quàng chiếc khăn thật xinh xắn, khoác cái áo ấm dày cộm vừa lôi ra từ tận phía bên trong ngăn tủ quần áo, tự tin sải bước trên phố. Đôi khi, tôi cũng giống bao người ngược xuôi, cũng vội vã chạy ù đi tìm một mái hiên khi bắt gặp những cơn mưa rào bất chợt. Từ một mái hiên xa lạ, tôi tháo bỏ đôi bao tay len ấm áp, xòe tay đón lấy những hạt mưa nặng trĩu đang lao xuống đất mẹ, để tính để mưa mân mê bàn tay của mình... Mọi thứ xung quanh đều bình yên, thanh thoi.

Sáng sớm nay, đông tràn về cả phố, cơn mưa đêm qua vẫn liên tục trút nước ào ào như muốn gột rửa tất cả, để... trả lại tinh khôi cho đất trời và cho lòng người... ■





Tha thứ

và chấp nhận

LÊ HỨA HUYỀN TRÂN

Vài tiếng bát vỡ, những chiếc cốc bay thẳng vô tường rồi rơi xuống văng tung tóe. Tôi ngồi thu mình lại, cố nhét mình đằng sau tấm phản to bằng giống như sợ dù chỉ chiếc bóng mình lọt ra thôi cũng có gì đó nguy hiểm lắm. Tôi không dám khóc ré lên kể cả khi ba tôi đánh má ngay trước mặt; cả khi má tôi ngã vật ra đó, tôi cũng không dám chạy lại đỡ. Ủ, thì tôi nhát, nhưng tôi sợ nhiều hơn; một đứa nhóc bảy, tám tuổi không thể làm gì giúp má trước uy lực của ba.

Nhà tôi nghèo, cái nhà tranh vách đất ở giữa cái xóm nghèo dẫu không thể làm tôi nghèo hơn nhưng cũng đủ khiến tôi biết cuộc sống đang ngày càng cơ cực. Ba tôi hay đốn gỗ trộm trên rừng rồi mang bán; đến khi nhà

nước bắt đầu có chiến dịch đối phó với bọn lâm tặc thì những tên "lâm tặc nhỏ" như ba cũng thành kẻ mất việc, thế là ở nhà. Phàm những người quá rảnh rồi bắt đầu sinh tật. Má tôi đi làm thợ hồ. Đàn bà mà đi thợ hồ là cùng cực lắm. Trước thì má bán rau ngoài chợ, nhưng chẳng được mấy năm đồng; ba mất việc sinh rượu chè bê tha thì lưng má tôi oằn thêm gánh nặng. Rau rác ngoài chợ chỉ kiếm được ít tiền, thế là má theo chân chú Bảy đi làm thợ. Nhiều lúc đi học ngang qua chỗ má làm, tôi thấy má oằn mình với đồng gạch quá cổ hay vôi vữa dính đầy người kì lạ mãi không ra. Nhưng ba thì dường như không hiểu cho nỗi cơ cực đó, cứ rượu chè suốt ngày. Dường như khi tôi biết nhận thức thì đã thấy ba và chai rượu bên cạnh nhau cứ như thủ túc; khi say thì ba bắt đầu đánh đập má,

trách má vô dụng không nuôi được gia đình, kể cả việc chỉ sinh được mụn con gái duy nhất là tôi...

Tôi đầu cao thượng tới mức nhìn thấy ba mình như thể mà không căm, không ghét. Tôi chưa lớn nhưng cũng đủ hiểu thế nào là sai. Mỗi lúc ba đánh đập má không thương tiếc xong là lại ngủ vùi, chỉ có má lê lét lại một góc nằm; còn tôi, tôi sẽ đi lấy chai cao bằng những bước chân thật nhỏ, cố không gây ra một tiếng động, mang lại cho má.

- Sao má cứ chịu đựng như thế? Ông có làm gì trong nhà đầu mà cứ nói má vô dụng, con không chịu được!

- Không được nói thế về ba nghe chưa con? - Rồi má ôm tôi vào lòng- Con còn nhỏ lắm, không hiểu được chuyện người lớn đâu. Ba là đàn ông trong nhà mà sức yếu, không đi làm được, người ta nói ra nói vào, ba cũng buồn khổ lắm nên tánh ông dễ nóng, má con mình phải hiểu và thông cảm cho ba, ghen con.

Tôi không hiểu như tại sao sức yếu mà có thể nện má trận nào trận nấy như tử thể kia. Tôi cũng không hiểu và thông cảm gì được cho ba khi ba như thế. Tôi chỉ biết sâu trong lòng tôi, có cái gì đó của sự đổ vỡ tình cảm dành cho đáng sinh thành mình; và lâu dần điều đó tôi nghĩ là sự oán ghét. Và tôi càng khẳng định tôi ghét ba kể từ khi má ra đi.

Thế là khi tôi lên mười má bỏ nhà ra đi thật. Không hiểu tại sao tôi không khóc, cũng không trách má. Việc má ra đi cũng là lẽ tất nhiên, chỉ có điều tôi không hề oán giận khi má không dẫn tôi theo. Cứ như tôi biết sẽ có ngày tất cả những người quanh tôi đều bỏ tôi đi. Tôi giống má như tạc, ba cứ mỗi lần nhìn tôi là lại đánh, có lần thừa sống thiếu chết làm bà con chòm xóm đưa lên trạm y tế, có mấy lần công an cũng đến nhà "thăm hỏi". Nhưng tôi không bỏ ba tôi mà đi, tôi còn quá bé, mà tôi cũng không dám. Ghét nhưng tôi không dám. Tôi chỉ biết cuộn mình trần trần nhìn ba khi ba vút roi xuống người tôi, rồi lăn lên giường ngủ say. Cứ mỗi lần như thế, trên trang nhật kí của tôi lại có thêm một dòng "không thể nào tha thứ".

Tôi cứ lớn dần lên như thế, trong đòn roi của ba tôi, và trong cái gánh nặng nít nôi phải lo hai miệng người. Không được học cái chữ nhưng tôi cũng kiếm được tám chổng tử tế. Gần 30 tôi mới lên xe hoa, con gái lỡ thì không được quyền chọn lựa hôn nhân nhưng dường như số tôi may mắn. Anh đã qua một đời vợ nên anh biết tôn trọng, nâng niu tôi lắm. Tôi đi khỏi nhà thì không quay lại thăm ba lấy một lần. Mà cũng không phải đợi đến khi lấy chồng tôi mới xa ba tôi; khi tôi tròn 20, lúc tôi đang yêu say đắm chàng sinh viên nghèo cứ ôm cây ghi-ta ra trước nhà tôi hát, một lần ba tôi say, bắt gặp, ông đã đập nát cây đàn của anh chàng cũng là lúc tình cảm mới chớm của hai người bị vùi dập. Thế là tôi bỏ nhà đi, nói bỏ đi nhưng tôi cũng chỉ ở cách nhà ba tôi vài ba căn, thỉnh thoảng lại gửi tiền về nhét qua khe cửa.

Rồi tôi đẻ cháu, cũng là lúc tôi hay tin ba tôi ốm. Tôi suy nghĩ nhiều, không biết có nên về thăm hay không. Trong thâm tâm tôi, những trận đòn roi vụt qua chưa khi nào thôi ám ảnh. Tôi thêm tiếng mẹ chứ không phải nhìn mẹ bị đánh mà mình bất lực, cũng không phải đứa trẻ mười tuổi phải nhìn những đứa bạn khác cha mẹ đủ đầy mà tủi thân không dám rơi nước mắt. Tôi thêm được đến trường cho hay biết cái chữ, cho mở mang trí thức chứ không phải để những đứa trong xóm gọi tôi là đồ vô học, đồ không mẹ. Tôi thêm được yêu một cách chân thành chứ không phải tình yêu bị sỉ nhục và người tôi yêu bị tổn thương bởi những lần phá bình. Thế nên dù chồng tôi có khuyên can cỡ nào tôi cũng nhất quyết không đi thăm hay thậm chí tạt ngang,

Tôi đi làm về, nhìn đứa con trong nôi đang nhe nhe ngủ còn anh thì nằm ngủ ngay cạnh đứa con, trong lòng xúc động mạnh. Tôi bỗng nhớ về kí ức một thời xa, xa lắm, bàn tay to bè đặt nhẹ lên bụng tôi vì tôi đau, bàn tay ấy to hơn cả gương mặt tôi nên rất lúng túng khi muốn sờ lên trán tôi xem tôi sốt như thế nào. Tôi nhớ không rõ cả lúc mẹ tôi đi, còn tôi thì khóc thút thít, lần đầu tiên và duy nhất đến khi mẹ tôi nằm trên giường. Tôi nhớ cả lúc tôi mới sinh cháu, có ai đó đứng trước cổng cứ nhìn vào lấp ló; tôi đã biết là ai, chỉ là tôi không đủ dũng cảm để tha thứ.

Trong tim tôi dấy lên chút cảm xúc gì đó mà tôi không rõ, người ta hay nói "một giọt máu đào hơn ao nước lã", muốn trở thành người đứng với người thân thương có phải quá khó không, tôi không biết. Đi ngang qua góc nhà quen cũng gần chục năm rồi chưa ghé lại, ngửi thấy mùi hương hoa quỳnh thơm ngát một góc sân, và bên trong, bóng người đàn ông nằm bên giường bệnh và cái cũi em bé còn đang đong dang dở, tôi nhận ra tha thứ cũng là điều gì đó không quá tệ, tôi khẽ gọi nhẹ "ba ơi"...

* * *

Hạnh phúc không chỉ là con người ta cảm nhận được từ những điều người khác mang tới cho mình. Hạnh phúc còn là biết thứ tha cho những người thân yêu. Tới tận bây giờ khi đã đón ba về phụng dưỡng, chưa bao giờ tôi cảm thấy ân hận; trong tim tôi chưa phút nào ngừng dấy lên những xúc cảm không thể nói thành lời. Đơn giản, giờ đây ở bên những người là máu thịt của mình, tôi cảm thấy vô cùng hạnh phúc. Tha thứ là một phần của hạnh phúc mà hiện giờ tôi đang có. Và ít ra trong khoảng thời gian còn lại của hai cha con, ít ra tôi cũng biết được, ở một phần nào đó trong trái tim ông tôi là đứa con mà ông yêu thương nhất, điều mà nếu tôi không chấp nhận hay đối diện thì tôi đã đánh mất đi. ■

Lời thăm thì của mùa thu

TRƯỜNG KHÁNH

Lời thăm thì, thăm thì của mùa thu,
Mùa thu chao nghiêng đôi cánh mỏng,
Ai dệt mùa thu, từng vương phiếm mộng,
Đêm gót thu qua, trông ngóng người về.

Bước thu nào nề - qua khoảng trời xanh,
Sợi nắng tinh anh, đón thu về muộn,
Ai nhớ rừng thu, ru hời tiếng vượn
Nỗi buồn rơi xuống, ký ức tàn phai.

Thu cứ mãi hoài, đêm tháng ngày qua,
Đề chú Cuội già, thần thờ đứng đợi,
Chị Hằng vương vương mồi mòn bước tới,
Mong mưa ngâu về, chấp chới tình yêu.

Mùa thu ít nhiều, thăm thì sợi thương,
Sợi nhớ mù sương, khoảng không trầm lắng,
Nai thu mơ màng, đi tìm chút nắng,
Lá vàng rơi, thăm lặng đón thu về,

Mỗi bước sơn khê dặm dài gót chân,
Quãng hết nợ nần, phù vân ảo ảnh,
Ai về chiều thu, nghe mưa lành lạnh,
Nghe thăm thì, đặc quánh cuộc tồn sinh.

Sợi gió lung linh, phiêu bạt gọi mời,
Đi suốt cuộc đời, bước chân lãng tử,
Con tim nhỏ, xin trao về xứ xứ...
Nghe thăm thì cuộc lữ xót mùa thu!!

Chung dải chiến hào

LÝ THỊ MINH CHÂU

Tóc dài mai búi vào quê
Bốn mùa quang gánh đi về có nhau
Trên đồng cạn
Dưới đồng sâu
Nhớ thương đem mắc vào câu hò lơ...

Trâu no nhờ có cỏ bờ
Cày sâu cuốc bẫm cấy nhờ tay anh
Nhọc nhằn nên cánh đồng xanh
Đá mềm chân cứng mà thành quê hương

Ngọt ngào chia khắp yêu thương
Năm tay tiên tuyến hậu phương ta cùng
Đất liền biển đảo mẹ chung
Trái tim của lính đập trong muôn người.

Phía biển

PHAN THÀNH MINH

Về đi em bão sắp dậy rồi
Thu lưới gom câu rời Đá Lồi, Đá Bắc
Quang Hoà, Tri Tôn lô nhô bóng giặc
Tàu anh chờ nặng hờn căm

Để lại nỗi buồn trên Hữu Nhật, Phú Lâm
Nơi xương máu ông cha đã hoà vào sông núi
Nơi bốn ngàn năm tổ tiên hiền gọi
Nơi giang sơn đau buốt vết thương lòng

Vẫn chưa liền một dải non sông
Thương sao xiết... người vì đất mẹ
Hải chiến Hoàng Sa mãi là chuyện kể
Một tác đảo chia lìa
Trăm triệu trái tim đau

Kéo bình minh lên
Kết liên lại ngư tàu
Biển dầu dải càn nặng lòng yêu nước
Trước giặc thù chẳng bao giờ chịu khuất
Đầu tát cạn Biển Đông cấm cọc Bạch Đằng

Hào khí sục sôi cháy bỏng tim mình
Hải pháo ngư lôi sẽ hoá vào ngọn sóng
Biển đảo quê hương máu xương kết động
Vì giống nòi đem hết tài trai

Hương mũi tàu về phía tương lai
Trần ngập bùng tim lời sông núi
Anh mãi đi theo lời biển gọi
Lấy chiến công tô thắm quân kỳ

Về đi em bão đã dậy rồi
Phương bảo tố hãy dành cho đời lính
Hoá hoàn hảo thành vững vàng kiên định
Một tác biển không rời
Một tác đảo không xa

Có thể anh về bằng hòm gỗ cài hoa
Là anh đã đi vào sách sử
Em ơi chinh chiến và sinh tử
Mất để rồi ta còn mãi quê hương.



Chiếc lá thời gian

HỮU DƯ

Lá úa

Bạn bè như lá úa
Rơi rụng rơi thảng ngày
Một lần nghe chuông mõ
Giật mình, ai nữa đây?!

Mây

Lá úa rủ lá vàng
Theo ngọn gió lang thang
Mây trời kia băng láng
Đời sao cứ vội vàng!

Thời gian

Tháng chín đi cùng heo may hanh
Bến sông lặng lẽ lá xa cành
Khách đến vội đi lòng thuyền đợi
Bao giờ gặp lại tuổi xuân xanh!

Lá và em

Nhẹ nhàng rơi xuống cỏ
Lá ái mực dâng đời
Em im lời không tỏ
Tình ta rẽ hai nơi.

Buồn đi rồi sẽ bình yên

TRẦN NGỌC MỸ

Có lúc buồn hơn áng mây
Trôi trên ngày đầy quên lãng
Phút lắng xuống biển xa vắng
Tan theo bọt sóng mênh mông

Có chiều thảng thốt nhớ quê hương
Ta lạc loài giữa cuộc đời bão tố
Giấu đầu bước chân mòn đau khổ
Lời ru cánh gió khẽ vỗ về

Xin đưa ta vào những cơn ngủ mê
Lặng im để tắm đắm hoàng hôn
Buồn đi để nắng ấm tâm hồn
Nhón chân lướt trên phím đời ta

Rồi một ngày nhật được bài ca
Đàn chim cất cánh lên trời cao
Bình yên đọng trên tóc lao xao
Bình minh nói giấc mơ chẳng vơi xa...

Thu về trên đảo Trường Sa

NGUYỄN DŨNG

Sóng ngập ngừng vỗ vào vách đá
Trường Sa thu chìm, cá bỗng lững lờ
Gió đung đưa chùm hoa bàng gọi nắng
Mây ngang trời che khuất bóng hoàng hôn

Tiếng trống trường giục bước chân học sinh
Ngày khai giảng em bi bô giọng hát
Anh chiến sĩ dặt tay em trên cát
Đường đến trường qua vọng gác biên cương

Đảo vào mùa ngư dân rẽ màn sương
Buông lưới sớm khi mặt trời vừa thức
Đón ánh nắng rực màu tươi đỏ chói
Như màu cờ Tổ quốc Việt linh thiêng

Mùa thu về trên đảo thật hiền ngang
Những tiếp nối mùa thu từ thuở trước
Mùa thu ấy cha đi vào kháng chiến
Để thu này nước Việt hóa Rồng Tiên.



NƯỚC MẮT CHẢY KHOI

NGUYỄN TRỌNG HOẠT

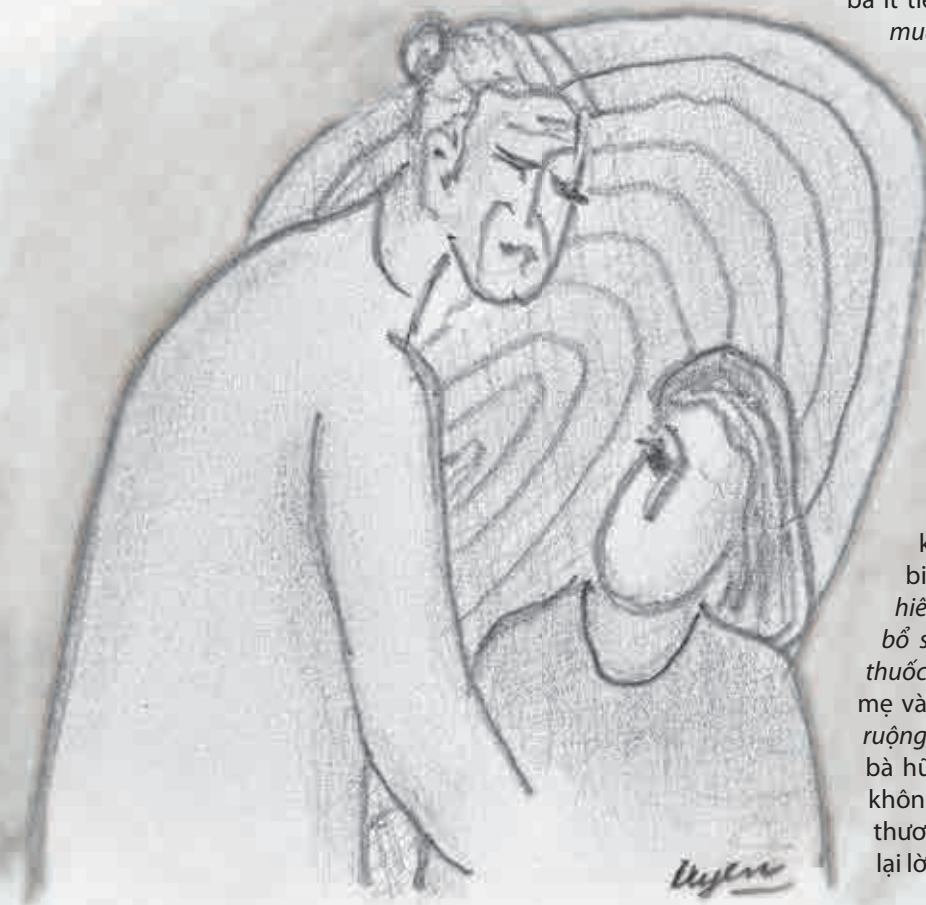
Cậu Hai và cô Ba ở thành phố nhiều lần đánh xe về mời mẹ lên ở cùng nhưng bà nhất quyết “bám trụ” ở quê với cậu Út. Anh chị đều thành đạt nhưng Út thì ngược lại; di chứng của những trận đau dặt dẹo ngày bé khiến chân phải cậu co rút và teo như ống tre, giọng thì méo như nói qua chiếc loa rè. Đã thế, vợ lại chẳng mấy nhanh nhẹn cùng đàn con ba đứa lút chút khiến Út càng lam lũ. Bà ở cùng, lặng lẽ chia sẻ những cực nhọc của đứa con không may mắn. Ngoài bảy mươi, bà vẫn lội đồng cấy hái; rời cái liềm cái cước, bà lại chăm heo gà hay quét dọn cửa nhà; trừ những lúc ốm mệt, bà ít khi ngơi tay.

Hai con ở phố về thấy mẹ lúc nào cũng lằng xằng tất bật, liềm nhả mặt, xuýt xoa. Cả hai đồng thanh: “Mẹ

già rồi, phải nghỉ ngơi thôi”. Bà xởi lời, vỗ về con: “Chẳng bằng người ta làm ráng, không cần chi đâu!”. Khuyên ngăn không được, hai con xuống nước năn nỉ nhưng bà không đổi ý, không thể yên lòng hưởng an nhàn trước cảnh khổn khổ của gia đình con út. Có khác là mỗi bận nghe con ở xa sắp về, bà tạm thôi những việc nhà quen thuộc, ngả lưng trên chiếc võng, đong đưa chờ con. Con vui nhìn cảnh ấy nhưng mẹ nóng lòng với bao việc nhà còn dang dở. Vậy nên, khi các con vừa quay lưng để ra xe, bà lại luôn tay với chuỗi việc không tên đã sắp sẵn.

Bà hầu như chẳng phải mua sắm gì cho riêng mình bởi đã có hai con lớn chu cấp; từ quần áo đến thuốc bổ, từ đồ ăn thức uống đến đồ dùng hàng ngày đều do chúng mang về. Đầu đặn hàng tháng, chúng biếu bà ít tiền, kèm theo lời nhắc: “Mẹ thích gì cứ mua, không phải tiết kiệm”. Bà ừ à cho qua chuyện để rồi sau đó âm thầm làm cuộc “phân phối lại”: Đồ ăn thức uống, bà dành cho các cháu phần nhiều; tiền thì phân ra từng khoản để giúp vợ chồng Út đóng học phí cho con hay trả tiền thuê máy cày làm đất hoặc mua phân, giống. Chẳng tiêu gì cho mình nhưng bà dường như lúc nào cũng túng thiếu. Vậy nên, mỗi bận con ở xa về thăm, bà lại ngong ngóng chờ lúc chúng gọi riêng ra rồi mở ví.

Hai con ở phố sớm biết việc chi tiêu “sai mục đích” của mẹ và tỏ ý không hài lòng. Lần sau đó, con gái biếu mẹ tiền và dặn: “Ngoài những đám hiếu hỉ, mẹ dùng tiền cho ăn uống bồi bổ sức khỏe; không được mua phân bón, thuốc trừ sâu đấy”. Con trai lớn trao tiền cho mẹ và ghé tai nói nhỏ: “Mẹ không phải làm ruộng, nuôi heo, nuôi vịt nữa”. Khác mọi lần, bà hững hờ nhận tiền từ tay con, nét mặt không vui khi thấy lòng tự trọng bị tổn thương. Lần sau nữa, hai con cho tiền và lặp lại lời khuyên mấy lần liền, có phần gay gắt;



đáp lại, người mẹ ngồi bất động lúc lâu rồi cất lời dứt khoát như mệnh lệnh: “*Các con cất tiền đi!*”. Hai con trở mắt, năn nỉ mẹ nhận tiền không được liền quay sang gặng hỏi lý do từ chối. Bà nén buồn bực: “*Các con sợ mẹ không biết chi tiêu hoặc cho tiền rồi buộc thế này thế kia thì cho làm gì?!*”. Hai con bối rối, cúi đầu, xin lỗi.

Tưởng không bao giờ nhưng rồi cũng có lúc bà rời quê lên phố, khi nàng dâu út có lời: “*Nhà con giờ đã ổn hơn xưa, mẹ nên lên phố ở với anh chị Hai thời gian cho khỏe*”. Bà do dự mấy ngày liền rồi mới cắt đặt việc nhà cho vợ chồng Út và ra đi. Đến ngõ, ngoái lại nhìn ba đứa cháu đứng ở bậc cửa trông theo, lại giơ tay vẫy vẫy, bà chùn chân khựng bước, giọng nghèn nghẹn: “*Bà chỉ đi mấy bữa rồi lại về thôi*”. Nhưng bà đã ở với các con trên phố lâu hơn dự định, chẳng phải do cháu con nài nỉ mà bởi chính bà muốn thế. Lúc đầu, ở nhà cậu Hai được ba ngày, bà đã nặng nề đòi về; những ngày đó, bà cứ đi ra đi vào, mắt mãi miết hướng về phía con đường dẫn ra quê. Đến ngày thứ tư, bà đổi ý; ấy là hôm bà xách bịch rác bỏ vào thùng rác công cộng đặt cách nhà không xa.

Ở đó, bà thấy có nhiều phế liệu có thể tận dụng nhưng người ta vứt đi. Lúc ở quê, chỉ cần một nhúm lông vịt hay vài vỏ lon bia, bà đã đổi được mấy cái kẹo cho cháu; còn ở đây, những thứ tương tự bỏ lăn lóc. Bà tiếc ngẩn ngơ, chân không muốn rời thùng rác, dù nơi ấy đang phả mùi khó chịu. Hôm sau, bà bịt khẩu trang, mang găng tay, tay cầm que, tay xách bao đến bên thùng rác; mùi hôi thối nồng nặc xộc vào mũi hay ruồi nhặng vây quanh cũng chẳng khiến bà ngần ngại. Bà xới rác tìm từng vỏ chai nước suối đến mấy thanh sắt vụn, từ chiếc dép đứt đến mấy vỏ hộp bằng nhựa. Khi đã gom được kha khá, bà khệ nệ mang cái bao tổng hợp kia đến điểm thu mua phế liệu gần đó. Cuối mỗi ngày, bà lại xòe tiền ra, vuốt vuốt cho phẳng phiu những tờ bạc lẻ rồi bỏ chung vào bịch ni-lông để dưới bao gối. Tiền được mừng tuổi vào dịp Tết, bà cũng dồn cả vào đấy. Hôm nào con dâu vội đi làm mà không chuẩn bị kịp bữa sáng, bà lại khắp khởi vui vì có thêm mười ngàn từ số tiền con đưa để ăn quán. Những bữa đó, thay vì ra quán, bà thường nhịn hoặc xong bữa với chén cơm nguội qua loa, tiền không tiêu thì nhập “quỹ”. Lâu lâu bà lại đem tiền ra đếm và chùng mười ngày nửa tháng, lại gọi đứa cháu đích tôn vào phòng riêng, đóng cửa lại. Lúc chàng trai quay ra lấy xe đi đâu đó, bà còn với theo: “*Con gắng giúp bà nhé*”.

Những ngày nghỉ, các con đều ở nhà nên bà không đến thùng rác công cộng. Bà cố giấu nhưng rồi nàng dâu cũng biết mẹ nhặt ve chai trong một lần nàng quay về nhà vào giữa buổi làm. Bà không ngờ việc thường tình của mẹ lại khiến các con kinh ngạc và kiên quyết cản ngăn. Nàng dâu không còn giữ tính điềm đạm vốn có: “*Người ngoài sẽ nghĩ gì về tụi con khi để mẹ làm cái việc dơ bẩn, độc hại đó!?*”. Con trai tiếp lời vợ,

về xót xa, cứ như bị tổn thương nhiều lắm: “*Chúng con đã để mẹ thiếu gì đâu, sao mẹỡ bời xấu cháu con như vậy?!*”. Bà ngồi lặng, cay đắng đón những lời khó nghe cùng lối suy nghĩ xa lạ của những người thương yêu nhất. Lúc lâu bà mới lên tiếng, giọng buồn như muốn khóc nhưng dứt khoát: “*Việc mẹ làm chẳng có gì phải hổ thẹn!*”. Nói rồi, bà đi về phòng riêng, vội vàng gấp quần áo cho vào túi xách để ngay dưới đầu giường; hôm sau đón xe về quê sớm, mặc các con níu kéo.

Mẹ về đột ngột để lại áy náy cho các con. Bữa cơm nhà cậu Hai sau ngày vắng bà trở nên lặng lẽ, tẻ nhạt; không có những tiếng nói cười như thường khi, chỉ không khí nặng nề bao trùm suốt bữa. Như để phá tan im lặng, nàng dâu bỏ dờ chén cơm xuống mâm, buông tiếng giữa trời: “*Bà cần tiền làm gì mà phải làm cái việc như thế?!*”. Thắc mắc của mẹ chuyển sang con, chàng trai tròn mắt: “*Mẹ không biết bà cần tiền làm gì?*”. Chị gật đầu, há hốc. Chàng trai trầm giọng: “*Tiền bán phế liệu nhặt được, bà nhờ con đưa cho con gái đầu chú Út đang học đại học ngoại ngữ để nó trả tiền trọ, đóng học phí hay mua sách vở. Nếu không có tiền bà cho, chắc con bé phải bỏ học mất, mẹ ạ*”. Chị ngơ ngác rồi ngồi lặng; lúc lâu mới bối rối ngược nhìn con: “*Sao giờ con mới nói?*”. “*Con tưởng mẹ biết rồi*”. Lời con càng khiến chị day dứt. Chị dẫn vật tội phần khi nhớ lại đã có lúc nghĩ rằng, sao mẹ ham tiền đáng ngạc nhiên như thế. Nhớ những dịp Tết, bạn của con đến chơi rồi mừng tuổi, bà chẳng khách sáo bao giờ, dù chỉ một lời từ chối lấy lệ. Khách vừa quay lưng, bà đã mở bao lì xì, về háo hức như đứa trẻ. Hóa ra, bà đang âm thầm dành tiền cho những đứa cháu nghèo khổ ở quê.

Bà bệnh nặng, phải vào viện. Dù con cháu cố giấu nhưng rồi bà cũng biết bệnh mình và một hai đòi về. Bà nhắc đi nhắc lại điều đau đầu: “*Bệnh thì không khỏi mà các con cứ dồn tiền lo cho mẹ rồi ăn học bằng gì?!*”. Con cháu và cả bác sĩ cùng khuyên, bà mới bằng lòng kéo dài những ngày nằm viện. Hôm vợ chồng cậu Hai và cô Ba cùng vào thăm, bà tươi tỉnh hẳn; đáp lại về lo âu của con là nét mặt thanh thản của mẹ. Đang thiếp đi trong mê mết triền miên nhưng nghe con gọi khẽ, bà tỉnh ngay, gượng ngồi dậy, tựa vào thành giường. Giọng rời rạc, bà nói về những ước mong, nỗi lo lúc cuối đời. Các con vòng tay, lặng im, đón từng lời của mẹ: “*Điều mẹ lo nhất là các con của Út không có điều kiện học lên rồi lại khổ như ba mẹ chúng*”. Bà thở dài, mắt ứa lệ, dăm dăm nhìn các con như muốn trời trắng, nhắm gủi. Bất chợt bà nắm lấy tay vợ chồng cậu Hai, giọng lạc đi, “*Mẹ có mệnh hệ nào, các con đừng xây mồ to mà đẹp làm gì cho tốn... thương mẹ thì hãy dành tiền giúp các con của Út học hành nên người*”. Những lời xót xa ấy nhòe trong nước mắt và đôi vai gầy rung lên trong tiếng nấc.

Sau thoáng sững sờ, những người con cùng òa lên, ôm chầm lấy mẹ. ■

Những bài học thuộc lòng của một thời tiểu học

NGUYỄN PHÚC VINH BA

Đã hơn nửa thế kỷ trôi qua nhưng những bài học thuộc lòng thời tiểu học vẫn còn đọng trong tâm trí tôi. Chúng như một dòng sông trong xanh mát rượi mà tâm hồn trẻ thơ ngày ấy của tôi bơi lội thỏa thích. Cái cảm giác đó giờ vẫn làm mát tâm thể già nua này. Thỉnh thoảng tôi gắng sức nhớ lại thì cũng chỉ nhớ được đôi câu. Gặp bạn bè cùng lứa hỏi han, thích thú thay tìm được toàn vẹn dăm bài. Giá như còn lưu giữ được những cuốn Tập đọc đó thì quý biết chừng nào.

Đạo ấy khoảng năm 55-60 của thế kỷ trước. Thơ của nhiều nhà thơ nổi tiếng được đưa vào sách tập đọc như Tế Hanh (bài *Quê hương*: Làng tôi vốn quen nghề chài lưới ...), Lưu Trọng Lư (bài *Nắng mới*: Mỗi lần nắng mới hắt bên sông ...), Bằng Bá Lân (bài *Cổng làng*: Chiều hôm đón mát cổng làng ...), Xuân Tâm (bài *Nghĩ hè*: Sung sướng quá giờ cuối cùng đã đến ...), Thế Lữ (bài *Hổ nhớ rừng*: Ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ...), Tản Đà (bài *Bữa cơm ngon*: Tan buổi học, mẹ ngồi tựa cửa...).

Dẫu vậy, không ít nhà thơ khác không mấy tiếng tăm cũng có thơ trong sách Tập đọc. Phải chăng vì dù ngôn từ đơn sơ, chưa đạt tầm nghệ thuật cao, ý nghĩa thơ của họ quá sâu sắc và phù hợp với lứa tuổi học trò tiểu học?

Trong trí tưởng của tôi ngày ấy và cả bây giờ, những bài thơ đơn sơ ấy lại đậm đà hương vị vô cùng.

Ví như bài "*Thối cơm*" dưới đây:

*Chiều qua thằng nhỏ xin ra
Sáng nay em phải ở nhà thối cơm
Nồi đồng thối gạo tám thơm
Tính em háu đói chất rơm bốn bề
Không ngờ quá lửa thành khê
Mẹ em mắng mãi thẹn ê cả người
Em xin các bạn đừng cười
Xưa nay em tính vốn lười nấu ăn.*

Đúng như trường hợp của các bạn học sinh nông thôn. Nhà dư dả chút đỉnh, cho con đi học trường xã, trường huyện, cúng chiều nên miễn hết mọi chuyện phụ giúp gia đình để tập trung học tập. Bài thơ như một lời hối lỗi nhẹ nhàng, rất trẻ con và thơ ngây.

Bài "*Học trò nghèo*" lại làm chúng tôi xúc động lắm lắm:

*Hôm nay trời lại mưa phùn
Đường em đi học lầy bùn khổ chưa
Trên đầu không nón che mưa
Có đôi guốc vệt lại vừa đứt quai
Tay em ôm vạt áo dài
Một tay xách guốc xốc hai ống quần
Bùn sâu đến mắt cá chân
Sách em ấp ngực mấy lần chực rơi
Xa xa trống đã điểm hồi
Em còn dò dẫm ngoài trời đợi mưa.*

Thú thật đạo ấy học bài này chúng tôi cảm thấy bùi ngùi vô vàn cho "em học trò nghèo" này.

Tuổi thơ của chúng tôi ướp đầy những tình cảm dịu dàng như thế. Sau này chúng tôi nghiệm ra chính lòng nhân ái của mỗi người được hình thành từ những bài học đầu đời như thế. Thiếu chúng đi, bị dạy dỗ hận thù lúc còn bé, tâm hồn chúng ta sẽ bị thu hẹp và dễ trở thành tàn độc.

Những bài có tính cách luân lý thì lại vừa hóm hỉnh vừa nhẹ nhàng làm sao.

Ví dụ, bài "*Viên kẹo đạn*" sau đây:

*"Mẹ ơi con suýt gãy răng.
Thôi, con trả mẹ, chẳng ăn kẹo này!"
"Thằng con mới lạ lòng thay
Kẹo ăn phải ngậm sao mà lại nhai?"
Cậu em nghe nói êm tai,
Cầm viên kẹo đạn mút hai ba lần.
Tự nhiên chất ngọt tan dần,
Mặt mày xem đã có phần vui tươi.
Mẹ nhìn con, mỉm miệng cười:
"Rồi đây khôn lớn, ra đời bôn ba,
Con nên nhân đó suy ra,
Dịu dàng êm ái hơn là hung hăng".*

Đây đúng ra là một bài đức dục. Tuy nhiên, nếu viết thành bài văn xuôi dạy đức dục, dạy cách xử thế thì khô khan lắm, trẻ nhỏ hẳn không ưa thích đâu. Ở đây, tác giả mượn một hình ảnh quen thuộc của đời học sinh và lồng vào đấy một bài học luân lý sâu sắc. Khi lớn lên, tôi thấy đó chẳng khác gì chiến thuật "nhu thắng



cương, nhục trắng cường”, “nước chảy đá mòn”,... mà ta thường áp dụng trong nhiều lãnh vực.

Tôi còn nhớ một bài khác cũng dạy về “học làm người” rất khôi hài mà thâm thúy lạ.

Đó là bài “Đeo kiếng”:

*Trò Ba đeo cặp kiếng râm
Than rằng trời đất tối tăm mặt mờ
Vội vàng đổi kiếng màu lơ
Than rằng trời đất bây giờ hóa xanh
Ba ta lại muốn chơi tinh
Thay đôi kiếng trắng nhìn quanh khắp nhà
Than rằng muôn vật hóa nhòa
Mẹ Ba thấy vậy bảo Ba đôi lời:
“Muốn trông cho rõ sự đời
Mà con đeo kính nực cười lắm thay!
Hãy mau bỏ kiếng ra ngay
Nhìn bằng mắt thật họa may khỏi nhảm”.*

Bài này xét tận cùng ý nghĩa nó rất thâm sâu: Dưới một quan điểm nào đó thì sự vật sẽ mang một ý nghĩa nào đó. Tuy nhiên, trở lại với cái nhìn con trẻ, bài thơ này lại rất hoạt kê. Trò Ba này cứ thay đổi lung tung, chạy theo các trò học đòi vớ vẩn mà quên đi khả năng sẵn có của chính bản thân mình. Thậm chí ngay cả người lớn, bài thơ này vẫn là một bài học có tính triết lý cao xa. Tùy chúng ta hiểu vậy.

Chê bai cái thói đua đòi ăn mặc “mô-đen” của thanh thiếu niên thì có bài “Chị chàng ếch” như sau:

*Chị chàng ếch thích ăn mặc lạ
Choàng khăn san bằng lá tía tô*

*Nấm hương che nắng làm ô
Chân nông đòi quả ớt khô làm già
Chị nhí nhảnh đi đây đi đó
Gặp mấy o xách giỏ tới gần
Quãng ô toan chạy thoát thân
Nhưng vì đang vướng bàn chân có già
Thế là đã vào tay họ bắt
Họ đem về liền chặt đầu ngay
Chặt rồi họ nấu liền tay
Nấm hương rau tía ớt cay sẵn sàng.*

Hậu quả của sự đua đòi thật là quá bi thương, phải không? Đây là một bài học đích đáng như ta hiện thấy đã xảy ra cho trẻ trong xã hội tuổi thiếu niên hôm nay.

Rất nhiều bài khác nữa ca tụng các anh hùng cũng như quê hương đất nước gấm vóc Việt Nam. Có một bài được dạy vào năm lớp Nhất (lớp 5 bây giờ) mà tôi rất thích, đến bây giờ đọc lại vẫn còn rung động:

Anh hùng vô danh

*Họ là những anh hùng không tên tuổi
Sống âm thầm trong bóng tối mờ mênh
Không khi nào được hưởng ánh quang vinh
Nhưng can đảm và tận tình giúp nước*

*Họ là kẻ muôn ngàn năm thuở trước
Đã phá rừng, xẻ núi, lấp đồng sâu
Và làm cho những đất cát hoang vu
Biến thành một dải sơn hà gấm vóc*

...



*Trong chiến đấu, không nài muôn khó nhọc
Cười hiểm nguy, bất chấp nỗi gian nan,
Người thất cơ thành thịt nát xương tan
Nhưng kẻ sống lòng son không biến chuyển.*

*Và đến lúc nước nhà vui thoát hiểm
Quyết khước từ lợi lộc với vinh hoa.
Họ buông gươm quay lại chốn quê nhà
Để sống lại cuộc đời trong bóng tối.*

*Họ là kẻ anh hùng không tên tuổi
Trong loạn ly như giữa lúc thanh bình
Bên một lòng dũng cảm, chí hy sinh
Dâng đất nước cả cuộc đời trong sạch.*

*Tuy công nghiệp không ghi trong sử sách,
Tuy bằng vàng bia đá chẳng đề tên,
Tuy mờ hoang xiêu lạc dưới trời quên
Không ai đến khẩn nguyện dâng lễ vật.*

*Nhưng máu họ đã len vào mạch đất,
Thịt cùng xương trộn lẫn với non sông
Và anh hồn chung với tấm trình trung
Đã hòa hợp làm linh hồn giống VIỆT.*

(Đặng Phương)

Nghiệm lại, hóa ra các anh hùng không phải luôn luôn là người có nhiều kẻ đến đưa tiễn, ai điếu, được ghi công trọng thưởng trong sử sách mà chính là những người dù

*"Tuy mờ hoang xiêu lạc dưới trời quên
Không ai đến khẩn nguyện dâng lễ vật"*

đã thật sự đóng góp máu xương của mình một cách có ý nghĩa cho đất mẹ. Họ chính là những anh hùng đích thực vì

"máu họ đã len vào mạch đất"

và nuôi dưỡng chúng ta ngày hôm nay. Quả là bài thơ có một tầm nhìn rất khai phóng và nhân bản.

Dạy trẻ bằng những bài thơ ngắn gọn như *ri* thật không gì hay hơn. Nội dung của chúng rất lành mạnh, toàn là những điều hay nét tốt của nhân loại, bất kể quốc gia nào, sắc tộc nào, tôn giáo nào... Điều cần chú ý là cái bài học thuộc lòng này không có hình bóng nào của một chủ nghĩa chính trị, điều mà trẻ nhỏ hoàn toàn không cần tới. Tuổi nhỏ chỉ cần học làm người như thế thôi thì lớn lên chúng sẽ là những công dân tốt. Chính vì thế mà sau nửa thế kỷ, chúng tôi vẫn yêu thích những bài học thuộc lòng như thế.

Muốn có được thế, Bộ Giáo dục chỉ cần vạch ra chương trình đại cương, bao nhiêu tiết, bao nhiêu chủ đề, bao nhiêu yêu cầu... và để cho tư nhân biên soạn. Các giáo sư, các nhà xuất bản sẽ đóng góp những sáng tạo riêng tư của họ, làm bộ sách phong phú và tránh được nhiều sai lầm. Họ phải làm tốt nếu không chẳng ai thèm mua sách của họ.

Hơn thế, nhà nước lại huy động được trí tuệ của bao nhân sĩ, tránh được sự độc quyền khiến dẫn tới tình trạng B' rồi B'' để cuối cùng có nhiều hạt sạn to đùng trong sách giáo khoa như hiện nay. Một cuốn sách phải sử dụng được một thời gian lâu dài, tránh lãng phí cho nhân dân và không chạy theo những xu hướng giai đoạn.

Một bộ sách hay cho cấp học đầu này sẽ đóng góp nhiều cho sự nghiệp giáo dục nước nhà, đẩy lùi các tệ nạn như ta thấy đang tràn lan hiện nay.

Tiếc thay, hiện nay không còn có những bộ sách giáo khoa tiểu học hay như thế. Thật tội nghiệp cho con cháu chúng ta! ■



Hỏi Trong một buổi họp mặt, một bạn Phật tử nói đã đọc trong sách, giải thích về con số 8 vạn 4 ngàn pháp môn rằng: Đức Phật Thích-ca đã giảng tổng cộng 80 ngàn bài (dài và ngắn), các đệ tử của Ngài giảng thêm 4 ngàn bài; cộng chung là 84.000 bài, gọi là 8 vạn 4 ngàn pháp môn. Xin được giải thích thêm.

(Một Phật tử chùa Phật Quang, Edmonton-Canada)

Đáp Chúng tôi không tìm thấy tài liệu nào nói như trên.

Trước hết, pháp môn theo nghĩa thông thường là phương pháp học giáo lý (Dhamma Method), là cửa pháp (Dhamma gate/door), là nhóm giáo lý (Pháp uẩn, Dhammakhanda, Teaching section),... Đại thừa Khởi tín luận Nghĩa ký ghi: "Pháp nghĩa là khuôn mẫu để người ta hiểu biết sự vật, môn là cửa ngõ qua lại của hàng Thánh trí".

Con số 8 vạn 4 ngàn được nêu rất nhiều trong kinh điển Phật giáo (phần lớn thuộc Đại thừa, ví dụ kinh Quán Vô Lượng Thọ, kinh Pháp Hoa, kinh A-dục Vương, luận Câu-xá, luận Đại Tỳ-bà-sa, Ma-ha Chỉ Quán, luật Thiện Kiến...). Nhưng đầu tiên, có một số tài liệu bảo rằng theo truyền thống Nguyên thủy, giáo lý của Đức Phật gồm 8 vạn 4 ngàn pháp uẩn: Kinh 21 ngàn, Luật 21 ngàn, Luận 42 ngàn. Con số 8 vạn 4 ngàn có lẽ xuất phát từ bài kệ của Tôn giả A-nan trong Trường lão Tăng kệ, kệ 1025 "Ta nhận từ Đức Phật – Tám mươi hai ngàn pháp - Còn nhận từ Tỳ-kheo - Thêm hai ngàn pháp nữa - Tổng cộng Tám tư ngàn - Là pháp ta chuyển vận". Bộ Đại sử (Mahavamsa) kể rằng vua A-dục hỏi ngài Moggaliputta Tissa về việc phổ truyền Chánh pháp và được trả lời rằng có 8 vạn 4 ngàn pháp uẩn (pháp môn) trong Kinh tạng, đó là Pháp thân của Đức Phật (Dhammakaya) gồm Đức Phật và Phật pháp. Vua bảo sẽ xây tháp cúng dường, rồi ban vàng cho các quốc vương trong đế quốc của ngài để xây tháp và tịnh xá, cộng tất cả được 8 vạn 4 ngàn tháp. Sách Duy thức Nghĩa cú ký của ngài Huệ Viễn có ghi: Phật có 350 môn công đức, mỗi môn có lục độ, có bốn loại căn tính của chúng sanh (tham, tà hạnh, sân, si); vậy, $350 \times 6 \times 4 = 84.000$. Sách Thủ Lăng nghiêm Văn cú ghi rằng Tỳ-kheo có 8 vạn 4 ngàn hạnh vi tế: 4 oai nghi \times 250 giới = 1.000, đưa vào tam tụ tịnh giới thì gồm $1.000 \times 3 = 3.000$, phối hợp với 7 món sát, đọa, dâm, lưỡng thiệt, ác khẩu, vọng ngữ, ý ngữ thì $3.000 \times 7 = 21.000$; phối hợp với tham, sân, si, đẳng phần thì $21.000 \times 4 = 84.000$.

Thực ra, con số 8 vạn 4 ngàn đã khá quen thuộc với dân Ấn Độ cổ. Phái Kỳ-na chia chu kỳ thời gian làm 84.000 năm; con số này cũng thường được dùng để chỉ một số lượng rất lớn. Từ điển Phật Quang giải thích: "8 vạn 4 ngàn là một số lượng rất lớn và dùng để chỉ số lượng của phiền não, trần lao, pháp môn, pháp tạng, pháp uẩn". Kinh Quán Vô Lượng Thọ bảo rằng Đức Phật A-di-đà có 8 vạn 4 ngàn tướng đẹp đẽ, phát ra 8 vạn 4 ngàn ánh sáng.

Qua các phân tích trên, ta thấy rằng không thể nào kể ra đủ các pháp môn của Đức Phật cho đúng con số 8 vạn 4 ngàn một cách chi li, rõ ràng, hợp lý được. Nếu chỉ vì con số ấy mà kể ra nhiều món cho đủ thì chỉ là gượng ép.

Chỉ có cách hiểu 8 vạn 4 ngàn là một con số chỉ số lượng rất nhiều, vô số, không kể ra được và đầy đủ, là một con số tượng trưng. Ta hãy so sánh hai đoạn tương đương trong hai bản dịch Đại Bát Niết-bàn kinh từ bản Hán, một của Kosho Yamamoto dịch ra Anh ngữ, một của Hòa thượng Thích Trí Tịnh dịch ra Việt ngữ - Đoạn kinh nói về những người hoàng tộc dòng Ly-xa của thành Tỳ-da-ly đem đồ cúng dường Đức Phật khi Ngài sắp nhập Niết-bàn. Bản Anh ngữ: "Mỗi vị Ly-xa có 84.000 voi được trang hoàng đẹp đẽ, 84.000 xe tứ mã chở kho báu, 84.000 châu nguyệt ngọc. Cũng có những khối gỗ để đốt như gỗ trầm, gỗ chiên-đàn, gỗ lô hội, mỗi thứ đều gần 84.000". Bản dịch Việt ngữ: "Họ đem vô số đồ cúng dường với vô số châu minh nguyệt, chở bằng những thớt tượng lớn và những cỗ xe báu tứ mã, trên xe trang hoàng vô số phan lọng". Hai đoạn kinh trên có thể được dịch từ hai bản Hán dịch khác nhau (bản Anh ngữ được dịch từ bản Hán do Đàm-vô-sấm dịch từ bản Phạn), nhưng rõ ràng con số 8 vạn 4 ngàn cũng được hiểu là vô số.

Rất nhiều nội dung, nhiều chi tiết, thuật ngữ, pháp số trong các kinh điển Đại thừa thường phải được hiểu một cách bóng bẩy, tượng trưng, ý ở đằng sau từ, nghĩa ở đằng sau lời... Nếu cứ cố phân tích rạch ròi, cụ thể thì e không thể được, thậm chí còn phạm sai lầm tai hại.

Bàng Ân



Điều khắc gỗ: THIÊN PHÚ THẢO

45/2N, Nhà Vương, Mỹ Hòa 1, Trưng Chánh, Hóc Môn, TP.HCM

03.37 13 13 13 - 01 666 000 666 - 01 222 999 666

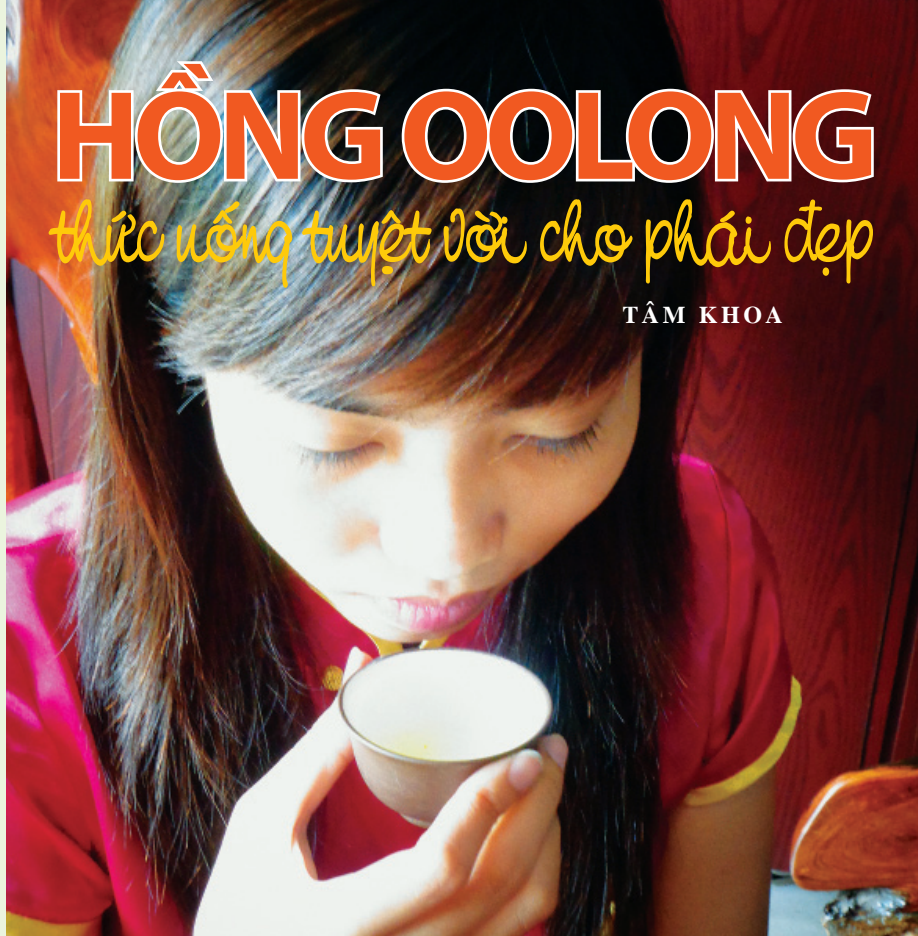
WWW.thienphuthao.com - dicakhaogo.vn - Email: dihanthao@gmail.com



HỒNG OOLONG

thức uống tuyệt vời cho phái đẹp

TÂM KHOA



Trà Oolong đã trở nên gần gũi với người uống trà và đặc biệt được phái đẹp ưa dùng vì những giá trị gia tăng cho sức khỏe. Nhưng trà Oolong có bao nhiêu loại, bao nhiêu giống trà khác nhau và sau chế biến chúng được phân loại phẩm chất như thế nào thì ít người chú ý biết đến. Bên cạnh đó, điều kiện thổ nhưỡng và khí hậu cũng ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng của lá trà; những cây trà sống trên núi càng cao càng cho phẩm chất tốt, nó mang hương vị thuần thanh khiết mà hương sâu rất bền.

Trà Oolong là trà bán lên men, quá trình lên men từ 40% đến 90% nên đã tạo ra hai loại khác nhau. Trà Oolong thông thường hay còn gọi là Oolong xanh thường lên men từ 40% đến 60%, còn loại lên men cao từ 80% đến 90% sẽ cho ra trà Oolong chín hay còn gọi là trà hồng Oolong.

Quy trình chế biến trà hồng Oolong kéo dài hơn so với trà Oolong xanh thông

thường. Để lên men trà tới 90% đòi hỏi kỹ thuật cao, hiện ở Việt Nam không có nhiều người làm hồng Oolong. Còn một thói quen khác là người Việt quen với trà xanh nên chưa chú ý tới hồng trà. Nhưng người sành trà lại đánh giá cao loại trà này vì những lợi ích về sức khỏe mà hồng trà mang lại.

Ngoài các thành phần giống như trà xanh giúp tinh thần sáng khoái và tỉnh táo, trà Oolong trải qua quá trình bán lên men nên lượng OTTP (Oolong Tea Polymerized Polyphenol) trong trà rất dồi dào. Chính lượng OTTP giúp giảm hấp thụ chất béo, giảm cholesterol, do đó kiểm soát được cân nặng, cải thiện sắc đẹp của làn da, chống lão hóa và bức xạ.

Đặc biệt trà hồng Oolong có thể dưỡng dương khí. Do có chứa nhiều protein và đường nên khi uống sinh nhiệt làm ấm bụng, hỗ trợ tiêu hóa và giảm mỡ. Ngoài ra nó còn có tác dụng phòng chống loãng xương, giảm tỷ lệ ung thư da, phòng trừ

bệnh cảm cúm cũng như giảm triệu chứng cao huyết áp.

Quá trình lên men tới 90% đã cho trà hồng Oolong có hương thơm ngào ngạt của trái cây rừng chín và vị mật tự nhiên. Những lá trà Oolong được vo tròn có màu nâu sáng bóng rất đẹp mắt. Nước pha trà cũng sáng sủa ánh nâu vàng được nhiều người ưa thích.

Chính hương thơm thuần khiết thiên nhiên, sắc nâu quyến rũ của chén trà cùng được tính quý mà trà hồng Oolong được phái đẹp chọn là thức uống bổ dưỡng mỗi ngày.

Để thưởng thức chén hồng Oolong đúng điệu, nên chọn bình pha trà lớn và chén uống trà lớn khoảng 50ml - 60ml. Nhiệt độ thích hợp pha trà vào khoảng 90°C. Dùng 6g - 8g trà cho 2 hoặc 3 người uống. Đầu tiên cho nước sôi ngập trà và đổ ngay nước tráng trà này. Sau đó đổ nước sôi khoảng 90°C vào bình (không đổ nước đầy ấm mà đổ khoảng 90% dung tích ấm) đợi 1 phút thì rót ra thưởng thức và các lần sau lâu hơn từ 30 giây tới 60 giây, tùy theo sở thích của mình. Khi pha trà lưu ý mỗi lần pha sẽ rót hết nước trong ấm không ngâm trà và pha cho tới khi nước trắng thì ngưng. Nhiều người cầu kỳ hơn trước khi pha trà sẽ sấy (rang) lại trà hồng Oolong khô để tăng hương thơm khi pha.

Trà hồng Oolong dùng uống nóng hoặc có thể thêm đường hay mật ong sẽ tạo hương vị rất tuyệt và đặc biệt có thể dùng làm thức uống trong bữa ăn.

Trên thị trường hiện nay đã có một số loại hồng Oolong hay Oolong chín khác nhau như của Đài Loan có Trà Vương số 109/919/409 hay trà Gaba trong nước có trà Oolong 79 của Song Hỷ Trà...

Để tìm đúng loại trà hồng Oolong nên hỏi rõ người bán để tìm đúng loại và đặc điểm nhận dạng: khi nhìn vào viên trà khô phải có màu nâu sáng bóng được vo tròn và cọng trà càng nhỏ, ngắn thì phẩm chất tốt hơn. Việc bảo quản trà hồng Oolong cũng đơn giản hơn không phải giữ kín hơi như dòng trà xanh, chỉ lưu ý tránh nơi ẩm ướt và ánh nắng chiếu vào.



Song Hỷ Trà™

TRÀ OOLONG 68 ★★★★★

TRÀ OOLONG 79 ★★★★★

TRÀ OOLONG ĐĂNG ĐỪNG ★★★★★

Trà Oolong - Thức uống tuyệt vời cho phái đẹp



0947 798 186

Song Hỷ trà

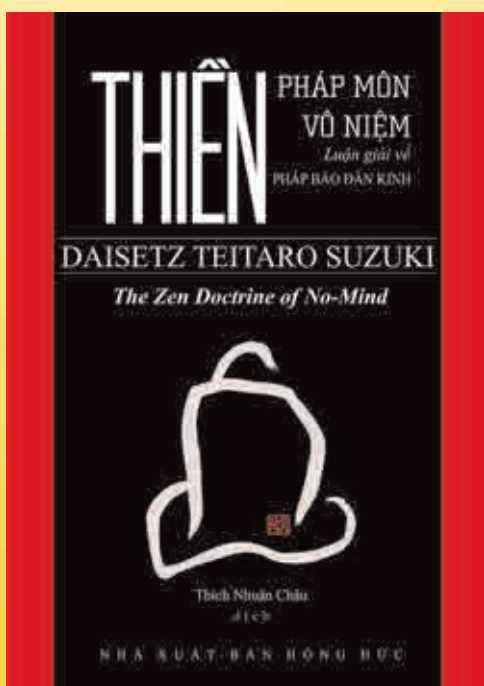
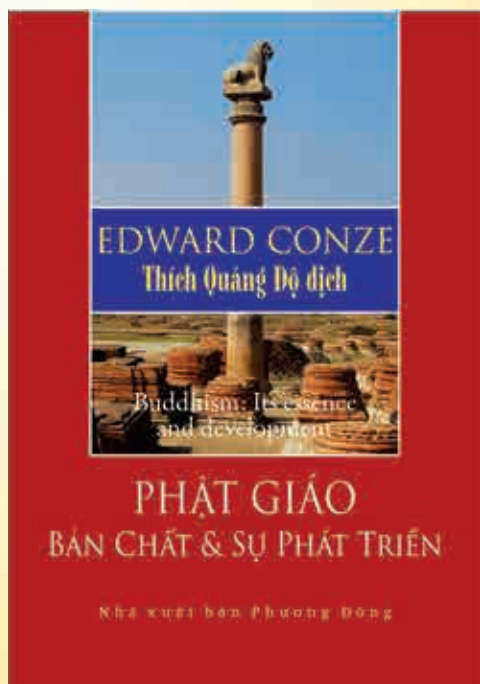
6A Lê Quý Đôn, P.6, Q.3





NHÀ SÁCH VĂN THÀNH

Số mới: 411 Hoàng Sa – phường 8 – quận 3 – TP.HCM
(Số cũ: 60/116 Lý Chính Thắng – P.8 – Q.3 – TP.HCM)
Tel: 08.38482028



CHI NHÁNH QUẬN 9

Nhà số 14, đường số 8, P.Phước Bình, quận 9, TP.HCM. ĐT: 728 0174 - DD: 0909.093.106

Nhà sách chúng tôi có dịch vụ chuyên tư vấn về xuất bản, in ấn, lo mọi thủ tục giấy phép và thực hiện chế bản các thể loại kinh sách văn hóa phẩm Phật giáo bằng chữ Hán, Pàli và Sanskrit.

CHÚC MỪNG KHAI TRƯƠNG

MỸ NGHỆ TRẦM HƯƠNG TRƯỜNG KHA vừa mới khai trương thêm cửa hàng liên thông từ số 168 đến 172 Nguyễn Chí Thanh, P.3, Q.10, TP.HCM. Cửa hàng có rất nhiều sản phẩm mới về trầm hương và đặc biệt các loại xâu chuỗi, tượng gỗ bằng trầm hương rất nghệ thuật và giá trị...

Chúng tôi xin chúc mừng đạo hữu Trường Kha và Ban Quản trị.

Cung kính thỉnh mời chư tôn thiên đức Tăng Ni và quý Phật tử gần xa đến tham quan và tùy duyên thỉnh tượng - mua các vật phẩm về trầm.

Trị sự tạp chí VHPG
Nguyễn Bồng



KHÂM TÍN

**Nước Uống
ALOE PAS**

Uống Ngon Ngon Nhai Giòn Giòn

- Công ty TNHH TMDV KHÂM TÍN vừa đưa ra thị trường sản phẩm nước uống **Nha đam - Chanh dây** mang thương hiệu **ALOE PAS** được người tiêu dùng đánh giá rất cao. Ngoài việc kết hợp độc đáo của hai loại thảo dược thiên nhiên mang nhiều dưỡng chất có lợi cho sức khỏe này, nước uống **ALOE PAS** còn mang đến cho người tiêu dùng một trải nghiệm hương vị mới vô cùng hấp dẫn.
- Với phương châm sản xuất ra những sản phẩm **Đẹp Vì Cuộc Sống, Khỏe Vì Gia Đình**, giải thưởng **Cúp Vàng Chất Lượng Việt Nam Phù Hợp Tiêu Chuẩn** chính là ghi nhận xứng đáng dành cho những đóng góp của công ty.

Sản phẩm của : **CTY TNHH ĐƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KHÂM TÍN**
Số 128/11 Cô Bắc, Phường, Cô Giang, Q.1, TP.HỒ CHÍ MINH
Số Nhà máy : **CH NHADAM VINA - CTY TNHH TM DV KHÂM TÍN**
Số 2 Lô A, Cụ Xá Phú Lâm D, P. 10, Q. 6, TP. HCM, VIỆT NAM
Website : www.khamtin.vn Email : khamtin1666@gmail.com

ĐẸP VÌ CUỘC SỐNG · KHỎE VÌ GIA ĐÌNH

pháp uyển

PHARMA GARDEN

17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tường, P. 6, Bình Thạnh, Tp.HCM
08. 35 035 579 - 08. 36 026 818 - 0916 943 877
lienhe@phapuyen.com - www.phapuyen.com

**Công ty TNHH SX-TM
QUANG NGHỆ**
QUANG NGHỆ CO., LTD.
HÈN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm
Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - DD: 0989 183 398

- Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...
- Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước
Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM
Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506
Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn
Website: www.quangnghecandle.com



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn
3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035
"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"



CHÂN NGUYÊN

THỰC PHẨM DƯỠNG SINH

CHÂN NGUYÊN®

96H Võ Thị Sáu, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM
Số 11 đường Số 2, Cư xá Đô Thành, P.4, Q.3, TP.HCM, Tel: 08 22422951
Facebook: [channguyen](https://www.facebook.com/channguyen)
Hotline: 84-8-38251659 - Web: www.channguyen.vn

BIOCHEM

CÔNG TY CỔ PHẦN SINH HÓA QUỐC TẾ

NHÀ CUNG CẤP SƠN GỖ GỐC NƯỚC HÀNG ĐẦU

THE LEADING WATER-BASED WOOD PAINT SUPPLIER



Tel: 0917 337 500
www.biochem.vn

PHÒNG PHÁT HÀNH KINH SÁCH - VĂN HÓA PHẬT GIÁO

TÂM THUẬN

- Kinh, sách văn hóa phẩm Phật giáo
- Pháp phục Tăng, Ni, áo tràng Phật tử, nón tỷ lư...
- Chuông mõ Huế các size.
- Tranh, tượng Phật, hàng mỹ nghệ, lưu niệm...
- Nhận thực hiện in, ấn tống kinh sách theo yêu cầu

Giao hàng tận nơi (08) 2247 7809

Đ/C: Cuối hẻm 380 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, Tp.HCM
ĐT: 0902 40 47 48 - 0972 898818 - Email: hoinguyen.kt@gmail.com



- Ngô Phương Đức: STK: 76935619
Ngân hàng ACB - CN Bình Thạnh
- Nguyễn Thị Hối: STK: 1920206053273
Ngân hàng Agribank - CN Bến Thành



Restaurant

Chay

Vegetarian

Với các món ăn chay tinh khiết, nấu theo lối Huế thuần túy
Khung cảnh ấm cúng, thanh nhã và lịch sự

○ **Đặc biệt:** Bánh bèo, bánh nậm, bánh bột lọc, cuốn diếp, cuốn rỏi, bánh ướt cuốn vụn hoa, gói và trộn, gói mít trộn, cơm sen, bún Huế, cơm hến chay, bún hến chay...

Giờ mở cửa: Từ 6 giờ - 22 giờ

Buổi sáng: Còn có điểm tâm, cà-phê và nước uống



○ **Địa chỉ:** 11 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM

○ **Điện thoại:** (08) 384 82612 - 0909 023469
hoan hi gap anh Lành (quản lý)

Trân trọng kính mời

VĂN HÓA
PHẬT GIÁO

- Quý độc giả có nhu cầu viết bài và chụp ảnh về nhà hàng chay, quảng bá thương hiệu hay đưa tin về công tác từ thiện, chuyên mục y tế cũng như đăng quảng cáo...
- Xin vui lòng liên hệ: đạo hữu **Pháp Tuệ**
- ĐT: **0913 810 082**
- Email: **bongnguyen.vhpg@gmail.com**



DIÊU TƯỜNG AN NAM KỲ
382B NAM KỲ KHƠI NGHĨA, P. 8, Q. 3
ĐT: (08) 38 484 558 - HOTLINE: 0906 955 663

DIÊU TƯỜNG AN 3/2
212 BA THĂNG HẢI, P. 12, Q. 10
ĐT: (08) 38 684 913 - HOTLINE: 0902 848 363

DIÊU TƯỜNG LƯU LY QUANG (NGỌC LƯU LY)
382G NAM KỲ KHƠI NGHĨA, P. 8, Q. 3
ĐT: 0938 959 503

www.dieutuongam.com

Cơ sở Hồng Ân laminate

- Cung cấp các loại tranh laminate,
- Tranh sơn dầu, tranh thư pháp,
- Tranh đèn led, đồng hồ lịch vạn niên
- In ảnh và gia công ép laminate



Đc: 36/11/1 Lũy Bán Bích,
P.Tân Thới Hòa, Q.Tân Phú, Tp.HCM
ĐT: 08.39612835-0903685605-0903969396
Email: honganart @ ymail.com



Hoà Tiên

CÔNG TY TNHH-SXTM HOA TIÊN

Showroom: BB3, Trường Sơn, Phường 15, Q.10, TP.HCM

Chuyên sản xuất:

- Các tôn tượng Phật
- Linh vật phong thủy
- Trang trí nội thất

Liên hệ để biết thêm chi tiết:

- Anh Minh, ĐT: 0908.381.867
- Web: www.hoatien.vn
- Email: thongtin@hoatien.vn

Với chất liệu sản phẩm bằng Polyresin

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 20.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG

SỐ: /TM/BTS

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 14 tháng 10 năm 2015

THÔNG BÁO TỔ CHỨC CÁC GIAN HÀNG VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

Kính gửi: Các Công ty – Doanh nghiệp – Cửa hàng đang sản xuất và kinh doanh

- Thực phẩm chay
- Văn hóa phẩm Phật giáo
- Tượng Phật và vật phẩm thờ cúng
- Trang phục và pháp phục Phật giáo
- Các sản phẩm phục vụ cho sinh hoạt cộng đồng, tín ngưỡng Phật giáo

Được sự chấp thuận của Hội đồng Trị sự GHPGVN và Ban Tôn giáo Chính phủ, Ban Hoàng pháp Trung ương phối hợp cùng Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tổ chức Hội thảo Hoàng pháp toàn quốc từ ngày 05-08/12/2015 tại Tổ đình Đại Tòng Lâm, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu với sự hội tụ của 1.200 Tăng Ni và khoảng 30.000 Phật tử từ các tỉnh thành toàn quốc về tham gia Hội thảo và Khóa tu.

Nhân dịp này, nhằm tạo điều kiện cho các Công ty, Doanh nghiệp, Cửa hàng đang sản xuất và kinh doanh các mặt hàng trong lĩnh vực phục vụ Phật pháp được đề dàng tiếp cận, giới thiệu, quảng bá để phát triển ngành hàng của mình.

Ban Tổ chức Hội thảo sẽ kết hợp tổ chức các gian hàng với những thông tin sau:

- Thời gian: Từ 05 đến 08/12/2015
- Địa điểm: Tổ đình Đại Tòng Lâm, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Liên hệ đăng ký:
 - Đại đức Thích Thiện Thuận – 094.854.5554
 - Phật tử Hương Sen – 094.8888.972
- Do số lượng gian hàng có hạn nên quý Doanh nghiệp hoan hỷ đăng ký sớm để Ban Tổ chức tiện sắp xếp.
- Quý Doanh nghiệp tham gia:
 - Đăng ký tên các sản phẩm mà Doanh nghiệp tham gia triển lãm.
 - Gửi thông tin Doanh nghiệp và logo sản phẩm của mình (nếu có) qua email: thichthienthuan5554@gmail.com để chúng tôi thiết kế và in pano trang trí cho gian hàng.

Trân trọng.

TM.BAN THƯỜNG TRỰC BAN TRỊ SỰ GHPGVN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
KT.TRƯỞNG BAN
PHÓ BAN kiêm TRƯỞNG BAN HOÀNG PHÁP
Hòa thượng THÍCH GIÁC HẠNH

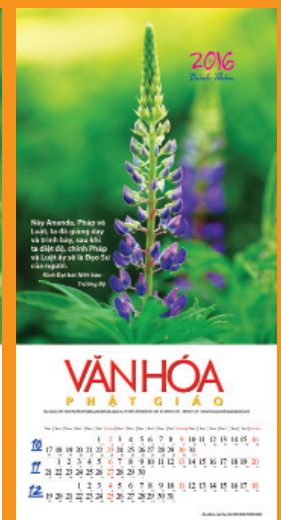
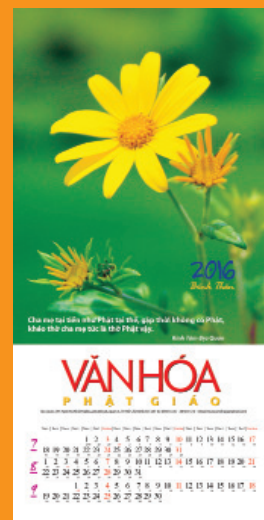
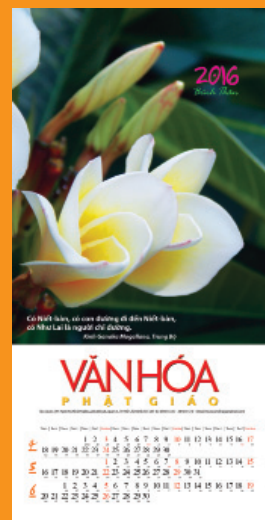
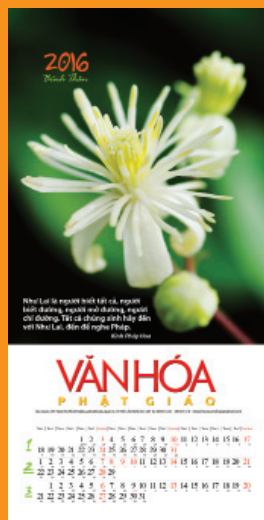
Lịch 2016
Bình Thân

Bộ lịch Văn Hóa Phật Giáo với chủ đề “Lời Phật dạy và hoa”
Khổ 35cmx70cm, nẹp thiếc, 5 tờ, in 4 màu, trình bày trang nhã.

Giá: 17.000đ/cuốn

(có giá ưu đãi cho khách đặt mua 100 cuốn trở lên và in tên đơn vị)

Lịch được phát hành tại Ban Phát hành tạp chí Văn Hóa Phật Giáo,
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM - ĐT: (08) 38484 335 - 0907 164066





HOA SEN
GROUP



**ON GIỜ!
CẬU ĐÂY RỒI!**



TÀI TRỢ CHÍNH

TÔN HOA SEN
Mái ấm gia đình Việt

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA

ÔNG NHỰA HOA SEN
Dẫn nguồn hạnh phúc

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA

ÔNG KÉM HOA SEN
Bền vững đến tương lai

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA

ĐÓN XEM CHƯƠNG TRÌNH "ON GIỜ ! CẬU ĐÂY RỒI"

Trên kênh **VTV3** lúc 21g15 thứ bảy hàng tuần Phát sóng từ ngày 31/10/2015 - 23/01/2015

• www.hoasengroup.vn • www.facebook.com/hoasengroup.vn